

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *hiện tình và tương lai liên hiệp quốc* • NGUYỄN HIẾN LÊ *đuổi bắt ảo ảnh* • NGUYỄN HỮU PHIẾM *gia đình và học đường* • TRẦN HƯƠNG TỬ *những đề tài chính của triết học hiện sinh* • VƯƠNG HỒNG SẼN *về bộ tiền đồng đời xưa* • HOÀNG THÁI LINH *văn nghệ như một phủ nhận* • QUỐC DŨNG *thân dân* • TRẦN VĂN KHÊ *đại hội âm nhạc nữ ước* • TƯỜNG LINH *bài thứ 5* • VÕ HỒNG *chuyện cái răng* • ĐOÀN THÊM *khuya* • CÔ LIÊU *cô liêu* • HOÀI HƯƠNG *mẹ con* • BÙI KHÁNH *ĐÀN thao thức – MẶC THU đêm* • TOAN ÁNH – NGUYỄN VĂN CÒN – LÊ VĂN SIÊU – NHẬT TIẾN *trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của bách khoa* • TRĂNG THIÊN *đọc thương chồng của nhất linh* • NGUYỄN NGU Í *nghe nói chuyện về cái đẹp* •

Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lâu năm **44°**
và trắng **54°**

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quý vị thường thích luôn **EAU-DE-VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**
Patteux Saigon : ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

- . ALCOOL RECTIFIÉ
- . ALCOOL DENATURÉ
- . RƯỢU THUỐC "Ich. Tho. Tiểu"
- . DẤM ĂN HẢO-HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°



CUỘC QUYẾT CHIẾN GIỮA ÔNG « K » VÀ ÔNG « H » TẠI LIÊN-HIỆP-QUỐC

Hoàng-minh-Tuynh

Ngày mùng 1 tháng Chín, Hội-nghị các nước « không tham gia » đã khai mạc tại Belgrade. Các nước dự Hội-nghị đã đặc biệt lưu tâm đến việc nghiên cứu các phương thế củng cố Liên-Hiệp-Quốc là tổ chức mà họ cho rằng có khả năng bảo vệ họ chống lại áp lực của các đại cường quốc và là phương tiện duy nhất có thể can thiệp để bảo vệ một nền hòa bình đang bị cuộc phân tranh Đông Tây đe dọa.

Các nước « không tham gia » đã có nhiều dịp được thấy ảnh hưởng của họ tại Liên-Hiệp-Quốc rất mực lợi hại như gần đây, nhân vấn đề Bizerte, họ đã vận động để biểu quyết một khuyến cáo mà nước Pháp, vắng mặt trong buổi tranh luận, đã mệnh danh là một khuyến cáo « bất hợp pháp ».

Mới đây, ông Tổng thư ký Liên-Hiệp-Quốc là Hammarskjöld từ trần trong một tai nạn phi cơ khủng khiếp và bí mật ; cái chết bi đát của ông đã làm náo động dư luận quốc-tế, một phần vì cá nhân, tư thế của ông, một phần vì vai trò quan trọng của ông trong việc chấp hành các quyết nghị của Liên-Hiệp-Quốc, chẳng những từng phen khiến ông Khrouchtchev phải tức giận điên đầu mà chính các nước Tây-phương cũng nhiều khi phải bực tức khó chịu.

Tại khóa họp thường của Liên-Hiệp-Quốc vào hạ tuần tháng Chín vừa rồi, người Xô-Viết lại đưa ra đề nghị chủ tâm là đề tấn công chức vụ Tổng-thư-ký (nếu ông Hammarskjöld chưa qua đời, mũi dùi của người Xô-Viết chắc hẳn là đã chĩa thẳng vào ông này hơn là vào chức vụ Tổng thư ký). Chúng ta đều biết Mạc-Tư-Khoa đề nghị cải tổ phòng Tổng-thư-ký trên một căn bản tay ba — gọi là troïka — Đông một ghế, Tây một ghế và Trung-lập một ghế.

Điều hiển nhiên là hiện nay Liên-Hiệp-Quốc đang trải qua một cơn khủng hoảng có thể làm cho hoạt động và sự sinh tồn của nó phải lâm nguy. Nhà bình bút của báo « Le Monde », ông Jean Schwœbel, chuyên nghiên-cứu về các công việc của Liên-Hiệp-Quốc, gần đây trên tờ nhật báo Pháp, đã bày giải một cách minh bạch và khúc-chiết những dữ kiện căn bản của cuộc khủng hoảng mà lối thoát phần lớn tùy thuộc thái độ của các cường quốc « không tham gia », chúng tôi xin tường thuật dưới đây hiển quý vị độc giả những phần chính yếu, với ít lời bình luận.

HỒI tháng Chín năm 1960, khi ông Khrouchtchev nổi lên đả kích ông « H », đòi ông này phải từ chức lập tức và thay thế bằng ba thư ký, một đại diện cho các nước tư bản, một đại diện cho các nước trung-lập, và

một đại diện cho các nước « xã-hội chủ-nghĩa » (đề nghị của ông « K » về ban thư ký tay ba, các nước Tây phương gọi là « troïka »), dư luận quốc tế đều tỏ ra vẻ ngạc nhiên. Đó là một cuộc tấn công thật bất ngờ. Người ta chăm chú tìm lời giải thích cho thái độ của ông « K ». Sau cơn hoảng hốt và lo ngại buổi đầu, người ta lần lần có khuynh hướng coi đề nghị của ông « K » không mấy quan trọng vì là đề nghị phi lý, nhất về sau đề nghị bị các quốc gia trung lập hạng tiểu và hạng trung đồng thanh từ khước và vẫn một niềm tin tưởng nơi ông « H ». Sáu tháng qua, thế giới thấy yêu sách của ông Khrouchtchev không phải là yêu sách vãn vơ. Yêu sách loại trừ ông « H » và cải biến phòng Tổng Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc trở thành một trong những mục tiêu quan trọng nhất của người Xô-Việt trong chiến lược ngoại giao. Mạc-Tư-Khoa còn muốn cho « troïka » không những để họ được quyền phủ quyết trên hết mọi quyết nghị của các cơ quan quản-trị và kiểm-sát quốc-tế. — chứ không phải chỉ ở Liên-Hiệp-Quốc — mà còn muốn biến nó thành một nguyên-tắc chủ yếu cho chính sách của họ.

Có phải như ông Zorine đã lớn tiếng tuyên bố ở Nữu-Uớc và ông « K » ở Mạc-tư-khoa, ông Hammarskjöld là đầy tớ của bè lũ thực dân, là bạn thân của Tschombé, là kẻ đồng lõa với bọn sát nhân đã ám hại Lumumba không? Thực ra, sở dĩ ông « K » lên án ông Tổng Thư-

Ký, đó chỉ là vì ông này đã động-viên tất cả những khả năng của phòng Tổng Thư-Ký để bảo vệ các nước tiểu nhược chống lại áp bức của các nước đại-cường và hạn chế khu vực của cuộc chiến tranh lạnh. Sự bẽ bời của các nước đại cường gây ra bởi cuộc chiến tranh lạnh càng làm cho quyền hành của chức vụ Tổng Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc trở nên rộng rãi, tới mức khiến cho những quyền hành ấy trở nên gần giống một thứ quyền chấp hành quốc-tế.

Trung thành với Liên-Hiệp-Quốc

Trước hết, ông nguyên-thủ Xô-Việt không chấp nhận việc đồng thời phòng Tổng thư-ký Liên-Hiệp-Quốc ngày càng nắm quyền hành rộng rãi lớn lao, thì ông Hammarskjöld càng tự-tiện loại người Xô-Việt ra khỏi các chức vụ cao cấp của Liên-Hiệp-Quốc, các chức vụ này phần lớn nằm trong tay người Âu-Châu và người Bắc-Mỹ. Thực ra thì hàng năm ông « H » vẫn cố gắng phân chia các chức vụ **trên đồng** đều cho các nước theo thứ tự địa lý trong thế giới, mỗi khi ghế ngồi của các viên chức Liên-Hiệp-Quốc trống chỗ vì có người từ dĩa hoặc quá-cổ.

Chỉ duy có một điểm ông « H » không bao giờ chịu nhượng bộ. Đã có lần ông giải thích thái độ đó của ông một cách rất rõ ràng khi ông đòi đáp lại một cuộc chỉ trích, tấn công của người Xô-Việt hồi mùa thu năm ngoái. Ông nhắc lại rằng Hiến chương Liên-Hiệp-Quốc đòi hỏi ông phải tìm

những người có năng lực, có tài ba, có tiết tháo cao để sung vào những chức vụ trọng yếu của phòng Tổng thư-ký. Ông bảo: « Trong ba đức tính trên, tôi coi đức tính thứ ba là quan trọng hơn hết, đó là đức tính tiết tháo, cương quyết trung thành với Liên-Hiệp-Quốc ».

Ông còn xác định:

« Những kẻ làm phận sự mình ở Liên-Hiệp-Quốc mà không làm với tinh thần ấy hay bị bó buộc hành động theo những tiêu chuẩn khác (ông ám chỉ các viên chức tự biến mình thành khí cụ của chính phủ họ) có thể vẫn hữu ích trong một công cuộc có tính cách kết-xã, song người cầm đầu quyền hành pháp của Liên-Hiệp-Quốc phải coi chừng thái độ ấy, mặc dù là thái độ của người nước nào ». Ông Hammarskjöld muốn ngầm bảo rằng ông không thể cử những người làm tay sai cho chính phủ họ vào trong những chức vụ cao cấp của Liên-Hiệp-Quốc hay vào trong những chức vụ mà quyết nghị của họ có thể có liên quan, ảnh hưởng tới quyền lợi chung.

Làm sao người Xô-Việt không cảm thấy những lời trên là những lời ám chỉ họ và làm sao họ có thể tha thứ cho ông Hammarskjöld khi ông này có một quan niệm phản nghịch lại họ? Tuy nhiên, khi ông « H » đưa ra kế hoạch sau hết dự trù cử vào phòng Tổng thư-ký năm vị Phó Tổng thư-ký, một là người Mỹ (giao dịch với Đại Hội-đồng), một là người Xô-Việt (giao dịch với Hội đồng Bảo-an) và ba người thuộc các nước trung lập,

người Tây-Âu không được giữ một ghế nào, đề nghị của ông « H » khởi sự làm cho người Xô-Việt hài lòng.

Nhưng người Xô-Việt lại trách vấn ông Tổng thư-ký về một điểm khác. Ông Khrouchtchev không thể thừa nhận việc phòng Tổng thư-ký Liên-Hiệp-Quốc, dưới sự thúc bách của ông « H », được mang cái danh nghĩa là một quyền hành-pháp quốc-tế cùng tự đảm nhiệm quyền duy-trì trật tự và cản ngăn các mối xung đột trong hoàn cầu. Do đây, khi người Xô-Việt chỉ trích, mặt sát ông « H », ta thấy rõ họ nhằm chức vụ và quan niệm về vai trò của ông mà cũng nhằm luôn cả cá nhân ông nữa.

Chủ trương của ông Tổng Thư-Ký

Từ khi khởi đầu cuộc khủng hoảng tại Congo, Liên-Xô đã hiểu ngay vai trò Tổng thư-ký Liên-Hiệp-Quốc quan trọng thế nào.

Về vấn đề này, ông Hammarskjöld đã thẳng thắn trình bày ý tưởng và dự định của ông trong lời mở đầu bài thuyết trình hoạt động đọc tại phiên nhóm kỳ trước tại Đại Hội-đồng. Ông nói: « Nhiều cuộc khủng hoảng liên tiếp xảy ra trong thế giới đã làm phát sinh ra hậu quả này là chuyển vận rất nhiều trách nhiệm vào tay Hội đồng Bảo-an và Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc. Liên-Hiệp-Quốc không tìm được phương tiện nào thỏa đáng hơn là trao cho Tổng Thư-ký những trách vụ thừa hành rộng rãi bằng một ủy nhiệm tổng quát ».

HIỆN TÌNH VÀ TƯƠNG LAI LIÊN-HIỆP-QUỐC

Rồi sau khi nhần mạnh vào đồng cân ngày một lớn lao của các quốc-gia A-Phi tại Liên-Hiệp-Quốc, ông kết-luận rằng các nước hội viên Liên-Hiệp-Quốc, bởi đã hiểu rõ cái nghĩa hợp-tác trên bình diện quốc-tế, ngày càng có khuynh hướng muốn yêu cầu Tổ-chức giúp đỡ cho nhiều hơn, và cũng nhận xét thấy cần phải cứu vãn uy-lực mà Tổ-chức tiêu biểu để phục vụ Cộng-đồng thế-giới trong nỗ-lực giảm-trừ những khu vực bất hòa nghiêm-trọng. Tổ-chức đã ở ra bất lực từ bấy lâu nay, và cả trong nỗ lực giải-quyết vãn-đề phát-sinh ra ở ngoài hoặc ở bên lề những khu vực ấy, theo tinh thần lấy quyền lợi chung làm chuẩn-đích tối cao.

Vào khoảng đầu tháng 10 năm 1960, khi bị ông « K » bắt buộc phải từ chức, ông Hammarskjöld còn tuyên bố như sau để giải thích lý do ông quyết định ở lại giữ chức vụ hầu bảo vệ các nước nhược tiểu. Tiếng ông vang lên ở giữa Hội-đồng: « Uy quyền hành pháp một khi đã trở nên nhu nhược, hư không, có nghĩa là Liên-Hiệp-Quốc không còn khả năng là một khí dụng hữu hiệu để bảo vệ tích cực quyền lợi của nhiều nước hội viên hiện đang cần sự bảo vệ ấy ». Và ông tiếp thêm: « Không phải Liên-Bang-Xô-Việt hay một đại cường quốc nào cần được Liên-Hiệp-Quốc bảo vệ, chính các nước khác mới cần. Chính vì đó mà Liên-Hiệp-Quốc trước hết là tổ chức của các nước này và tôi tin tưởng sâu xa các nước này sẽ biết

không ngoan sử dụng và hướng dẫn tổ chức ấy. Tôi sẽ ở lại chức vụ tôi trong suốt nhiệm-kỳ để phục vụ Tổ-Chức và để duy trì quyền lợi của các quốc-gia này bao lâu họ còn muốn tôi hành động như vậy ».

Ít lâu sau, nhân khi đòi đáp lại những lời công kích quyết liệt của đại-biêu Xô-Việt là ông Roshine nhằm vào ông suốt ngày này qua ngày khác ở giữa Đệ ngũ Ủy hội, ông Hammarskjöld xác định quan-niệm mở rộng của ông về vai trò và nhiệm vụ của phòng Tổng thư-ký Liên-Hiệp-Quốc theo điều 99 của Hiến Chương. Điều ấy như sau: « Tổng thư-ký có thể quảng dụ Hội-đồng Bảo an lưu-ý tới bất luận việc nào, theo ý ông, có thể phương hại tới sự duy trì hòa-bình và an ninh quốc-tế ». Căn cứ vào điều trên, ông Hammarskjöld đã biện minh được hết mọi cuộc can thiệp của ông và tự động thi hành mọi biện pháp thích ứng, tỏ ra có hiệu lực tại Lào và tại Congo, khiến Mạc-Tur-Khoa tức giận vô cùng.

Ông Tổng thư-ký kết luận: tuy nhiên có điều cần biết là vai trò của Liên-Hiệp-Quốc có nên chỉ hạn chế ở chỗ tổ chức những cuộc thương nghị đa phương cho các nước hội-viên, hay Tổ-chức còn nên sử dụng những khả năng hành động do Hiến chương quy định, để cứu vãn hòa bình bằng những biện pháp có mục-đích ngăn ngừa xung đột. Và ông Hammarskjöld yêu cầu các hội viên của Liên-Hiệp-Quốc quyết định số phận của Tổ-chức này.

AI thắng Liên-Hiệp-Quốc ?

Không một xã hội nào có thể tồn tại mãi mãi trong tình trạng hỗn loạn, xã-hội quốc tế hiện nay tự nhiên cũng phải qui định cho mình một nền tảng trật tự và an ninh tối thiểu. Cái trật tự, cái an-ninh ấy, đáng lẽ các đại cường quốc phải mang lấy trách nhiệm duy trì, thì các đại cường quốc lại chỉ biết chăm lo tranh giành xung đột nhau, khiến trật tự an ninh phải lâm vào cảnh ngộ thật hiểm nghèo. Sở dĩ Đại hội đồng Liên-Hiệp-Quốc ngày một phải nhận lãnh những nhiệm-vụ quá lớn và phòng Tổng thư ký ngày một phải phụ trách những quyền hành quá nhiều trong việc thừa hành phần vụ cảnh sát và cứu trợ, đó là vì các đại cường quốc đã tỏ ra lơ là, không chịu hoạt động tích cực trong phạm vi khả năng của mình.

Ông Hammarskjöld vốn là người thâm nhiễm tinh thần dân chủ một cách sâu sắc, ông cố gắng đem những quyền hành ấy để phụng sự công lý quốc-tế và do đây phụng sự các quốc gia trong « Thế giới đệ tam ». Chính vì vậy mà trước mắt ông « K », ông là kẻ thù số một của thế giới Cộng-sản. Nếu ông Hammarskjöld và những người kế vị ông đạt tới chỗ, nhờ sự ủng hộ của các nước tiểu nhược, đặt cuộc sinh hoạt quốc tế lần lần vào khuôn phép, thiết lập được qui tắc cho hết mọi quốc gia phải noi theo, và tạo ra được an ninh, hòa bình và mức sống cao cho mọi dân tộc, hay nói cách khác, nếu

Liên-Hiệp-Quốc đạt tới chỗ có thể nhờ sự ủng hộ của Tổ-chức, mở rộng diện tích an toàn trong thế giới bằng cách đẩy lui, thu hẹp khu vực của chiến tranh lạnh và bắt buộc các đại cường quốc phải nhờ Liên-Hiệp-Quốc phân phối tài nguyên viện trợ cho các nước chậm tiến được công bằng và phong phú hơn bây giờ, thì chẳng những Liên - Hiệp - Quốc đạt tới điểm vinh dự khiến cho Tây-Phương không còn giữ nổi đặc quyền, đặc vị trong thế giới, mà còn phá hủy được mưu đồ của ông Khrouchtchev muốn lật đổ sự không chề của Tây Phương mà thay thế bằng sự không chề của Quốc tế Cộng-Sản.

Mạc-Tư-Khoa đã hiểu : cái con người đang nỗ lực giải thoát khỏi ách hưởng độc quyền của ông « K » hàng chục các nước Trung-lập mà ông này đang tính dùng để lung lạc Tây Phương và tạo lập thắng lợi chính-trị cho khối Xô-Việt, cái con người đang chực chặt tự cội rễ cái ước vọng sắt-đá của người Xô-Việt đó, Mạc-Tư-Khoa cho là cần phải tiêu-trừ.

Vì thật ra ông « K » không hề tỏ vẻ lo ngại đối với các nước Tây-minh trên bình diện lý tưởng và chính trị. Đối với các nước này, ông « K » thường vẫn lạc quan và tin cuộc giao tranh hòa bình giữa họ với Liên-Xô, chắc chắn sẽ mang lại chiến thắng cho Liên-Xô. Cho tới ngày gặp gỡ Tổng Thống Kennedy tại Vienne, ông vẫn còn nhắc lại như vậy. Tuy nhiên, muốn thắng các nước Tây minh, còn có

HIỆN TÌNH VÀ TƯƠNG LAI LIÊN-HIỆP-QUỐC

điều cần thiết này phải làm, là trừ liệu cách thề cắt đứt các nước này ra khỏi các nguồn nguyên-liệu mà họ mua được hằng giá rất rẻ tại các nước xưa vốn là thuộc địa của họ, nay đã trở thành các quốc gia độc-lập. Ngoài ra, muốn cho cuộc giao tranh vẫn còn mãi là cuộc giao tranh hoà bình, ông « K » còn phải làm sao cho Tây minh không dùng đèn-khí giới của họ, khi tới cái ngày họ tự thấy là đã mệt hết và phải liêu chết trong một trận một mất một còn với khối Cộng-Sản.

Ly gián các nước nhược tiểu

Nhưng làm sao phá hủy được những căn cứ kinh tế của Tây minh và bắt buộc Tây minh phải tài binh mà không có sự ủng hộ hoàn toàn của hàng chục các nước trung lập tại Châu Á và Châu Phi, những nước hiện đang nắm giữ các chìa khoá của Đại hội đồng Liên-Hiệp-Quốc và chứa đựng một số dự trữ nguyên liệu nhiều vô hạn ? Chính giữa lúc Liên-Xô hy vọng tìm thấy ở Liên-Hiệp-Quốc khí dụng quyết định để thu về cho mình sự ủng hộ ấy thì ông Hammarskjöld lại ra tay giành giật các nước nhược tiểu đứng về phía ông và do đây lấy lại được thề quân binh cho khối Tây minh, khiến cho Tây minh lại có cơ

quật khởi được. Bây giờ người ta hiểu rõ tại sao người Cộng-sản có thề thành thực khi họ cho rằng ông Hammarskjöld « khách quan » chính là một đồng minh của Tây-minh vì hành động của ông đã phá hoại hy vọng chiến thắng của khối cộng sản trong hoàn cầu.

Cờ nhiên ông Khrouchtchev cũng biết rõ thuyết của phe Xô-Việt không thể đắc thắng lập tức mà cũng không thể đắc thắng dễ dàng ... Nhưng nước cờ ông toan tính là nước cờ có tính chất chủ yếu đối với khối Cộng-sản ; thời gian và nỗ lực cần thiết để đạt tới kết quả đối với ông không phải là vấn đề quan trọng. Chính vì vậy mà từ tháng 9 năm ngoái, những cuộc tấn công đả kích ông Hammarskjöld không một lúc nào ngừng. Cũng chính vì vậy mà từ dạo đó, ông Khrouchtchev không bỏ lỡ một cơ hội nào để lập kế ly gián các nước nhược tiểu với ông Hammarskjöld, nhưng phần lớn các nước này vẫn tỏ dạ trung thành với ông Tổng thư ký.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Kỳ tới:

Khrouchtchev chống Hammarskjöld bằng khí giới nào ?

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Nghệ thuật viết văn

Trong một bài tựa đề cho cuốn *Dialo, roman de l'homme noir...* của Jérôme và Jean Tharaud, nhà văn hào André Demaison có ý kiến sau đây về nghệ thuật viết văn :

« Mọi người đều là nhà văn khi có điều gì ở trong trí mà muốn nói ra. Viết không khó ; điều hiếm có, điều khó khăn là làm sao có được ở trong trí những chuyện, những ý đáng tường thuật lại ».

ĐUÔI BẮT ẢO ẢNH

1

Nguyễn-Hiến-Lê

KHI tôi rón tưởng-tượng những vật vô cùng nhỏ, bằng một phần ngàn, một phần triệu li, thì chỉ một lúc là tôi thấy nhức đầu. Khi tôi nghĩ tới những khoảng vô cùng lớn từ một ngôi sao này tới ngôi sao khác, lớn đến nỗi ánh sáng đi mau làm vậy — một giây 300.000 cây-số — phải mất cả vạn cả ức năm mới tới, thì tôi muốn lão đảo. Nhưng cũng chưa bằng những khi tôi nghĩ đến cái vô cùng tạp đa trong vũ trụ. Tôi không thể nào quan-niệm nổi nó, tôi hoang-mang, tôi hoảng sợ, tôi ngạt thở... tôi biết dùng tiếng gì bây giờ đây? Không có một tiếng nào diễn nổi cảm xúc của tôi lúc đó.

Bàn viết của tôi trông ra một khu vườn nhỏ bên hàng xóm. Vườn trồng một cây li-ki-ma (tôi không rõ có phải tên nó như vậy không vì chưa có tự điển nào ghi tiếng đó), một cây lựu, một bụi chuối, một gốc vông. Tôi để ý, thấy lá mỗi cây có một màu xanh khác, và nếu nhận xét thật kỹ, thì cùng một cây, gần như mỗi chiếc lá cũng có một màu khác; và cùng một chiếc lá mà ban sáng, ban chiều, lúc nắng,

lúc mưa, mỗi lúc cũng có một màu khác nữa. Xin bạn tưởng-tượng cho tôi, trên trái đất này, có biết bao nhiêu loài cây, biết bao nhiêu lá, biết bao nhiêu màu xanh! Cái tính-cách tạp đa của màu xanh có phải là mênh-mông vô cùng không? Vô cùng như thời gian, vô cùng như không gian. Các màu khác cũng vậy.

Rồi đến thanh âm. Cũng là một loại đàn nguyệt, mà tiếng mỗi cây một khác; cùng một cây đàn, tiếng mỗi cung một khác; và cùng một cung, tiếng mỗi lúc cũng một khác, tùy dây lớn dây nhỏ, tùy nhấn cách này, cách khác, lại tùy không khí ở chung quanh lúc hanh, lúc ẩm.

Sự tạp đa giữa loài người làm cho tôi ngạc nhiên không kém. Từ hồi có nhân loại đến nay là mấy triệu năm rồi? Cứ trung bình ba chục năm là một thế hệ, thì đã có bao nhiêu thế-hệ? Mỗi thế-hệ hồi xưa mấy chục, mấy trăm triệu người, hiện nay mấy tỉ người? Có người nào hoàn toàn giống nhau không, kể cả những anh em sinh đôi cùng do một nhân

ĐUÔI BẮT ÀO ANH

mà ra. Xét riêng một người, từ lúc lọt lòng ra cho tới khi chết, phát triển liên tiếp, có lúc nào giống y như lúc nào không?

Chúng ta lại có biết bao nhiêu tình cảm, biết bao ý niệm. Riêng về nỗi vui chẳng hạn, mỗi người vui một khác, mỗi lúc vui một khác. Và tuy cũng theo chủ nghĩa dân chủ, mà quan niệm về dân chủ, nếu xét đến chi tiết, thì cũng mỗi người một khác, mỗi lúc một khác.

Cho nên tôi nghĩ rằng lời của văn hào Gustave Flaubert thực vô cùng khám phá: ông bảo trong vũ trụ không bao giờ có hai ngọn lửa giống như nhau, cũng không bao giờ có hai giọt nước giống hệt nhau. Nhưng rồi ông lại khuyên học trò của ông là Guy de Maupassant phải tả sao cho người đọc nhận được đó là một ngọn lửa nào, một giọt nước nào, không lẫn được với ngọn lửa khác, giọt nước khác, thì quả thực là ông đã lạm dụng uy quyền của một ông thầy mà ức hiếp học sinh quá lắm. Có thể lúc nào cũng tả như vậy được đâu? Vâng, phân biệt ngọn lửa củi tràm với ngọn lửa khí đá, giọt nước suối với giọt nước cam thì được; còn tả cho người ta nhận được một ngọn lửa nển đỏ với một ngọn lửa nển trắng, một giọt nước mưa ở Biên-Hoà và một giọt nước mưa ở Thủ-Đức, thì tôi tưởng chính Flaubert tái sinh cũng phải gác bút.

Là vì cái tạp đa trong vũ trụ thì vô cùng mà dụng ngữ của con người thì có hạn. Như tôi đã nói, màu lá cây có tới hàng ngàn hàng triệu mà chúng ta chỉ có mỗi một tiếng để tả: tiếng xanh; rồi sau thấy như vậy thiếu thốn quá, ta đặt thêm: xanh non, xanh nhạt, xanh đậm, xanh lá

mạ, xanh hoa lý . . . — tôi không nghe ai nói xanh lá ổi, xanh lá mít, mà những màu này cũng rất đặc biệt — và nếu ta cố tra tự-điển, moi hết ra, gom cả lại, may lắm được hai chục tiếng. Hai chục tiếng để chỉ hàng triệu màu! Chỉ là một trò giỡn.

Ngôn-ngữ nào giàu lắm là được trăm ngàn tiếng — không kể những danh-từ khoa-học — mà nhà văn nào dụng-ngữ phong-phú lắm là dùng được hơn một vạn tiếng; như vậy thì làm sao mà phô-diễn cho đúng được những cái vô cùng tạp đa của ngoại giới và nội tâm? Người cầm bút có khác chi một hoạ-sĩ trong phái thủy mặc chỉ có một màu mực Tàu mà muốn vẽ những bức tranh rực-rỡ muôn vẻ của thiên-nhiên?

Tả một vật, diễn một tình, một ý đã là khó rồi, đến như tả cả một thời đại, một xã-hội, diễn tình, ý của cả một phong trào, một thể-hệ mới là thiên nan vạn nan. Làm sao vẽ được cho đúng, kể được cho hết? Một ông bạn đã nhận thấy chỗ đó, có lần bảo tôi: « Khi kể lại cuộc tiêu-diệt quân Thanh của Quang-Trung, tôi muốn làm nổi bật ý này là từ trước đến sau, mình làm chủ tình hình, mình công họ thủ, mình thắng, họ bại, mà mình thắng một cách chớp nhoáng. Và tôi đã xoay-xở đủ cách, cố gò cho trong câu nào, quân mình cũng làm chủ-từ, quân Thanh cũng làm khách-từ; lại xếp đặt cho từ đầu tới cuối, các ý liên-lạc nhân quả với nhau, dính sát nhau như một đoàn binh tiến hoài không ngừng, đánh hoài không nghỉ, tuy phân tán mà cùng một lúc đều có mặt ở khắp nơi. Nhưng viết đi viết lại, tôi vẫn thấy bất mãn, không sao diễn được ý đó, anh ạ. Anh có thuật nào không? » Tôi đáp: « Tôi

xin chịu. Ngay như cái cánh quạt nó đứng yên ở trước mắt tôi kia, cho tôi tha hồ nhận xét mà tôi còn không biết tả nó ra sao, huống hồ là những cảnh, những việc biến chuyển đột ngột liên tiếp trong một khoảng không gian rộng như vậy, một khoảng thời gian dài như vậy. Thôi thì tả được chừng nào hay chừng nấy, rồi thì đành nhờ độc giả tưởng-tượng tiếp mình. Ta đừng lãnh riêng cái nhiệm vụ sáng tác, nên chia xẻ bớt cho độc giả. Tôi cho có lẽ cách đó là hơn cả.

Paul Valéry đã nói đại ý như vậy : Nghệ cầm bút là nghệ theo đuổi những ảo ảnh. Lời đó thâm thúy quá. Còn gì huyền ảo hơn cái vũ trụ vô cùng tạp đả, vô cùng biến chuyển ở chung quanh và ở ngay trong con người chúng ta ? Mà muốn ghi đúng, diễn đúng tất cả những cái đó thì thực là ảo tưởng !

* *

Ảo tưởng đó, hỡi ôi, loài người từ xưa tới nay cứ cố rán thực hiện, mặc dầu đã biết là không được. Cảnh vật càng thay đổi, càng nhiều sắc thái, thì ta lại càng cố vẽ lại nó, càng vụt qua, càng mờ mờ, thì ta lại càng cố níu lấy nó. Loài người đáng thương hay đáng phục ?

Không ghi được đúng nó thì ta ghi cái gì tương tự ; không tiến thẳng lại nó thì ta đi vòng ở chung quanh ; không nắm được cái toàn thể của nó thì ta bấu vào một phần tử nhỏ, mặc dầu phần tử đó có khi chỉ là một hình bóng. Hết thể hệ này tới thể hệ khác, loài người tiếp tục xoay cách này xoay cách nọ, làm sao cho năm ba vạn dụng ngữ diễn được hàng tỉ tình và trạng. Một bảy kiến

chạy quanh một tảng đá, rán vắn, rán chuyển nó, ai chẳng bảo là công dã tràng ? Nhưng bảy kiến đó thông minh và kiên nhẫn.

Ngôn ngữ của ta là một khí cụ thô sơ. Cái đó có hề gì ? Có hàng triệu màu sắc, không gọi tên hết được, thì ta gom cả lại những màu nào giống nhau, mà đặt cho một tên chung. Do đó người phương Đông có ngũ sắc, người phương Tây có bảy màu. Âm thanh cũng vậy : ta có ngũ âm, người Âu có thất âm. Vạn vật ta chia ra từng loài, loài người ta chia ra từng giống. Tình cảm ta gom lại làm bảy ; mà tư tưởng, quan niệm ta cũng tóm lại thành hệ thống.

Tất nhiên bảy nhiều còn thiếu sót quá. Ta phải tạo thêm tùy theo nhu cầu, và ta có những tiếng xanh nhạt, xanh mượt, đỏ rực, đỏ lôm, vàng nghệ, vàng khè... những âm trong, âm đục, âm cao, âm thấp... ; có vịt lại có gà, có gà cồ, gà tơ, gà gô, gà tây... ; có tình mến lại có tình yêu, yêu dẫu, yêu trộm, yêu mặn mà, yêu đắm say... ; và nội một ý niệm dân chủ cũng có nhiều tên, cứ hỏi các chính khách thì biết.

Cũng vẫn là chưa đủ. Nhưng nếu cần, ta sẽ dùng vài hàng để tả một màu xanh — tôi nhớ đến màu xanh trên chiếc áo dài trắng của một thư sinh đứng dưới giàn bầu nằm trong một truyện của Nguyễn Tuân — hoặc cả một đoạn để tả một con gà như Kim Lân trong bài *Con Mā mái* ; cả một trang để tả vẻ thiếu náo của một ông lang — *Lang Rận* — của Nam Cao ; cả một bài để tả tình ghen của một anh chàng nghiện mà vợ là một thương nữ yêu kiều « đi hát gì mà nửa đêm chưa về ».

ĐUỔI BẮT AO ANH

(*Quên ghen* của Phan Du); và cả một pho sách dày năm sáu trăm trang để giới thiệu một chế-độ dân chủ, như cuốn... cuốn gì của một giáo sư Mỹ tôi quên mất. Ký tính tôi rất kém về chính trị.

Kể như vậy cũng là tạm ổn.

* *

Nhưng khi sự vật không đơn giản mà phức tạp rộng lớn hơn, nhiều hình thái biến chuyển hơn thì nỗi khó khăn mới là nan giải. Tôi lấy thí dụ thông thường nhất là tả mùa xuân chẳng hạn. Mùa xuân dài tới chín chục cái thiếu quang mà cùng một thời, hiện lên ở trên một phần địa cầu rộng gấp mấy chục nước Việt. Ta hãy tạm thu hẹp địa phận lại, tỉ dụ là trong một miền Việt Bắc đi. Từ trời đất, cây cỏ, người vật, nhất thiết mùa xuân đều khác mùa hạ. Diễn tả làm sao cho hết? Mà nào phải chỉ có vậy. Cùng là ở trong mùa xuân, cảnh vật Lạng-Sơn đâu có giống cảnh vật Thái-Bình, hay Hà-Nội. Lại thêm một nỗi, trong chín chục ngày đó, thời tiết có phải ngày nào cũng giống nhau đâu. Có những ngày mưa phùn gió bắc, lạnh buốt xương thì cũng có những ngày oi nồng, nắng cháy da cháy thịt. Vậy thì làm sao mà tả cho nổi.

Ta phải tìm cách xoay sở. Đã không ôm hết được thì ta nắm lấy vài điểm. Nghĩa là ta tìm những đặc sắc phổ biến nhất của mùa xuân rồi ghi lại, mà bỏ qua những cái khác. Ta thấy mùa xuân khí hậu nói chung ấm áp hơn mùa đông, mát mẻ hơn mùa hạ: đó là một đặc điểm. Ta lại thấy ánh sáng phần nhiều là trong trẻo, cây cỏ tươi tốt, hoa nở nhiều, và mọi vật vui

vẻ: chim liu lo, bướm phấp phới mà lòng ta giao giạt. Bấy nhiêu đủ gợi trong óc người đọc cả một bầu trời xuân rồi, không cần những chi tiết, những tiểu dị khác nữa và ta viết:

Xuân

Khí trời ấm-áp đượm hơi dương

Thấp thoáng lâu đài vẽ óc vàng.

Rèm liễn liu-lo oanh hót gió,

Dâu hoa phấp-phới, bướm chầm hương

Ngô-Chi-Lan

Chỉ xét những điểm chính đó thôi thì cảnh xuân ở Trung-Hoa cũng không khác cảnh xuân ở Bắc Việt bao nhiêu, và khoảng mười thế kỷ trước Ngô-Chi-Lan, một đại thi hào Trung-Hoa, Lý-Bạch, cũng đã tả:

Xuân nhật độc chương

Xuân phong phiến thực khí

Thủy mộc vinh xuân huy.

Bạch nhật chiếu lục thảo,

Lạc hoa tán thả phi.

Cô vân hoàn không sơn,

Chúng diểu các dĩ quy

.

Ngày xuân uống rượu một mình

Gió đông thổi khí huyền hoà,

Nước cây tươi đẹp, đậm đà nắng xuân.

Màu dương sắc cỏ đượm nhuần,

Hoa tàn cánh rữa rụng dần bay tung.

Đám mây về núi thung dung,

Chim bay về tổ, đều cùng thành thoi.

Trần-Trọng-Kim dịch

Bản dịch kém nguyên văn xa, nhưng sát ý và cho ta thấy Lý-Bạch cũng chỉ ghi những nét đặc biệt của mùa xuân.

Các mùa khác thì cũng vậy : hạ thì có gió nam, có hoa lựu, có cuốc kêu, có nóng nung người...; thu thì trời xanh ngắt, nước trong, trắng tỏ, sen tàn, lá rụng...; đông thì trời u ám, cây trơ trọi, nhưng có mai và tùy nơi, có tuyết, có băng...

Ta dùng bút pháp đó mà tả được vạn vật : liễu thì yếu mà thướt tha, đào thì hồng mà mơn mớn, mỹ nhân tất có má phấn môi son, mắt phượng mày ngài ; văn nhân tất phải « lỏng buông tay khẩu, đề huề gió trăng ». Nói đến « đêm quên ngủ, ngày quên ăn », ta hiểu ngay là tương tư ; nhắc đến sân lai, gốc tử, ta biết ngay là nhớ nhà ; thấy một kếp « mặt đỏ râu dài » trên sân khấu, ta đoán được là một bức trung quân ; thấy một ả « cao lớn đầy đà, màu da nhờn nhợt », ta hiểu ngay là cùng một phường với mụ Tú.

Người đầu tiên tìm được lối phô diễn đó quả đã tài tình. Tài tình đến nỗi trong bao nhiêu thế hệ, người ta không tìm ra được cách nào hơn, đành phải dùng đi dùng lại, riết rồi những nét vẽ đó kỳ thủy chỉ là những nét chấm phá, sau thành những công thức được mọi người nhìn nhận, thậm chí thành những quy tắc mà kẻ viết văn nào cũng phải thuộc, cũng phải theo. Ngày nay ta cho những công thức đó là thô lậu, là gò ép, nhưng phải nhận rằng nó rất tiện, không có nó thì trong bao nhiêu thế kỷ, loài người làm sao diễn tả được vũ trụ ? Cổ nhân đã dùng một phép thần : đã không ghi được những biến

chuyển vô cùng, những tạp đa vô cùng của vạn vật, thì ướp khô nó đi, đóng khuôn nó lại, và như vậy cũng đã khắc được một hình ảnh phẳng phất. Đó là một thời, thời cổ điển.

Lối phô diễn cổ điển đó, chẳng riêng gì của phương Đông. Bỏ những tiểu dị đi, ta còn thấy nó hiện phẳng phất ở phương Tây, ở Hi-Lạp, ở La-Mã, ở Pháp. Thế kỷ XVII chẳng hạn các nhà cổ điển Pháp đều nhận rằng văn nghệ phải theo những quy-tắc chặt-chẽ, không phải ai muốn phô diễn cách nào cũng được, muốn nhìn đời ra sao tùy ý ; cho nên từ thơ đến kịch đều có những công thức, những luật khắt khe, và nghệ sĩ nào giữ đúng những luật đó mới là biết cầm cây viết.

*
* *

Rồi lần lần người ta thấy rằng vũ trụ tả theo những quy-tắc, những công thức như vậy là vũ trụ chết, là một xác ướp, cứng khô không một mảy-may nào giống cái vũ trụ sống ta thấy ở trong tâm. Chính cái tâm của ta mới là quan trọng nhất, nếu nó không động thì không có đẹp không có xấu, không có vũ-trụ nữa. Vì ta không thể quan niệm được một vũ trụ ở ngoài sự thông cảm của con tâm. Tâm mỗi người một khác, mỗi lúc một khác, thì tại làm sao lại bắt mọi người tả mùa xuân như Ngô Chi Lan, như Lý Bạch ? Đã không được đàn áp con tâm, bắt nó cảm xúc, suy nghĩ, nhận xét theo những lệ luật, những quy tắc, những công thức nhất định ; mà trái lại còn nên cởi mở con tâm cho nó tự do, cho nó phóng túng ; có như vậy mới ghi được cái chân tướng vô cùng biến

chuyển, vô cùng tập dĩa của vũ trụ chiếu trên tấm gương sáng của nó. Cứ tha hồ nói về mình, nói toạc ra những ao ước thầm kín nhất của mình, đừng e dè gì cả « Ah ! insensé qui crois que je ne suis pas toi » (Victor Hugo) Mà nhất là đừng dùng những tiếng sáo. Sao mà tả cảnh thì cứ phải viết « ces lieux, ces tristes lieux, ces terribles lieux » ? Sao mà cứ bắt các vua chúa phải nói « ma volonté suprême ». Họ có nói như vậy bao giờ đâu ? (Lebrun). Buộc quá thì phải cời, ép quá thì phải nói, khùng đống lều rồi thì phải tháo, lẽ đó tự nhiên. Đó là một thời khác, thời lãng mạn.

Thực ra ở phương Đông, không có phong trào lãng mạn mạnh mẽ trong văn học như ở phương Tây : nhóm Trúc Lâm thất hiền ở Trung-Hoa không có ảnh hưởng gì lớn đến Văn học. Ở phương Đông tinh thần lãng mạn thời nào cũng có, phơn phớt thôi, và hiện ở trong nội dung hơn là ở trong hình thức.

Chẳng hạn Lý-Bạch có những bài rất cổ điển như bài tôi trích ở trên, hoặc bài *Đang-Kim-Lãng Phụng hoàng Đài*, mà cũng có những bài lãng mạn như bài *Trường tương tư*, bài *Tương tiễn tưu...* Đời Đường xét chung là một thời cổ điển, mặc dầu Văn Đường có nhiều nhà lãng mạn, như Đỗ Mục, Lý-Thương-Ẩn...; nhưng dù lãng mạn, cách phổ diễn của họ cũng chẳng khác gì thời Thịnh Đường. Ngay như loại từ đời Tống, loại tuồng đời Minh cũng không thể ví với thơ Musset, kịch Victor Hugo của Pháp được.

Ở nước ta, tính cách lãng mạn còn khó nhận hơn nữa. Thời mà ta gọi là lãng mạn nhất là thời cuối Lê đầu Nguyễn, mà những nhà lãng mạn nhất như Hồ

Xuân-Hương, thì còn cổ điển hơn nhiều nhà cổ điển của Pháp. Sự thực ở Trung-Hoa và Việt-Nam, trước khi chịu ảnh hưởng của châu Âu, chỉ có hai phong trào thay phiên nhau lên xuống trên văn đàn là phong trào « văn dĩ tải đạo » và phong trào duy mỹ. Đem tiếng *lãng mạn* áp dụng vào văn học phương Đông chỉ đúng phần nào về phương diện nội dung chứ không về phương diện hình thức.

Ở nước ta, từ năm 1930 trở đi mới thực có những nhà văn, nhà thơ lãng mạn theo nghĩa của người Âu. Họ phá cả những luật lệ cũ, giải phóng con tâm của họ cho nó cảm xúc mãnh liệt, ồ ạt, rồi ghi lại hình ảnh của vũ trụ hiện ở trong con tâm. *Con tâm là vũ trụ của họ*; nói cho đúng hơn, nó là vũ trụ.

Tả thu, người ta không công thức như Ngô-Chi-Lan :

« Gió vàng hiu hắt cảnh tiều sơ ».

— Sáo.

« Lê tẻ bên trời bóng nhận thưa ».

— Nhật, tường tượng.

« Giếng ngọc sen tàn, bóng hết thắm ».

— Giếng ngọc là cái gì ?

« Rừng phong lá rụng, tiếng như mưa ».

— Rừng phong ở đâu ? Có thấy nó bao giờ chưa ?

Nguyễn-Khuyến, người ta cũng không phục. Bốn bức tranh thu của cụ đẹp thì đẹp thật, nhã thì có nhã, nhưng tình cảm tiết chế quá, cái buồn kín đáo, nhẹ nhàng quá. Không ! Thu là mùa của chia ly. Thu phải « thốn thức », phải « rạo-rực » kia, phải gợi hình ảnh những « kẻ chinh phu » những « người cô phụ » kia. Không thấy

« rặng liễu điều hiu đứng chịu tang » mà « tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng » đây ư ? Không thấy chuyển đồ văng người, khi trời u uất đó ư ? Không thấy « nàng trăng tự ngán ngơ », và các thiếu nữ thì bằng khuôn nghĩ ngợi đó ư ? Cứ để cho con tâm tuôn hết những cảm xúc buồn hận, đau đớn, tang-tóc, của nó ra thì mới tả được thu. Thu ở cảnh vật, nhưng trước hết thu ở trong lòng người.

Còn xuân thì suốt mấy thế kỷ văn học Việt-Nam và cả chục thế kỷ văn học Trung Quốc, chẳng ai hiểu xuân là gì cả. Sao mà tình họ nghèo nàn đến thế ? Chỉ có hai nhà hơi cảm được cái xuân một chút là Vương Xương-Linh trong bài *Khuê oán* và Lý Bạch trong bài *Xuân tứ*.

Khuê oán

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương thúy
lâu.

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hồi giao phu tể mệnh phong hầu

Lời oán của người khuê các

*Thiếu phụ phòng khuê chẳng biết sầu,
Ngày xuân trang điểm bước lên lầu.
Đầu đường chợt thấy màu tơ liễu,
Ấn hận khuyên chồng kiếm ấn hầu.*

Vô Danh dịch

Hai câu cuối chứa một chút ý xuân, và hình bóng của xuân, một hình bóng quá mờ và quá nhạt. Lý Bạch có tài hơn :

Xuân Tứ

Yên thảo như bích ti,
Tần tang đề lục chi.

Đương quân hoài qui nhật,
Thị thiếp đoạn trường thi.
Xuân phong bất tương thức.
Hà sự nhập la vi ?

Ý Xuân

*Cỏ Yên tơ biết phủ,
Dâu Tần nhánh lục xòu
Đương lúc chàng mong nhớ
Là khi thiếp xót xa
Gió xuân chẳng quen biết,
Sao lại động mừng là ?*

Vô Danh dịch

« Hà sự nhập la vi ». Hay ! Đáng danh đệ nhất thi hào Trung - Quốc đấy. Cũng phẳng phất như câu :

*Gió xuân phơ phất bay vô ý
Đem đung cánh mai sát nhánh đào*

X. D.

Nhưng đó cũng chỉ là những nét rụt rè, chưa hình dung được nàng Xuân. Xuân phải lơ lả, phải nôn nao kia. Há chẳng nghe nhựa sống reo trong thân cây, làm tung búp xanh, toé cánh hồng ? Há chẳng nghe dòng máu ào ào trong huyết quản, làm căng ngực tròn, làm mọng môi thắm ? Xuân phải lăn lộn trên cỏ non, phải vò nát cánh bướm, xuân là « muôn đá nam-châm », là « chết ở trong lòng một ít », xuân là sầu, xuân là khổ, phải « chán nèo xuân sang ». Xuân độc địa, tàn nhẫn, nó « đương tới nghĩa là đương qua », nó « còn non nghĩa là sẽ già », cho nên xuân là vội vàng :

*Mau với chút, vội vàng lên với chút !
Em, em ơi, tình non đã già rồi.*

ĐUÔI BẮT ẢO ẢNH

*Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ! Thời gian không đứng
đợi!*

Xuân-Diệu

Vì xuân mà hết thì ta « cũng mất »,
cho nên đừng « chờ nắng hạ mới hoài
xuân ». Vừa hưởng và vừa « hoài đi »,
Ồi! cái vui chua chát! Say mê hưởng đi,
cuồng nhiệt hưởng đi, hưởng cái xuân
« ngon như một cặp môi gần » đi, Ồi
xuân, xuân!...

*« Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào
ngươi! »*

Nàng xuân mà biết được, chắc cũng
mỉm cười.

Người ta hoan hô nhiệt liệt chủ trương
mới. Thả lỏng con tâm, còn gì thú bằng?
Thôi thì tha hồ mà « ru với gió, mơ
theo trăng và vờ vẩn cùng mây », tha hồ mà

Lui đôi vai, tiến đôi chân,

Riết đôi tay, ngà đôi thân,

tha hồ mà

*. . . thờ than cùng thiếu nữ băng
khuàng,*

*. . . véo von theo tiếng sáo lưng
chiềng.*

Cả vũ trụ thu trong cặp mắt giai nhân
và trong trái tim thi sĩ.

Đây cặp mắt giai nhân:

Những buổi đó ta nhìn em kinh ngạc

Hồn mắt dẫn trong cặp mắt lưu-ly.

Ồi mắt xa khơi!Ồi mắt dị kỳ!

Ta trông đó thấy trời ta mơ ước.

*Thấy cả bóng một vầng đồng thuở trước,
Cả con đường sao mọc lúc ta đi,
Cả chiều sương mây phủ lối ta về,
Khắp vũ trụ bỗng vô cùng thương nhớ.*

Đinh-Hùng

Và đây trái tim thi sĩ:

*Ta đặt em lên ngai thờ Nữ-Sắc,
Trong ám thầm chiêm ngưỡng một
lan đa.*

*Buổi em về, xác thịt tắm hương hoa
Ta sống mãi thờ lấy hồn trinh tiết.
Ồi cảm dỗ! cả mình em băng tuyết,
Rợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân,
Ta gần em mé từ ngón bàn chân,
Mắt nhắm lại để lòng nguôi gió bão
Khi sùng bái, ta quỳ nằng nề áo,
Nhưng cúi đầu trước vẻ ngọc trang
nghiêm.*

*Ta khấn cầu từng sớm lại từng đêm,
Chưa tội lỗi đã thấy tràn hối hận.*

*.
Ồi vô lương! Trong một phút không
ngờ,*

*Ta đã muốn trở nên người vô đạo.
Tất cả em đều bắt ta khổ não,
Và oán hờn căm giận tới đau thương,
Và mê say, mê mệt tới hung cuồng,
Và khát vọng đến vô tình vô giác,*

Đinh-Hùng

NGUYỄN-HIỆN-LÊ
(còn tiếp)

BÁCH KHOA CXV

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

GIA - ĐÌNH

và HỌC-ĐƯỜNG

Nguyễn-hữu-Phiếm

TA thường nói giữa gia-đình và học-đường cần phải có sự hợp-tác chặt chẽ, nhưng thực tình mà nói có nhiều vị, cả phụ-huynh học sinh lẫn thầy, không biết hợp-tác như thế nào, trên lãnh-vực gì và hiểu những nỗi khó khăn thường vấp phải ra sao.

Vấn-đề rất phức tạp vì ngày nay trong công cuộc giáo-dục trẻ em, gia-đình, học-đường và xã-hội đều có trách-nhiệm cả, mỗi bên có một nhiệm-vụ riêng, không thể xen lẫn vào nhau được, nghĩa là cha mẹ không thể đóng vai thầy cũng như thầy không thể thay thế cho cha mẹ. Tuy nhiên nói thế không có ý bảo giáo-dục gia-đình mâu-thuẫn với giáo-dục học-đường, hoặc giữa hai thế-giới kia có một bức hàng rào ngăn đôi, có đường ranh-giới nhất định, thí-dụ học-đường chỉ biết chăm lo về học-vấn còn phần giáo-dục thuộc về gia-đình. Trái lại, ngày nay gia-đình và học-đường cần phải bổ-túc lẫn cho nhau, cha mẹ và thầy nên có một chính-sách duy nhất, có

sự thỏa-thuận về những nguyên-tắc, qui-luật đại-cương khiến đứa trẻ thích-nghĩ dễ dàng với học-đường (và mai sau thích-nghĩ được với xã-hội) giữ được thể quân-bình về tinh-thần và tình-cảm. Hãy lấy thí-dụ ngay trong gia-đình. Nếu giữa bố mẹ không có một sự hòa-hợp, mỗi người dạy con theo một phương pháp hoặc đối-xử với con một khác, mẹ nuông chiều, bố nghiêm khắc, trống đánh xuôi kèn thổi ngược, đứa trẻ sẽ hoang mang, không được vững-tâm, không biết nên theo ai, ai phải ai trái, và có khi lại lợi-dụng cả hai bên để che đậy lỗi nữa. Ấy là chưa kể ảnh-hưởng của ông bà hay cô dì chú bác nếu đứa trẻ sống trong đại gia-đình.

Đứa trẻ càng hoang mang hơn và dần dà thay đổi tính nết nếu nhận thấy có sự mâu-thuẫn giữa hai nền giáo-dục ở gia-đình và học-đường nhất là có mối bất-hòa giữa những người phụ-trách về giáo-dục là cha mẹ và thầy giáo. Ở đây vấn-đề nhân-sự là một yếu-tố rất quan-trọng vậy.

Trước hết hãy nói đến trở-ngại cho sự hợp-tác giữa gia-đình và học-đường

a) *Về phía cha mẹ* : Có nhiều vị phụ-huynh coi học - đường như một thế-giới riêng biệt và thầy giáo như người xa lạ, tuy họ mừng thầm đã có nơi gửi gắm con cho thầy dạy bảo và bao nhiêu trách-nhiệm trút cả vào nhà trường. Họ chỉ biết bỏ tiền cho con ăn học, hoặc họa hoằn lắm ký tên vào cuốn học-bạ, khen trách con lấy lệ, còn ngoài ra không xúc-tiếp mật thiết với học đường.

Chúng tôi nhận thấy có tới ba phần tư phụ-huynh trong các trường trung, tiểu-học không biết đến học-đường, không rõ sự học - hành và hạnh - kiểm của con ở trường ra sao, lớp học rộng chật, có đủ điều-kiện vệ-sinh hay không, giờ chơi, giải-trí tổ-chức như thế nào....

Có một số tuy để tâm đến học-đường, nhưng lại có mặc-cảm, tự xét mình thiếu kiến-thức, nên tránh không muốn giao-thiệp với nhà trường. Nhất là khi họ thấy con không bao giờ đề-cập đến những việc xảy ra trong lớp học (bài vở thầy ra, thái-độ của thầy...) hay chỉ thấy nó trả lời ắp-úng mỗi khi điểm xấu hay bị phạt.

Lại còn một số đặt quá nhiều cao vọng vào con, nên dễ bực mình, cáu kỉnh khi thấy đứa trẻ học kém, thi rớt. Lúc đó họ không ngẫu-ngại đổ lỗi cho thầy nghiệt, bất công hay... dốt. Mới đây ở thủ-đô đã xảy ra một chuyện rất hi-hữu về thi cử. (không đăng lên báo) : một vị phụ-huynh — có địa vị trong xã-hội — có con đi thi tú-tài và rui bị rớt, mặc dầu thường nhật ngồi nhất nhì trong lớp. Ông cáu lắm bèn viết thư hạch ban giám-khảo và

yêu cầu chấm lại, nếu không... ông sẽ đi kiện (!) cho tới cùng Ban giám-khảo đã chiều ông, đem chấm lại bài thi của thí-sinh kia thì ra lỗi vẫn không phải ở người chấm bài.

Có vị đòi hỏi ở nhà trường nhiều quá, như không đồng ý với ông hiệu-trưởng về thời-khoá-biểu, phương-pháp dạy, bài vở làm ở nhà — hoặc ít quá hoặc nhiều quá — hay ngoài việc học ra lại yêu cầu thầy can thiệp vào việc gia-đình, thí-dụ ép thầy răn bảo, hoặc mắng phạt nó về những lỗi lầm ở nhà (không nghe lời bố mẹ, hỗn, chòng ghẹo em...v. v..)

b) *Về phía thầy giáo* : Có nhiều vị đối với phụ-huynh học sinh tỏ ra dè dặt hay nghi kỵ, không muốn họ can thiệp vào đời sống học-đường, cho rằng họ không có kinh-nghiệm về giáo khoa, mà lại hay phê bình chỉ-trích, thứ nhất là họ ít khi được bình tĩnh, thường dễ dễ cho cảm-tình chi phối (nhiều tự-ái, đặt nhiều kỳ-vọng vào con....). Có nhà mô-phạm lão thành đã nói :

« Có khá nhiều cha mẹ học trò vào hứa với con để phá thầy ».

Còn đối với học - sinh, có một số giáo-chức trong suốt một niên học không biết đến tên học trò và coi đứa nào cũng như đứa nào cả, cho phận-sự của mình là chấm bài, giảng bài kiểm soát hạnh-kiểm trong lớp rồi dựa vào điểm để xếp ra từng hạng tốt, xấu, thông-minh, chăm, lười biếng lảnh, nghịch ngợm...v..v...ngoài ra không biết đứa học trò sống trong hoàn cảnh nào, bố mẹ anh chị em đối với nó ra sao, nhà giàu hay nghèo.

Xét một học-sinh như thế nhất định là phải xét lắm, chẳng khác gì một người

cây ruộng chỉ biết có hạt giống mà không biết mình sẽ reo cây lên miếng đất nào vậy.

Ngày nay khoa tâm-lý và nhất là khoa tâm-phân-học (psychanalyse) dạy ta biết rằng không thể hiểu thái-độ, phản-ứng của đứa học trò (lười, nói dối, ăn cắp, hờn, ngỗ nghịch...) nếu không rõ quá khứ của nó, nhất là hoàn-cảnh gia-đình của nó ra sao. Các nhà tâm giáo dục đã nói rằng khi đứa trẻ tới nhà trường, mặc nhiên nó đã đem vào trong lớp học những tập-quán và phản-ứng của nó từ gia-đình lại (phục-sức, cử-chỉ và thứ nhất là ngôn ngữ), rồi chuyển lại cho thầy hay bạn một cách vô ý thức những cảm-tình tiêu cực hay tích-cực của nó, nên ta có thể nói nhại : « Mi hãy cho ta biết cha mẹ mi là ai, ta sẽ bảo mi là hạng người nào ».

Nếu không có một con người đồng loại thì trong một lớp học không thể có một loại học-sinh giống nhau trên mọi lãnh-vực. Mỗi đứa có một hoàn-cảnh gia-đình và xã-hội khác nhau, mỗi học-sinh có một vấn-đề riêng tư, và những vấn-đề này cần phải giải-quyết vì có ảnh-hưởng rất lớn đến sự học cũng như sự học có ảnh-hưởng không kém phần quan trọng đến đời sống trong gia-đình, đến những mối giao-thiệp giữa cha mẹ và con cái.

Vì thế học-đường có nhiệm-vụ chỉ dẫn, khuyên răn cha mẹ để họ biết rõ trách-nhiệm đối với con em, hoặc để có một thái-độ thích-hợp hơn đối với chúng. Nhưng làm thế nào giúp các bậc phụ-huynh hữu hiệu nếu không biết gia cảnh của mỗi học-sinh, biết tính nết từng trẻ, khác nhau tùy theo trường hợp trong gia-

đình nó là « con cưng » hay con ghét, con một hay con đàn, cùng mối giao-cảm giữa nó với cha mẹ và anh chị em cũng như giữa cha mẹ nó với nhau. Thầy giáo có biết hoàn-cảnh gia-đình của mỗi trẻ mới hiểu được thái-độ nó tại lớp học, vì sao nó lười, hờn, lãng trí, hung dữ, nói dối, ăn cắp... Họ sẽ hiểu nổi ưu tư hay tính nóng nảy của đứa trẻ khi biết cha nó là người tàn nhẫn, áp chế, rượu chè, cờ bạc. Họ sẽ thông-cảm nổi buồn lo của đứa nhỏ, khi biết gia-đình nó có chuyện bất hòa, cha mẹ ly-dị, tục-huyền hay tái giá. Họ sẽ thấu nổi khổ tâm của nó, khi biết bố nó thất nghiệp, ngồi tù hoặc ốm đau không tiền chạy chữa, sống bữa nay và lo bữa mai. Họ sẽ sẵn sàng tha thứ cho đứa trẻ nói dối, ăn cắp, hờn... khi biết chúng là trẻ có tự-ti mặc cảm hay đau khổ, không mắng phạt đứa đang-trí vì trong người mỗi một, có chuyện ưu-phiền nay đang ở tuổi dậy-thì.

Một lời khuyên giải của thầy có thể làm chuyển lòng cha mẹ, khiến họ thay đổi thái-độ đối với con (thí-dụ đừng dìm nó hay so sánh với anh chị em, đừng đối-xử bất công...) và có khi chỉ nhờ một câu nói dịu dàng thân mến, một cử-chỉ của thầy chứng tỏ thầy săn sóc, tìm hiểu nó mà đứa học trò thấy trút được nỗi buồn bức đau đớn trong lòng ; mọi kích-thích ngấm ngấm được xoa dịu, nó thấy được vững-tâm rồi dần dần đổi tính, trở thành một trò ngoan. Có một số học-sinh nhờ học-đường mà tìm thấy tình thương thiếu sót ở gia đình, nhờ thầy mà sớm tỉnh-ngộ, tâm-tình được bộc-lộ (trực-tiếp hay gián-tiếp qua một bài luận chẳng hạn), không đi tới chỗ liều-linh (bỏ học hay tự-vẫn).

Thật là một công-trình đòi hỏi biết bao công phu và thì giờ của học-đường. nhất là học-đường ngày nay. chương-trình đã nhiều và số học-sinh mỗi lớp càng ngày càng tăng.

Như vậy sự hợp-tác giữa gia-đình và học đường rất cần thiết, không có không được, để đưa trẻ giữ được thể quân-bình trên mọi lãnh vực. Muốn nó thích-nghĩ được với học đường (nghĩa là tuân theo kỷ-luật học-đường mà không thấy khó chịu, không ra mặt hay ngấm ngấm phản đối, không phải để thầy mắng phạt. . .) để sau này thích-nghĩ được với xã-hội, nó cần được vững-tâm, sung sướng trong gia-đình. Một đứa trẻ chỉ mãi vui ở trường. không thiết gì đến gia-đình, ở nhà chỉ nghĩ đến thầy đến bạn, là đứa trẻ đáng để cho cha mẹ và thầy lưu tâm.

Nói tóm lại:

a) Thầy giáo cần liên lạc, cộng-tác với gia-đình, không phải để thay thế các bậc phụ-huynh mà để biết rõ đứa trẻ hơn, để hiểu thái-độ và phản-ứng của nó ở trong lớp học.

b) Cha mẹ học sinh cần hợp-tác với học đường để theo dõi, kiểm điểm sự học của con để giúp thầy giáo phát-triển khả-năng

và nhân-cách của nó, rồi tùy theo lời chỉ-dẫn của thầy, cho đứa trẻ phương-tiện làm việc (mua sách vở, dụng-cụ. . .) Tuyệt đối gia-đình không nên xen vào nội-bộ tổ-chức của học-đường (phương-pháp giáo-khoa, kỷ-luật. . .) hoặc lung lạc mua chuộc thầy. Nhất là không nên cho đứa trẻ có cảm-giác là cha mẹ và thầy hòa nhau lại để đe nẹt nó. Vì thế trừ những trường-hợp đặc biệt, nếu đứa trẻ có lỗi ở nhà thì nên phạt nó ngay ở nhà, và nếu có lỗi ở trong lớp thì nên phạt ngay ở lớp. Có vị phụ-huynh đã phê vào cuốn học-bạ: « Để rồi tôi sẽ trị tội nó sau », vì nhà trường yêu-cầu gia-đình mắng phạt đứa trẻ về tội « lười và đãng-trí », Chúng tôi thiết nghĩ đó là một hành-động vụng về của cha mẹ để dìm con hơn để khuyến khích nó, và cũng là một hành-động thiếu tâm-lý của thầy giáo, vì nói đúng ra có nhiều hạng cha mẹ: người nghiêm quá, người nhu nhược quá, người sốt sắng, người lãnh-đạm, người lo lắng (xấu hổ vì con học kém, hết giận con lại đổ lỗi cho thầy . . .)

NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

Kỳ sau: *Gia đình và Học đường phát hợp tác như thế nào để lợi cho đứa trẻ?*

Một quan niệm về « tư sản »

Léon-Paul Fargue, trong cuốn *Sous la lampe*, phát biểu một quan niệm đặc biệt về giai cấp « tư sản »:

« Đối với tôi, kẻ thuộc giai cấp tư sản là kẻ từ bỏ mình, từ bỏ đấu tranh và từ bỏ tình ái để được yên thân. Đối với tôi, kẻ thuộc giai cấp tư sản là kẻ đặt một cái gì ở trên tình cảm ».

II.— Những đề tài chính của

Trần-huông-Tiê

TRIẾT-HỌC HIỆN-SINH

Đề-tài duy-nhất của Triết Hiện-sinh là con người tại thể, con người cá-vị với những điều-kiện sinh-hoạt nhất-định và những định-mệnh độc-đáo của mỗi người. Rồi con người hiện-sinh, tức con người nhân-vị đó, được chiêm-nghiệm dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Và đó là những đề-tài mà chúng ta gặp luôn luôn trong các tác-phẩm của các triết-gia hiện-đại.

Nhiều học-giả đã gọi các văn-đề này bằng danh-từ *phạm-trù* (catégories) với ý rằng các triết-gia hiện-đại không bao giờ suy-tưởng điều gì ngoài những đề-tài căn-bản đó.

Chữ phạm-trù có tự đời Aristote. Ông này chủ-trương triết-học về vũ-trụ, cho nên dưới mắt ông vạn vật chỉ có thể đứng vào trong 10 loại sự kiện này (tức 10 phạm-trù Aristote): trước

hết sự vật có thể là *bản-thể* hay *tùy-thể*. Bản-thể là chủ-thể, còn tùy-thể là những thuộc-tính: thí dụ thẳng Ba ngù; thẳng *Ba* là chủ-thể, và *ngù* là tùy-thể. Như vậy tùy-thể là tất cả những gì người ta có thể quy về chủ-thể: cho nên có 9 tùy-thể sau đây: lượng-tính, phạm-tính, tương-quan, hành-động, thụ-động, vị-trí, thời-gian, không-gian, thái-độ. Cho nên thẳng *Ba* nó mập, lười, không ưa chơi với thẳng *Năm*, hay nói nhảm, thường bị thầy giáo phạt, trước mặt anh em bạn, như buổi học sáng qua, trong lớp Nhì Trường Bính-Lợi, nó khóc: đó là những thí dụ về tùy-thể.

Theo Aristote, vạn vật không thể có một điều kiện sinh-hoạt nào khác ngoài 10 điều-kiện trên đây mà ông gọi là phạm-trù. Vì thế chữ phạm-trù đồng-nghĩa với chữ nhất-thiết. Tất

cả sinh-hoạt của một sự vật hoặc của một người, nhất thiết phải là một trong 10 sự kiện kia.

Bước sang thời triết-học nêu cao tri-thức, Kant đã bỏ rơi 10 phạm-trù của Aristote và đưa ra 12 phạm-trù mới. Vì theo Kant, chủ-quyển phán-đoán không thuộc về Thiên-nhiên nữa, nhưng thuộc về trí-năng của ta (đó là cái ông gọi là cuộc cách-mạng Copernic của ông, theo đó thì vạn vật buộc phải xuất-hiện theo những thể-thức phán-đoán của ta). Để ý một chút, ta thấy Kant chỉ giữ lại 3 tùy-thể trên (lượng-tính, phẩm-tính, tương-quan), và ông đặt ra một loại mới để trùm lên trên 6 tùy-thể còn lại : đó là phạm-hình-thái (modalité). Dưới đây là bảng các phạm-trù của Kant :

I. — Lượng-tính :

Nhất-thể-tính.

Đa-thể-tính.

Toàn-thể-tính.

II. — Phẩm-tính :

Thực-tại-tính.

Phủ-định-tính.

Hạn-định-tính.

III. — Tương-quan :

Chủ-thể và tùy-thể.

Nguyên-nhân và hậu-quả.

Cộng-đồng giữa nguyên và bị.

IV. — Hình-thái :

Khả-hữu-tính - Bất-khả-hữu-tính.

Hiện-hữu - Bất-hiện-hữu.

Tất-hữu-tính - Bất-tất-tính.

Xem thể đủ biết, triết của Kant đưa chúng ta vào lãnh-vực duy-tâm. Nhất-thể-tính, thực-tại-tính, khả-hữu-tính v.v., quả thực chúng ta đã bỏ rơi sự sống của thực-nghiệm để hướng về thể-giới của «Duy-tâm siêu-nghiệm» (Idéalisme transcendantal), danh-từ do Kant đặt ra để gọi triết-thuyết của ông. Nhìn vào một sự vật tôi quan-niệm, tôi thấy nó có thể là một (nhất-thể-tính), là nhiều (đa-thể-tính), hoặc là duy-nhất trong loại nó (toàn-thể-tính). Nó có thực (thực-tại-tính), hay hiện nay không có tí nào như tôi quan-niệm về nó (phủ-định-tính) hoặc chỉ có một cách nào đó thôi (hạn-định-tính). Tóm lại, Kant chỉ chú-trọng về tính-chất của những phán-đoán của trí-năng ta mà thôi : chính phẩm-tính của mỗi phán-đoán làm nên bộ mặt của mỗi phạm-trù.

Với Aristote, triết-học coi vũ-trụ vạn vật là mô-phạm, cho nên tri-thức con người phải uồn mình theo những phạm-trù của vạn vật. Trái lại, với Kant, tri-thức con người là mô-phạm, và vạn vật chịu quyền chi-phối của tư-tưởng.

Với triết Hiện-sinh, người ta xóa bỏ tất cả hai loại phạm-trù trên đây. Duy-vật và Duy-tâm đều không phản ánh đúng sự thực. Triết Hiện-sinh chỗi bỏ cả hai cách nhìn đó và chủ-trương rằng : con người không phải là một sự vật của vũ-trụ như chủ-trương của Aristote, và cũng không phải một tư-duy đứng ngoài vũ-trụ, lấy vũ-trụ làm đối-tượng quan-sát như chủ-trương của Kant và nhóm Duy-

tâm đã nghĩ một cách sai - lầm ; đối với triết Hiện-sinh, con người không phải là một thành - phần của vũ - trụ như các thành - phần khác, vì con người là chủ-thể duy nhất có ý thức về mình, — đang khác, con người không thể là một tư-duy có khả-năng suy-tưởng một cách siêu - nghiệm và tiên nghiệm. Nói cách khác, chỉ có con người tại thể, không có con người tại nội như chủ-trương của Duy-tâm. Như vậy, thể-giới là môi-trường sinh-hoạt tự-nhiên và cần - thiết của con người : tuy-nhiên vũ-trụ chỉ là chỗ đứng chân, là môi-trường sinh-hoạt của con người mà thôi, chớ không phải cái chi thần thánh để con người chiêm-ngưỡng.

Chúng tôi cần trình bày sơ qua những phạm - trù của triết - học cổ-truyền và triết-học cổ-diễn để dễ bề tìm hiểu những phạm - trù của triết-Hiện-sinh.

Triết nào có phạm - trù này. Triết Hiện - sinh tất sẽ chỉ chú - trọng đến những vẻ đặc sắc của hiện-sinh. Đây không còn là những phạm-trù trừu-tượng như trên kia nữa, nhưng là những sắc-thái đậm đà của cuộc sinh-hoạt đầy bi-đát của chúng ta mỗi người.

Đâu là những Phạm-trù-Hiện-sinh ?

Các triết - gia Hiện - sinh nhằm quan - sát cuộc sinh - hoạt cụ - thể của con người thời đại, cho nên những phạm - trù của mỗi triết - gia thường không giống phạm - trù của triết - gia khác. Tuy nhiên có một số đặc - tính được tất cả các triết-

gia hiện-sinh đề cao, tức là những sắc-thái đặc-biệt sau đây của cuộc sinh-hoạt mỗi người chúng ta. Cuộc đời của đa số người ta đều mang vẻ tầm-thường, *nôn mưa* ; cuộc đời đó là một *phóng - thể* ; vì thể cần thiết chúng ta phải *tĩnh - ngộ*, ý - thức về giá-trị cao quý của nhân-vị mình : do đó sinh ra *ưu - tư* ; tuy nhiên sống là vươn lên, *vuơn lên mãi*, bởi vì dừng lại là tự đặt mình vào cảnh chết của tĩnh - thần ; đang khác, cuộc đời là một thử thách, đòi ta phải sáng suốt để quyết - định, *tuyền - trạch*. Trong tất cả mọi hành - động đó, tôi không thể ý - lại vào người bên cạnh, lấy họ làm gương-mẫu : tôi không được làm thể, vì mỗi nhân-vị là một *độc-đáo* : thành thử con người tự cảm thấy *cô-đơn*, một mình gánh vác định-mệnh của mình, không ai sống thay và chết thay ta được. Chính khi đã ý - thức như thế rồi, chúng ta mới thực sự bước sang giai-đoạn sống như một nhân-vị tự-do và tự đảm lấy định mệnh của mình.

Trong khuôn khổ bài nhỏ bé này, chúng tôi chỉ dừng lại nơi vài phạm-trù hiện-sinh chính-yếu thôi.

Nôn mưa. — Danh-từ *nôn mưa* tương đối là em út trong hàng các danh-từ hiện-sinh dùng để chỉ về vô-lý và vô ý-nghĩa của cuộc đời vô lý-tưởng và vô ý-thức. Nó là em út, nhưng nó chóng chiếm địa-vị ưu-tiên : nó được thông dụng hơn, đồng thời có hiệu-lực kích-khởi hơn.

Nôn mưa là gì ? Là trạng-thái sinh hoạt lảm-lì của thường-nhật. Nói rõ

hơn : nôn mửa là cảnh sống của những người chưa vươn lên tới mức hiện-sinh đích-thực, còn dành tâm sống như cây cỏ và động-vật. Khi tôi sức tỉnh giấc phóng-thể, khi tôi ý-thức về địa-vị và thiên-chức làm người của tôi, tôi tự thấy nôn mửa vì cuộc đời súc-vật của tôi trước đây : tôi đã chỉ lo sống, lo ăn, lo mặc, lo cho mình đủ những tiện-nghĩ như kiểu một con chim bạch-yên được chiều, hoặc một con chó Nhật-bản được bà chủ cưng. Tôi đã thả mình để sống như một khí-lực, như một cây dừa mọc lên vườn vuột, sinh trái rồi chết, như một con bò chỉ biết tranh sống trên bình-diện sinh-lý. Nhất là cuộc sống văn-minh đã làm nhiều người sinh-hoạt như một bộ máy, như vậy còn kém cả động-vật.

Tóm lại, một số con người ta còn *sống như những sự vật*. Và sống như sự vật là một nôn mửa cho triết-gia hiện-sinh đã ý-thức sâu xa về nhân-vị con người.

Trong các triết - gia Hiện - sinh, không ai tài tả về cái vẻ chán ngán của cuộc đời vô-nhân-vị đó bằng Sartre. Chính danh-từ nôn mửa do ông đưa ra và khai-thác rất tài-tình :

« Thôi, tôi cứ làm như nàng Anny là xong : tôi cứ sống thừa ra. Ăn, ngủ. Ăn, ngủ. Sống từ từ, êm êm, như những cây kia và như vũng nước này, hoặc như cái ghề bọc vải đỏ của toa xe lửa nọ ». (Sartre, *La Nausee* p. 221)

Ăn, ngủ. Ăn, ngủ. Sartre nhắc lại hai lần, nghe như nhịp đều đều của cuộc sống máy móc và của tất cả những ai chỉ sống để mà sống. Sartre gọi sống như thế là « sống thừa ra » (se survivre). Thừa ra, vì tôi không biết sống để làm chi cả. Sartre thường gọi sống như vậy là hiện-hữu như một sự vật. Đó là hiện-hữu, chưa phải là hiện-sinh, nhất là chưa phải hiện-sinh chính - thực (existence authentique). Sống thừa. Nôn mửa. Tôi nôn mửa trước cuộc đời của tôi, vì cuộc đời đó quá giống sự sinh-tồn của cây cỏ và thú vật : hòn đá cái là hòn đá và mãi mãi là hòn đá. Cây cỏ và súc-vật cũng gần như thế. Và con người chưa ý-thức về nhân-vị và định-mệnh của mình cũng không hơn gì chúng. Đó là những cá-vị người, nhưng con số người ta đếm như khi làm sổ thống-kê, cả trăm ngàn người cùng giống nhau, không một ai vươn tới mức có nhân-vị và nhân-cách đặc-sắc. Heidegger gọi tình-trạng đó là « người ta » (l'on). Đó không phải là những con người có nhân-cách, nhưng toàn là những « người ta » vô-danh và vô-vị.

Nôn mửa. Không phải những người sống thừa ra như cây cỏ kia biết nôn mửa. Không. Họ là sự nôn mửa cho triết-gia Hiện-sinh : chính triết-gia và những ai đã vươn tới mức hiện-sinh chính-thực mới cảm thấy nôn mửa. Vậy nôn mửa chỉ có nghĩa là nôn mửa về sinh-hoạt vô ý-thức và vô-vị của những con người cam sống như những con vật, không có nôn mửa về thiên-nhiên, mặc dầu đôi khi Sartre

đi quá trốn và đã nôn mửa trước
rễ cây xoan tây và trước mảnh sành
ông nhặt lên để liệng xuống sông.
Những nôn mửa đó chỉ có công-
tác chuẩn-bị trận nôn mửa thực sự,
nôn mửa triết-học vì làm người mà
lại sống thừa ra như cây cỏ.

Cũng nên biết Camus không nói
nôn mửa, nhưng nói « *phi-lý* » (ab-
surde). Và ý-thức về phi-lý cũng phát
sinh do cùng một nguồn đó : triết-
gia ý-thức về cái vô-trơ trơ, vô ý-thức
và vô-vị của cuộc đời : « Thứ đây,
ngồi xe điện, bốn giờ ngồi bàn giấy
hoặc ở xưởng, cơm trưa, rồi lại ngồi
xe điện, bốn giờ ngồi bàn giấy, cơm
tối, đi ngủ. Thứ hai, thứ ba, thứ tư,
thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, cứ thế
mãi, cứ thế mãi ». (Camus).

Ý-thức sâu xa về tính-chất phi-lý
và về nôn mửa của cuộc đời vô-nhân-
vị : đó là bước đầu trên con đường
hồi-cải (conversion) của triết-gia hiện-
sinh. Nôn mửa làm cho chúng ta vùng
dậy, bỏ trạng-thái sự vật để vươn
lên tới thiên-chức làm những nhân-vị
tự-do và tự trách-nhiệm.

Phóng-thể — Phóng-thể dịch chữ
aliénation. Nguyên chữ này có nghĩa
là *hóa thành cái khác*, thành người
khác. Cho nên phóng-thể là tình-trạng
của những con người chưa tự ý-thức
mình là những nhân - vị độc - đáo.
Người phóng-thể là người sinh-hoạt
như mọi người, và hành-động chỉ vì
người ta bảo mình làm hoặc nghĩ
mình phải làm như thế.

Triết Hiện-sinh chống lại triết vũ-
trụ (philosophie de la nature), cho

không làm gì nếu nó chống lại mọi
hình-thức phóng-thể. Phóng-thể làm
mất bản-ngã của ta Phóng-thể làm
cho ta nắm lý ở tình-trạng sự vật :
sống như cây cỏ và động-vật.

Có nhiều hình - thức phóng - thể.
Tựu-trung có thể quy về hai hình-
thức đại - loại này : phóng-thể duy-
tâm và phóng-thể duy-vật (Xem Mou-
nier, *Qu'est-ce que le Personnalisme* ? Seuil 1947, pp. 51-60). Phóng-
thể duy-tâm phát-sinh do sự « người
ta quá suy-tôn một thứ đạo-đức giả-
tạo, đạo-đức mơ-mộng và ảo-tưởng
đầy ích-ký và lười lỉnh. Thứ đạo-đức
này dứt con người ra ngoài cuộc sống
xã-hội để rồi cuộn tròn nó trong một
tình - cảm thanh - nhã trường - giả »
(Mounier o.p. cit., p. 56-57). Phải gọi
phóng-thể này là duy - tâm vì nó chỉ
tưởng - tượng và mơ - ước, nhưng
không bao giờ dám tra tay vào hành-
động : « Họ muốn hành-động, nhưng
lại sợ làm tay. Mâu thuẫn chưa !
Thực là một thứ giả - hình ích - kỷ
(pharisaïsme égoцентриque) » (Ibid. p.
28). Sao những người duy - tâm này
bị gọi là phóng - thể ? Thừa vì họ
không tự ý-thức về vai-trò lịch-sử
của họ ; vì họ không thực sự nhận-
thức những điều-kiện sinh-hoạt của
họ để lấy đó làm đà tiến cho bản thân
họ ; vì họ đã hoàn toàn thụ-động thả
mình tin theo những mẫu người « lý-
tưởng » mà sách vở của một số triết-
gia duy - tâm đã phác họa cho họ ;
nhất là vì họ đã mơ-tưởng một thể-
giới của những người thánh ngay khi
họ sống ở đời này. Thay vì tìm
hiểu rồi khai-thác những giá trị thực

tê của môi-trường xã hội ngày nay họ đã trồn thực-tại để sống nương mình trong những mơ-ước viễn-vông của những thời vàng son không bao giờ có. Ngược lại, phóng-thể duy-vật đồng hoá con người với một cơ-năng để hoạt-động. Đây ta không trách con người rằng không hoạt-động nữa, nhưng phải trách nó đã hành-động một cách vô ý-thức, như một cái máy. Nay con người không còn là một tinh-thần bàng-lãng như ma trời nữa, nhưng con người đã cảm thấy sức sống mãnh liệt của tập đoàn. Không những tại thế, con người còn tại xã-hội nữa, Tuy nhiên một hình-thức phóng-thể khác đón chờ con người ở nẻo đường này : con người không còn là một nhân-vị sống với và trong tập-đoàn nữa, nhưng đã trở thành phản-ảnh trung-thành của tập-đoàn. Con người đã trở thành đơn-vị của nhóm này, hội-viên của phong-trào kia. Đó là ý nghĩa câu nói của Mounier : «Sống tập-đoàn là một bước tiến của tinh-thần, nhưng bước tiến đó chấm hết khi con người không còn giữ được óc sáng - kiến và tự-chủ, và khi chí-khí mạnh-mẽ nhường bước cho sự câu-nệ của tập-thể» (Op. cit., p. 58). Ở những nước dân-chủ như Pháp, Anh (tôi chỉ nói những nước tôi quen thuộc hơn), mỗi sáng khi đi học, ngồi xe điện hoặc đợi xe buýt, chỉ cần xem mấy người bên cạnh tôi đọc báo gì, đủ biết họ là nhóm nào : ông ăn mặc lịch-sự kia đọc *Figaro* vì ông là giới tư-bản và ở giai-cấp trưởng-giả ; anh mặc áo nhuộm dầu cặn đang đọc *Humanité*,

chắc anh đứng trong hàng ngũ cộng-sản ; mấy người khác, người thì đọc *Libération* (khuyh tả), người thì đọc *Combat* (cấp tiến) ; mấy anh sinh-viên và nhóm trí-thức độc-lập thì đọc *Le Monde*. Tóm lại, đa số người ta sống đời sống tư-tướng của nhóm mình : tờ báo của nhóm có nhiệm vụ suy-nghĩ và quyết-định giúp họ. Thành thử họ chỉ là những cái xác, còn hồn là Nhóm, là Đảng, là Giới, v. v...

Đó là bộ mặt của phóng-thể. Hai bộ mặt tổng-quát. Trong thực-tế, phóng-thể mặc nhiều hình-thức khác nhau, nhưng chung quy đều có một hậu-quả khốc-hại cho con người : phóng-thể làm cho con người sống yên-hàn trong tình-trạng sự vật, sự vật của gia-đình, sự vật của Nhóm, của Đảng, của Đoàn-thể, của Tôn-giáo an-nhàn. Phóng-thể là tội nguyên-tổ, là căn-nguyên cuộc sống tầm thường và nôn mửa của đa số con người ta.

Ưu-tư — Ưu-tư do thức-tỉnh và suy-nghĩ. Con người phóng-thể không ưu-tư, vì họ sống như một sự vật của gia-đình và xã-hội : họ không ưu-tư vì họ cứ việc sống thừa ra, sống như mọi người. Trái lại con người đã tỉnh-ngộ không thể không ưu-tư. Ưu-tư là bước đầu của sự đi lên. Ưu-tư là bắt đầu vươn lên.

Ưu-tư không giống sợ hãi. Người ta chỉ sợ một cái chi rõ rệt (sợ rắn, sợ ma, sợ trộm). Còn ưu-tư chỉ là xao-xuyến, bồn khoăn về tương-lai chưa rõ rệt. Con người hiện-sinh ưu-tư, vì biết rằng tương-lai đầy huyền-

nhiệm, còn bao nhiêu yếu-tố chưa hiện ra rõ rệt, và mình sẽ quyết-định lấy cho mình. Không ai quyết-định thay cho mình được. Để người khác hoặc Đoàn-thể quyết-định thay, tức là thoái-vị làm người tự-chủ và tự-do.

Bao nhiêu giá-trị tinh-thần đều lệ-thuộc vào một quyết-định của tôi. Tôi biết thế, cho nên tôi ưu-tư. Con người hiện-sinh ý-thức một cách bi-đát rằng : mỗi nhân-vị là một thế-giới huyền-nhiệm, đầy những khả-năng, có thể thành thánh và cũng có thể thành quỷ, có thể thắng vượt những dục-vọng dẽ-tiện và cũng có thể sống nô-tệ những dục-vọng đó : tất cả ở tại sự hiểu biết và quyết-định. Mà không ai hiểu tôi một cách đích-thực. Không ai tha-thiết với tôi bằng tôi. Nếu tôi không tha-thiết với mình thì ai tha-thiết tìm hiểu tôi để khai-thác những khả-năng vô-tận mà Thượng-đề đặt nơi tôi ?

Bà mẹ xa con, luôn luôn áy náy, lo ngại cho người con yêu. Nhưng dầu sao, bà mẹ chỉ đứng ngoài nhìn vào bản-ngã của người con và chỉ có thể lo tính cho những giá-trị vật chất của người con thôi. Trái lại khi tôi ưu-tư về tôi, tôi nhìn thẳng vào nội tâm của tôi, nhìn thẳng vào định-mệnh cao cả và ghê-sợ của tôi nhất là vì tôi biết rằng trong việc này không một ai có thể giúp tôi : tôi chết mình tôi thế nào, thì tôi cũng thực sự sống mình tôi như thế. Một mình đây không có nghĩa là ích kỷ hoặc lẻ loi theo nghĩa thường, một mình đây có nghĩa triết-học, cho nên

dầu cha mẹ bạn hữu xúm quanh tôi, an ủi và thông-cảm với tôi, tôi vẫn cảm thấy rằng Đau khổ nằm sâu ở trong tôi, và sự Chết sẽ hoàn thành sự ngăn-cách giữa tôi và tha-nhân.

Tóm lại Ưu-tư là về đặc-sắc của một cuộc hiện-sinh đã tự ý-thức, muốn dứt mình ra khỏi cảnh sống thừa, sống an-nhàn của sự vật và của những con người phóng-thể. Cho nên Ưu-tư là sức chuyển động, là những cái cựa mình để vươn lên. Cho nên có thể coi yếu-tính của Ưu-tư là : xao-xuyến, cựa mình để vươn lên và không bao giờ cam chịu nằm lỳ ở trạng-thái an-cư của một sự vật.

Quyết-tuyên. — Nên biết ngay chữ quyết-tuyên của Hiện-sinh chỉ nhằm chính hiện-sinh của nhân-vị con người, không nhằm sự vật. Cho nên Quyết-tuyên là *tự chọn* mình : chọn làm người tự-do mà cực khổ hơn là làm người nô-lệ để sướng cái thân. Vì thế ý-niệm Quyết-tuyên thường đi liền với ý-niệm *Dấn thân*. Mỗi quyết-định của tôi đều ghi một bước tiến trên đời tôi : tự quyết là tự chứng-minh rằng tôi là một chủ-thể tự-do và tự đảm-nhận. Cũng vì thế mỗi tự-quyết lại là một tuyên-trạch khả dĩ thăng-hoa con người tinh-thần của tôi. Mỗi khi tôi *dám* là tôi mỗi khi tôi tự-quyết về tôi trong bất cứ hành-động nào, tôi đều đã hoàn thành một bước tiến đáng kể cho nhân-vị của tôi. Tôi có thể tự-quyết sai. Tự-quyết của tôi có thể sinh hại cho tôi về tiền của hoặc sinh-mạng : người hiện-sinh không kể chỉ những thiệt-

hại đó, không kể chỉ những sai lầm mình có thể mắc phải. (Ai lại không có khi sai lầm ? Nếu sợ sai lầm đến nỗi không dám quyết-định, thì tình-trạng này còn khốc-hại cho sinh-hoạt tinh-thần gấp ngàn lần những sai-lầm kia). Miễn là đã quyết - định trong sự bình-tĩnh và sau khi đã suy nghĩ đủ, người hiện-sinh tin-tưởng ở giá-trị hành-động tự-quyết của mình.

Chính trong hành - động Quyết-tuyên, triết Hiện-sinh chứng tỏ hiện-sinh là giá-trị sống, không phải là giá-trị tư-tưởng : tư-tưởng có tính-chất tất-nhiên, cho nên những kết - luận của Toán-học và Luận-lý-học, đã nằm sẵn trong những câu tiên-đề và nhất thiết được suy-diễn ra một cách chắc chắn và rõ ràng ; trái lại Hiện-sinh của con người không có tính - chất tất-nhiên, nhưng *bất-lắt* mà thôi (contingence). Kierkegaard hay nói giễu : « Nhóm Hegel không thể dùng suy-luận để kết-luận rằng phải có tôi. Tôi không phải là một quá - trình suy-tưởng của Hệ-thống Hegel ». Suy-luận có tính-chất phổ-quát và tất-nhiên vì nó diễn tiến trong lãnh-vực trừu-tượng ; trái lại hiện - sinh thì đặc sệt những điều-kiện cụ thể muôn mầu, cho nên « không bao giờ ta có thể dùng suy-tưởng để tát cạn được hiện-sinh » (Marcel). Thành thử Suy-tưởng và Hiện-sinh là hai thế-giới khác hẳn nhau. Nói thế để chúng ta dễ thấy tại sao triết Hiện-sinh đề cao Quyết-tuyên : là vì dầu tôi giỏi luận-lý đến đâu mặc lòng, tôi cũng không thể đưa ra một giải-quyết trăm phần trăm thỏa mãn cho thực-tế : thực-tế

vẫn còn những dấu hỏi bắn vào mặt tôi, cho nên kết cục tôi vẫn phải *liều* một phần. *Liều* (risque) là một danh từ Hiện - sinh : chính trong cái liều này, tôi tỏ ra mình là chủ-thể có quyền liều như thế và dám làm như thế. Liều, tôi đã nhận lấy trách-nhiệm làm người Liều, tôi đã tự đảm-nhiệm.

Tất nhiên mỗi Quyết-tuyên đều là tự quyết và tự tuyên, cho nên tính-chất *liều* đây chỉ là chỗ vượt quá luận lý mà thôi, không thể là thiếu suy-nghĩ. Con người hiện-sinh ưu-tư về định-mệnh của mình và ưu-tư tìm cách phát-triển nhân-cách của mình tới mức toàn hảo, cho nên Quyết-tuyên luôn luôn mang nặng những suy-nghĩ và ưu-tư.

Vươn lên. — Để-tài này phát-sinh dưới ngòi bút Kierkegaard và thực sự đã thể-hiện trong đời sống của ông : đó là những Giai-đoạn của cuộc đời. Con người phải vươn lên khỏi giai-đoạn Hiếu-mỹ để đạt tới giai-đoạn Đạo-đức ; rồi lại phải vươn lên khỏi trình độ Đạo-đức để tiến lên giai-đoạn Tôn-giáo. Hơn nữa Kierkegaard đã nhiều lần lên tiếng phản đối những hình-thức tôn-giáo trường-giả bởi vì tôn-giáo đó ru ngủ con người, « bảo-hiêm » cho con người, thành thử con người tôn-giáo như vậy đã bỏ mặt hiện-sinh chính-thực : thay vì thắng tiến con người, những tôn-giáo trường - giả đó đã bóc mặt nhân-vị con người, đẩy họ xuống hàng sự vật thụ-động và máy móc. Đọc Kierkegaard, chúng ta tưởng như luôn luôn nghe ông cảnh

tình con người rằng : « Coi chừng sa lầy ! Tất cả những gì ru ngủ đều là những sa lầy. Những triết-thuyết và tôn-giáo hô to rằng sẽ bảo đảm cho chúng ta : đó là những sức phá-hoại nhân-vị của ta. Chúng chỉ có chủ đích là giúp ta *thôi làm người* để chúng làm người giúp ta ! ».

Nhưng về mục này không triết-gia nào lợi khẩu và sâu xa hơn Sartre và Marcel. Sartre định-nghĩa yêu-tính của sự vật là lăm-lý : mỗi sự vật chỉ là nó mà thôi. « *L'être en soi est ce qu'il est... Il est massif... Il ne connaît pas l'altérité... Il est lui-même indéfiniment et il s'épuise à l'être* ». (Sartre, *L'être et le néant*, p. 33-34). Xin dịch là : Hữu-thể tự-tại chỉ là mình nó. Nó đặc ứ. Nó không có tha-tính (tính-chất biền ra khác). Muôn đời nó sẽ chỉ là nó và cứ thế cho đến khi nó kiệt đi.

Sartre đối chiếu hữu-thể tự-tại (en soi) với hữu-thể tự-quy (pour soi) và ông quan-niệm vật tự-tại là chắc nịch, lăm-lý, nhậy nhua, nôn mửa. Nó đáng ta nôn mửa bởi vì nó cứ lì lì như thể mãi cho tới khi nó kiệt đi và bị tiêu-diệt. Trái lại hữu-thể tự-quy có khả-năng hư-vô-hóa cái chất đặc sệt kia của vật tự-tại, cho nên đặc-tính của nó là biền-hóa và tiến lên. Những ai chưa chi đã muốn an-hưởng sự nghiệp của mình, đều là những kẻ sa lầy : họ coi dĩ-vãng của họ là sự-nghiệp của họ, tức là một tài-sản của họ. Sự-nghiệp đó bị khách-thể-hóa : đó là bức ảnh chụp ngồi yên

và cứng đờ ; đó là ngân-khoản họ rút dần dần ra khỏi ngân-hàng để nhàn-hưởng Họ sống, mà thực sự họ đã chết. Chết, vì họ không còn vươn lên nữa. Họ cũng *đầy ứ* như một vật tự-tại.

Marcel, với hai phạm-trù *chiếm-hữu* và *hiện-hữu* (Avoir, Être) đã đi sâu vào sự nghiên-cứu sức vươn lên của hiện-sinh. Tất cả những gì tôi có (avoir) đều có thể gọi thành tên, và cứng đống như những sự vật : tôi có một mẫu ruộng, tôi có một mảnh bâng, tôi có bệnh cúm (Marcel, *Être et avoir*, p.224). Dừng lại ở cái mình có, là tự đẩy mình xuống vũng sa lầy của tự-phụ và tự-đại : và cái có càng lớn và mình càng bám vào nó chặt hơn, thì sự sa lầy càng khó tìm phương cứu chữa. Vì thế Marcel thường coi dĩ-vãng là một ứ-động, một cạm bẫy đưa ta tới sa lầy. Ngay trong khi ta hành-động, nếu ta không nhắm cao lên mãi, thì hành-động sẽ là dịp để ta tự ru ngủ mình và nuôi rất nhiều ảo-mộng : « Hành-động vượt quá trên cái có, nhưng rồi cũng dễ bị coi như một cái có : đó là hình-thức truy-lạc của hành-động » (Ibid. p.195). Những con ông cháu cha (nhất là các hoàng-tử sinh ra trên sập vàng) hầu hết chỉ biết sống dựa vào tài-sản của cha mẹ : họ chỉ là những cái máy tiêu tiền, cho nên họ là những hạng đồn mạt và là những con sâu đục khoét xã-hội. Đó là những con người sống toàn bằng phạm-trù Có. Họ không bao giờ biết đến phạm-trù *Hiện-hữu* (être), mà hiện-hữu (hiện-sinh) là đặc-tính của những con người ý-thức về

nhân-vị của mình và luôn luôn vươn lên khỏi tình-trạng tầm-thường của những cái sở-đắc.

Thánh Augustin, một trong những cụ tổ của triết Hiện-sinh đã viết : « Không tiến là lùi rồi » (Non progredi regredi est). Vươn lên là lẽ sống của người hiện-sinh chính-thực. Không vươn lên, tức là bị cứng đống, sa lầy. Mà vươn lên không có nghĩa là thắng người này người nọ. Vươn lên của Hiện-sinh chỉ nhằm *thắng chính mình* : mình phải vươn lên trên cái mình của hôm qua và của lúc nầy. Đúng như câu tâm-niệm của Thánh hiền : « Nhật nhật tân, hựu nhật tân ».

Xem thế, ta đủ thấy sinh-hoạt của Hiện-sinh chính-thực là một sinh-hoạt căng thẳng, luôn luôn buộc mình tiến lên, vươn lên.

Độc - đáo.— Có lẽ đây là điểm quan-trọng nhất và đặc-sắc nhất của triết Hiện-sinh. Triết-học về vũ-trụ không bao giờ nhìn nhận con người là một cái gì độc-đáo ; trái lại, như chúng ta đã thấy trên kia triết cổ-truyền luôn luôn quan-niệm mỗi người chúng ta là một đơn-vị của tổng-số nhân-loại, mà nói đơn-vị tức là nói đồng-đều và giống nhau.

Triết Hiện-sinh nhằm lay-tĩnh con người, nhắc cho mỗi người biết rằng mình là một độc-đáo và mình phải hoàn-thành cái định-mệnh độc-đáo của mình. Triết cổ-truyền không biết tới độc-đáo vì nó quan-niệm mọi

sự qua những phạm-trù của Lý-trí, thành thử đứng trước những vấn-đề như nhau và trong những hoàn-cảnh giống nhau, anh và tôi chúng ta nhất-thiết sẽ phản-ứng như nhau. Hợp-lý lắm. Nhưng chính trong cái hợp-lý này, triết cổ-truyền đã vô-tình phủ-nhận bản-tính của con người là tự-do : mà đã tự-do, thì trong hoàn-cảnh giống nhau, chúng ta mỗi người có thể định-đoạt khác nhau, phản-ứng khác nhau. Rồi cả trong những cái thoát coi như giống nhau, chúng ta cũng thực sự khác nhau lắm : cũng là yêu con đẻ của mình, nhưng anh có một cách yêu khác và tôi có cách yêu khác ; cũng là ghét quân bất-lương, nhưng anh và tôi mỗi người có một cách ghét khác nhau : cả ngay đèn tiêng cười, cả ngay cách cầm đũa, mỗi người chúng ta đều có cách-điều riêng biệt của mình : và đó là những cách tại-thể của mỗi người chúng ta. Sinh-hoạt của mỗi chúng ta được thể-hiện qua những cách-điều đặc-biệt đó. Đây là nói qua những sinh-hoạt tầm-thường, phương chi khi nghĩ đến những hình-thức sinh-hoạt siêu-việt của nhân-vị tự-do, như suy-tính, lựa chọn, quyết-định v, v... thì tính-chất độc-đáo lại càng rõ ràng hơn nữa.

Tính - chất Độc - đáo còn hiện ra trong lịch - sử - tính của mỗi người chúng ta. Lịch-sử là cái gì chỉ xảy ra một lần ; cũng như không có hai lịch-sử Việt-Nam, thì cũng không thể có hai lịch-sử của tôi. Và cũng như nước Việt-Nam ngày nay là một xuất-

diễn bắt nguồn từ những giai-đoạn khởi-thủy và qua những biến-thiên trước đây, thì nhân-cách của tôi cũng là một cái gì duy-nhất bắt nguồn từ ngày tôi sinh ra, và còn cứ diễn-tiến qua thời-gian-tính để càng ngày càng thể-hiện nên nhân-cách đặc-biệt và độc-đáo của tôi, khác hẳn nhân-cách của cha tôi và của anh em ruột thịt tôi. Tuy-nhiên khi nói nhân-cách, chúng ta chưa đứng vào quan-điểm hiện-sinh. Nói nhân-cách là nói một cái chi đã thể-hiện, có thể khách-thể - hóa. Triết Hiện - sinh không ưa quan - điểm đó, cho nên *lịch sử-tính* của con người theo triết Hiện - sinh không có vẻ cứng-động ở hoàn-cảnh như quan-niệm cổ-truyền về lịch-sử : triết cổ-truyền coi con người sống *trong* lịch-sử, và như thể ngấm coi hoàn - cảnh lịch-sử như có tác - dụng chắc chắn trên con người (Thuyết Mác - Xít còn đi xa hơn trong con đường sai-lạc này khi chủ-trương con người là sản-phẩm của xã-hội) ; trái lại vì triết Hiện-sinh là triết nhân-vị, cho nên không quan-niệm con người có hiện-sinh đích - thực là một sinh-vật sống trong lịch - sử, nhưng là những nhân - vị luôn luôn dùng *dự-phóng* để *cấu - tạo* nên lịch - sử của mình. Như thế, lịch-sử-tính của con người nhân-vị chỉ là sự thể-hiện đầy ưu-tư về định-mệnh của mình. Nói cách khác, con người hiện-sinh đích-thực là con người làm nên lịch-sử của mình, vì nó tự đảm-nhận mọi hành-vi của mình và đảm - nhiệm luôn cả cuộc sống của mình xét như một dự-phóng căn-bản.

Một khi đã ý-thức sâu xa về tính-chất độc-đáo của hiện-sinh của mình, con người tự cảm thấy *có - đơn* : chính tôi sẽ chết lấy cái chết của tôi, không ai chết giúp tôi được ; vậy thì cũng chính tôi phải sống lấy cuộc sống độc-đáo của tôi, đừng để người ta sống mất cuộc sống đó, nghĩa là tôi đừng sống theo đuôi « người ta », đừng sinh-hoạt một cách thiếu đặc-sắc như những « người ta » đồng-đều và vô-vị. Khi nào tôi đảm-nhiệm lấy *có-dơn*, đó là chính là lúc tôi *dám* làm người có nhân-vị độc-đáo : khi đó tôi sẽ *dám* phát-huy tất cả những khả-năng riêng-biệt của tôi theo những đường lối mà vì chỉ tôi có cho nên chỉ mình tôi biết phải khai-thác thế nào để tôi có thể đạt tới mức toàn thiện.

Tổng kết :

Nhìn qua ba loại phạm-trù của ba giai-đoạn triết-học (cổ-truyền, cổ-điển và hiện-đại), chúng ta thấy nổi bật lên ý-nghĩa bi-đát mà triết Hiện-sinh đã mặc cho triết-học : triết cổ-truyền và cổ-điển vì trừu-tượng, cho nên rất thanh bình, không tỏ ra một ưu-tư nào về ý-nghĩa cuộc nhân-sinh và về định - mệnh con người bết ; trái lại triết Hiện-sinh đã hoàn toàn bỏ rơi vũ-trụ để chỉ suy-nghĩ về con người mà thôi. Trong quan-điểm đó, Berdiaeff đã thay mặt nhóm Hiện-sinh để định - nghĩa triết-học Hiện-sinh là triết-học nhân-vị : « Triết-học hiện-sinh là *triết-học nhân-vị* : chủ-thể tri-thức là chính nhân-vị con người ». (Berdiaeff, *Cinq méditations*

sur l'existence, Montaigne 1936, p. 74). Chủ-đích của triết Hiện-sinh là thức tỉnh con người, lôi con người ra khỏi tình-trạng phóng-thể và giúp con người vươn lên mức sống như những nhân-vị tự-do và tự đảm-nhiệm. Cho nên chữ Hiện-sinh luôn luôn có nghĩa là: Hiện-sinh chính-thực (*existence authentique*). Mà hiện-sinh chính-thực là bỏ tình-trạng sống như cây cỏ và sinh-vật để sống cuộc đời đầy trách-nhiệm của những nhân-vị tự-do. Hiểu như thế, chúng ta thấy triết Hiện-sinh không chút chi giống với những hình-thái hiện-sinh được phơi bày hằng ngày trên một số báo và tạp-chí mà ta thường đọc thấy. Những phong-trào hiện-sinh văn-ngệ đó không những không có tính-chất triết Hiện-sinh, nhưng phải nói thực rằng chúng phá-hoại và chống lại tư-tưởng triết-học hiện-sinh. Những phong-trào văn-ngệ đó chỉ phản ánh

tình-trạng sống-động (*vivre*) bừa bãi và vô ý-thức của những con người vô nhân-vị mà thôi. Cho nên, để dễ nhớ sự khác nhau một trời một vực giữa cảnh sống bừa bãi này, với cảnh sống đầy ưu-tư và thận-trọng của triết Hiện-sinh, tôi nghĩ không gì bằng kết-thúc mấy trang này với câu sắt đá sau đây của Gabriel Marcel :

« Il y a une chose qui s'appelle vivre, et il y a une chose qui s'appelle exister : j'ai choisi d'exister ». (Marcel, *Être et avoir*, p. 162).

Sinh-tồn là một truyện, và hiện-sinh là một truyện khác : tôi thì tôi chọn hiện-sinh.

TRẦN-HƯƠNG-TÚ

Kỳ sau :

Hai ngành chính của Phong trào Triết Hiện-sinh.

Một vài ý kiến về chính trị của nhà văn hào André Siegfried

— Bạn có muốn hại một người nào không? Bạn đừng nói xấu về họ, mà nên nói tốt, thái quá về họ.

— Trong nghề làm chính trị, chỉ nguyên để giải thích sự việc một cách đơn giản, cũng cần phải có khá nhiều văn hóa rồi.

— Trong nghề làm chính trị, chỉ duy những kẻ không làm chính trị, mới biết ngừng chân lại, (vì những kẻ đã làm chính trị thì không thể biết ngừng chân lại nữa).

— Những dân tộc ngoan ngoãn, dễ trị thường là những dân tộc ít tư duy.

VỀ

BỘ TIỀN ĐỒNG ĐỜI XƯA

vừa được trưng bày
trong viện Bảo-Tàng

Vương-hồng-Sên

BAN đầu tôi định không viết gì hết. Gần đây, dưới ngòi bút của ông Nguyễn - Triệu, tập Văn - Hóa Nguyệt-san của bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã đăng từ số 53 (tháng tám 1960) đến số 56 (tháng Mười-một 1960) bài khảo-cứu dài về « cổ-tiền Việt-Hoa » : chuyện còn nóng hổi, nay tôi nhai lại ích gì ? Lỗi tại đời bây giờ ít người chịu bỏ công đọc những bài khảo-luận, chớ không phải không có người viết ! Lại nữa, kể về sách khảo cứu, còn nhiều bộ biên-chép rất công-phu và rành-mạch, tưởng xin nhắc lại đây để tiện việc tra-tám. Đó là :

1) *Notes pour servir à la recherche et au classement des monnaies et médailles de l'Annam et de la Cochinchine*, par M.J. Silvestre (Tài-liệu dùng để sưu-tám và sắp-đặt những tiền xài và tiền thưởng của Trung-Việt và

Nam-Việt). Bài này soạn bằng Pháp-văn, vừa in ra sách, vừa đăng riêng trong bộ « *Excursions et reconnaissances* » (tạp-chí về du-lãm và thám-hiểm) xuất-bản năm 1882. Bộ này ngày nay rất quý và rất hiếm : kiếm đọc không ra ;

2) *Numismatique annamite* par Désiré Lacroix (Việt-Nam cổ-tiền-học). Sách của trường Viễn-Đông Bác-cổ xuất-bản, in làm hai quyển (quyển I, luận-đề, quyển II, hình-ảnh). In năm 1900 tại Sài-gòn, nhà Ménard et Legros ấn-hành. Cũng khó kiếm và quý như cuốn trên ;

3) Một quyển nữa, cũng khảo về cổ-tiền, soạn bằng Hán-văn, xuất-bản bên Trung-Hoa. Tôi nhớ nhan là « cổ-tiền-lục ». Lật xem, thấy có in hình tiền cổ, nhưng cái tội lớn của tôi là dốt chữ Nho, nên không đọc được và xin miễn bàn.

4) Còn một cuốn rất lạ, viết tuy không khoa-học nhưng rất đáng xem cho biết đó biết đây. Ấy là bản dịch Pháp-văn của bộ « *Ta-kou-tchai* ». Tác-giả là ông Paul Houo Ming-tse (Hoắc Minh-Tử) tham khảo trong ấy đủ thứ mỹ-thuật Trung Hoa, từ đá chạm, Phật cổ, đồ tơ-lụa, đồ sành, đồ đồng, tiền xưa... Ta-kou-tchai, ta đọc *Đạt-cổ-trai*, tác-giả dịch là « *Cabinet où l'on pénètre l'antiquité* ». (1) Sách in tại Bắc-kinh (Pékin) vào năm 1930. Tủ họ Vương có một bộ, tặng-tiêu hơn vàng, không phải thật người biết thương sách, xin đừng hỏi đến.

Thầy bao nhiêu tài-liệu thông-thái đủ kính và sợ, nên tôi ước-ao sẽ có người chuyên-môn hay giỏi viết bài kỹ-càng đăng minh học thêm. Nghĩ mình chịu cực-khổ, hừ bụi trót năm, lựa-chọn, sắp-xếp, gán kỹ lên khuôn, tưởng như vậy tạm đủ phận-sự viên *quản-thủ học lóm* nấy rồi! Xin cho nghĩ xả hơi với chớ! Đời đã ma-mãnh, người ta trông có dịp là chỉ-trích quàng-xiên, thôi thì thà giả câm, giả điếc, giả đui như ba con khỉ gõ bán chợ lạc-xon, như vậy mà thượng sách! Bụng muốn thê ấy, ngờ đâu vừa rồi, bỗng có một vị đáng kính làm việc nơi ngân-hàng quốc-gia ghé tạt vào đây, xem bộ cổ-tiền và khuyên tôi nên lướt qua lời bình-phẩm ác-ý, cứ viết để phổ-cập đại-chúng, viết cho rõ và dễ hiểu, còn « ai khen, chê, mặc tình ».

1) Có chỗ khác, lại dịch: « *Studio où l'on arrive à l'intelligence de l'antiquité* ».

Nề lời người lớn, tôi đành bỏ ý-định trước, và viết đây. Đầu hết, xin mời độc-giả chớ nệ tồn tiền, tìm mua bốn sò Văn-Hóa nguyệt-san từ 53 đến 56, để xem bài « *cổ-tiền Việt-Hoa* » của ông Nguyễn-Triệu trước đã. Ở đây, tôi cố tránh lặp lại những gì đã nói rồi. Họa chăng, tôi sẽ tìm cách lấy chút ích hiệu biết riêng, bàn rộng ra gọi bổ-túc bài của Nguyễn tiên-sinh. Có chỗ nào thầy không đồng ý, sẽ xin làm bàn cùng tác-giả. Có bao nhiêu ấy thôi!

* *

Gốc-tích.— Trong từ-điển Petit Larousse thầy ghi và tôi dịch:

Couris: n. m. coquille d'un petit gastéropode utilisée comme monnaie dans l'Inde et en A. O. F.

Couris: Vỏ sò - hên nhỏ, xưa bên Ấn-Độ và xứ A. O. F. (Tây Phi-Châu thuộc Pháp) dùng thay tiền. (Tiếng Hán-Việt là « bồi »).

Gastéropodes ou *Gastropodes*: n. m. pl. classe de mollusques qui rampent sur un pied élargi et musclé, et qui vivent sur terre (escargot, limace) dans l'eau douce (limnée) ou dans la mer (bigorneau, buccin,...)

Gastéropodes: Loài ốc mình mềm-dẻo gân-guộc biết thò ra khỏi vỏ cứng để bò: có loại sống trên đất liền (escargot, limace: loài ốc-sên); có loại sống nước ngọt (limnée: ốc quẩn); có loại khác sống dưới bể (bigorneau, buccin « xa-cừ »).

Theo đó mà suy, cũng bàn rộng thêm đôi chút, thì vào đời Thái-cổ, buổi sơ-khai, chưa ai biết « *hoá-tệ* », « *tiền-tệ* » là gì. Người đời ấy, tùy sự nhu-dụng, đổi-chác với nhau : mễ-cốc đổi lấy muối, thức ăn sống : gà-vịt, heo cúi, v. v. Lăn hồi, hiểu-biết thêm và biết bày ra vật tượng-trưng thay-thê nguyên-liệu... Và vì thuở đó chưa tìm ra kim-khí (như đồng đỏ : bronze chẳng hạn), nên phải lựa vật hiếm có trong xứ lấy làm hoá-tệ, tiền-tệ. Bởi đó, cauris, vỏ sò, vỏ hên đều trọng-dụng, miễn vật ấy ở đâu đem lại, trong xứ không sản-xuất là quý lắm vậy (1). Cần nhắc lại đời Thái-cổ, con người ít xê-dịch, nên *vỏ sò vỏ hên xứ lạ*, làm vật tượng-trưng thay tiền-tệ là dễ hiểu.

1) Trong Văn-Hoá nguyệt-san số 55, trang 1274, tác-giả bài « *cổ-tiền Việt-Hoa* » viết : « Đời Ân-Chu, vẫn còn dùng vỏ sò làm hoá-tệ. Sau này, đến thế-kỷ XIX, cũng còn nói đến hoá-tệ bằng vỏ sò mà gọi « *coris* » hoặc « *cauris* », « *bia* », hay « *loa* » (*cyproeia moneta*), tức những vỏ sò trắng bóng, thường thấy có rất nhiều ở trên các bãi san-hô gần những đảo *Laquedives* và *Maldives* ở Ấn-Độ-Dương mà từ xưa người ta đã thông dụng làm tiền-tệ của các dân-tộc từ Ấn-Độ đến Nhật-Bản. Theo một vài tài-liệu Pháp, người ta còn nói đến rằng vào hồi năm 1839, tại nước ta, 1 000 vỏ sò này trị giá 1 *quan tiền kẽm* ; năm 1870, *Madras* bên Ấn-Độ, thời giá 1 *roupie* đổi lấy 5.760 cauris ; năm 1879 tại Xiêm, 1 *tical* đổi lấy 6.400 cauris.

Marco Polo, cũng có đoạn nói trong du-ký rằng thời xưa ở vùng Vạn-Tượng cũng có thấy lưu-hành loại tiền vỏ sò này với biệt-danh là « *pourcelaine* » (Nguyễn Triệu).

Ốc oan-ương. — Tiện đây tôi xin nhắc lại một cổ-tích cho thêm mau hiểu *vỏ ốc* thay tiền :

Vào đời Bắc-Tông, bên Trung-Hoa, rất quý-trọng vỏ ốc oan-ương. Thứ ốc này, ngày nay thầy có khá nhiều tại vùng bãi bể miền Nam xứ Trung-Việt. Thịnh-thoảng cũng thầy bày bán dài theo con đại lộ Khổng-Tử trong Chợ-lớn, nơi các gian-hàng lộ-thiên của những tay giang-hổ, chuyên lên xứ cao-nguyên đổi-chác cùng đồng-bào sơn-cước đem về đây làm nghề sinh-nhai, bán nào da cạp thuộc, sừng nai ung, gân nai phơi khô, ngà voi lợn-vụn, đèn những sừng tê-giác giả-tạo (lấy sừng trâu giả sừng con tây), v. v. ...

Vỏ ốc oan-ương, đối với người lạ chưa từng thầy, thêm lão bán đồ rừng khéo nói, thì thật là huyền-bí lạ lùng. Họ nói đèn mình mê-ly... Nhờ giới cất-nghĩa nên họ gạ-gẫm, gặt lừa, ngày thường bán năm bảy chục, một đôi trăm mỗi cặp vỏ ốc như chơi. Đối với những ai không xa lạ với món hàng, như tôi chẳng hạn, có khi trả lấy có, năm mười đồng một vỏ nhỏ, họ lật-đật bán và đã mừng hóm đủ biết vỏ ốc ấy không quý-hổ gì lắm. Tuy vậy, mèn ơi, đối với những ai nhẹ dạ mau tin, lão bán đồ rừng thừa dịp bày trò ma-quái cho xem, thì quả vỏ ốc là « *vật hãn hữu, thế thượng vô song* » vậy ! Trong một đĩa bàn trệt, họ thả hai vỏ ốc oan-ương. Ốc thả vỏ đĩa, vòn không cục-cựa, vì đó là vật không hốn ! Nhưng họ khéo diễn trò lắm.

Họ lại lấy ốc ra đưa cho mọi người có mặt thấy xem: rõ ràng đây là hai mảnh *ốc chết* còn lại vỏ không, vỏ dày và tròn cỡ đầu ngón tay cái, mới xem tưởng đó là cái nút áo bành-tô cũ, hình đẹp - đẹp. một mặt dưới của con ốc lại được mài phẳng-lỳ cho thêm khít-khao. Bằng-quan xem rồi, họ thả ốc trở vỏ đĩa, họ để ý sắp con ốc thề nao cho mặt bằng của ốc sẽ ôm sát mặt đĩa... Đo rồi, trong khi miệng nói bô - bô « không lành da non », tay họ rút vào đĩa một phẩn nào dầm thanh đủ ngập vỏ ốc. Chưa tàn điều thuốc, bỗng ta thấy hai vỏ ốc từ từ chuyển-động, bàn đầu chỉ nổi bọt chung-quanh vỏ, rồi một khi bọt sôi nhiều, thỉnh không ta thấy hai vỏ ốc tự rung-rinh lay chuyển, tới kẻ biết bò, phứt chạy a lại nhau, tìm nhau, hít nhau đến khi nào gặp và dính khấn nhau mới thôi! Chẳng ai không tin, rút ốc ra xa nhưng để y trong đĩa giấm, thì hai vỏ ốc cũng y mừng cũ mà làm, bò nữa, kiếm nữa và được ôm nhau, mới ngưng cục-cục! Sự thí-nghiệm như trên, đối với người có theo dõi những môn vật-lý và hóa-học nơi nhà trường, sẽ biết: « vốn ốc oan-ương, nguyên chất của nó là vôi nóng biến thành, bởi vậy khi ốc bị ngâm lâu trong giấm chua, tức nhiên giấm thanh công-phạt chất vôi, làm sôi bọt, và khi bọt ấy đã nhiều thì đó là « chân-căng » của vỏ ốc, làm sẵn cho ốc một bộ bánh xe đạn, quen gọi « *bạt đạn* » (roulement à billes), khiến vỏ ốc biết đi biết chạy chứ gì? Nhưng đối với đồng-bào quê-dốt làm sao cắt nghĩa cho họ

hiểu sự thực như thế được? Đối với họ, ốc oan-ương vốn là « *ốc thần* » tượng-trưng cho ái-tình, thêm nữa lão bán ốc nhồi sọ thề-gian bằng mấy câu điển-hình: « *Á ngọ! Ốc chết má biết bò biết đi kiếm nhau! Rõ là tấm gương ân-yêm đôi vợ chồng khăng-khít nhau đến nửa bước không rời! Ai lấy giấm này trộn xà-lách cho người « bạc-tình » dùng thì sẽ làm cho người ấy mê ly, « *dầu xa nhau nhiều ngày, cách nhau ngàn dặm cũng trở về cho thấy mặt!* » » Lời nói thoát nghe dường vô tình, ngờ đâu lại đánh mạnh vào trí-óc « đa-cảm » của người bị tình-phụ, khiến ốc oan ương bán chạy hơn tôm tươi! (ai không mua được, cứ tìm Vương-già, hỏi nài, ắt có!) Đối với những ai khó tính, hỏi vặn tôi vì sao ốc oan-ương tìm hít nhau, tôi xin thưa có lẽ gì hai vật đó đồng một chất nên hấp nhau, vì cớ-như há không dạy: « *Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* » (những vật cùng một thứ tiếng thì ứng nhau, như một con gà gáy thì bảy gà đều gáy lại; những vật cùng khí-loại thì tìm nhau, như đá từ-thạch thì hút sắt, hồ-phách hút hột cải, v.v...) (Hán Việt Từ-Điển).*

Như ta thấy, nếu ốc oan-ương dưới thề-kỷ thứ hai-mươi này mà còn hấp-dẫn đến thề, thì thảo nào trước đây độ ngàn năm, tướng Dịch Thanh chẳng quý-trọng nó vô ngần. (xin xem truyện Vạn-huê-lầu, bản dịch Nguyễn-an - Khương). Tổng - tướng Dịch Thanh, nhờ ngọc oan-ương mà cưới vợ xinh là Thoại-Ba công-chúa, có

bạn tốt giúp nhau lập nên nghiệp lớn là ngũ hổ-tướng đời Chơn-tôn.. Dịch Thanh lấy ngọc oan-ương nhận trên chót mào làm « ngọc tự-hữu » để gây thiện cảm với mọi người. Tôi chưa thấy ngọc oan-ương ra sao, nhưng trong thâm-tâm dốt-nát, nghi chừng hay đó là một thứ ọc với thứ của mấy lão bán đồ rừng bày trong Chợ-lớn.

Nếu đầu thề-ký thứ Mười một (đời Tống), ọc oan-ương quý-báu dường thề, thì vào thời thô sơ thượng-cổ, nó quý đến bậc nào? Cauris, vỏ sò, vỏ hến, ngày xưa có ít, nên được

trọng-dụng và đã thay tiền-tệ là sự rất dễ hiểu. (Biết đâu, một ngày nào, chúng ta không còn biết chè la-ve và soda, khi ấy mấy cái nút khoén nắp chai lại chẳng là vật báu? Mấy chú nhỏ lấy đồ làm tiền khi đánh đáo, khi đánh bài, há chẳng là văn-minh lắm chớ chẳng chơi?). Nhưng từ ngày phát-minh kim-khí, nhứt là từ khi tìm ra đồng đỏ (bronze), thì khi ấy cũng chấm dứt thời-kỳ lấy vỏ sò làm tiền.

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

Kỳ sau: Dao tiền, Bổng tiền

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG — ĐỦ TIỀN NGHỊ
TIẾP ĐÃI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chủ Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THANH TÔN

ĐIỆN THOẠI : SAIGON 24

**Société Indochinoise de Documentation
et de**

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng

SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

VĂN NGHỆ NHƯ

MỘT PHỦ NHẬN[?]

HOÀNG-THÁI-LINH

TRONG một số đặc biệt về « Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt-Nam », nhóm Sáng-Tạo đã xác định lập trường bằng một tuyên ngôn : « Nghệ-thuật là một vận động biện chứng của hủy diệt và sáng - tạo ». Điều đó không làm cho người ta ngạc nhiên vì đây không phải là lần thứ nhất người ta được đọc một tuyên ngôn như vậy. Văn nghệ tiền chiến mà nhóm Sáng-Tạo phủ nhận, có một thời cũng đã là văn nghệ mới, tiến bộ, khi những người chủ trương nó tuyên bố phủ nhận thơ Đường, tiểu-thuyết cổ. Lời tuyên ngôn của nhóm Sáng-Tạo chắc chắn cũng sẽ không phải là lần cuối cùng trong tương lai.

Phủ nhận, đặt lại vấn-đề là thái-độ tất nhiên của những người làm văn nghệ cũng như những người suy tưởng. Nó biểu lộ cho một nền văn học sống động hay một đời sống tư tưởng phong phú. Và Lịch-sử văn học cũng như lịch sử tư tưởng là gì, nếu không phải là một chuỗi những phản ứng tiếp tục. Lãng-mạn phủ nhận cổ-điển.. Tả-chân phủ nhận lãng-mạn. Siêu-thực phủ nhận tả-chân v.v...

Con người mới, ở trong một hoàn cảnh mới, có những lối nhìn, những cảm xúc khác với lối nhìn, cảm xúc của người xưa. Đó là lý do của những phủ nhận. Điều đáng chú ý là từ trước đến nay, trong văn học, người ta mới chỉ thấy những phủ nhận về *cách nhìn*, thái độ lãnh hội cuộc đời, hay kỹ thuật diễn tả mà thôi. Người này phủ nhận *lối nhìn* sự vật, nhân vật của người kia ; nhóm này phủ nhận *cách* diễn tả của nhóm khác.

Nhưng gần đây, một số nhà văn trẻ ở Âu châu, đặc biệt là ở Pháp, lên tiếng phủ nhận, không phải chỉ phủ nhận như nhóm Sáng-Tạo, một *lối nhìn* hay một *cách* diễn tả của văn nghệ tiền chiến, nhưng phủ nhận ngay chính đối tượng của những lối nhìn là nhân vật, con người, cuộc đời và phương tiện diễn tả là ngôn ngữ và sau cùng phủ nhận luôn cả văn nghệ. Họ lên tiếng để nói rằng chẳng có gì mà nói ; họ làm văn nhưng hoài nghi không biết có thể có văn nghệ không. Sự phủ nhận đó mới thật là triệt để ; nó có nghĩa như một hủy diệt hoàn toàn.

Không thể bảo những nhà văn này lên tiếng phủ nhận chỉ là vì muốn lập dị. Nếu chỉ vì thế, làm sao họ có thể đương đầu với những chống đối của những nhà văn ngoài nhóm, và nhất là của những vị dạy văn học mà không làm văn học ở nhà trường, ở Đại-học, những vị thường khinh chê một cách tiên nghiệm (a priori) tất cả những gì mới do những người làm văn học mà không dạy văn học tung ra. Vậy họ có những sáng tác tiêu biểu cho sự phủ nhận triệt để trên và những lập luận biện chính sự phủ nhận đó. Người ta có thể không thích hoặc không đồng ý, nhưng không thể gạt đi phong trào văn học trên, chỉ bằng vào một lý do tiêu cực là lập dị. Gần đây, hội Nghiên-cứu Quốc-tế Văn-học Pháp có tổ chức ở trường Collège de France một khóa hội thảo (1) về « Những hình thức và kỹ thuật của tiểu thuyết Pháp từ 1940 », và đã mời những người đại diện của phong trào tiểu thuyết mới đến thuyết trình, như Michel Butor, nhà văn, hay Bernard Pingaud, nhà phê bình của nhóm (2). Sự kiện đó chứng tỏ các giáo sư ở Sorbonne — trừ một số rất ít như Dina Dreyfus, Jean Hyppolite, triết gia, hay Etiemble, Georges Blin, giáo sư văn học, không ngại theo sát một cách thiện cảm với văn học sống hiện đại — đã bó buộc phải để ý đến phong trào tiểu thuyết mới, dù không ưa thích, hay không đồng

ý. Làm sao các vị đó có thể lãnh đạm, bỏ qua, khi phải đứng trước một khuynh hướng văn chương, không những chỉ phủ nhận một quan niệm về cách hiểu và diễn tả văn chương, nhưng là hoài nghi ngay cả sự có thể có văn chương, một văn chương tự phủ nhận, một phủ nhận đặt lại vấn đề có hay không có văn học, một phủ nhận đụng chạm tới chính lý do tồn tại của việc giảng dạy văn học.

Vậy họ phủ nhận thế nào và tại sao phủ nhận ?

*
* *

Từ xưa, bao giờ con người cũng vẫn là đối tượng của văn nghệ. Điều người ta nghĩ tới luôn luôn và thường vẫn được coi là quan trọng nhất trong tiểu-thuyết là nhân vật, là con người. Các nhà văn có thể khác nhau về cách mô tả nhân vật, trình bày con người, nhưng không ai không công nhận nhân vật là chính yếu của việc xây dựng tiểu-thuyết. Vậy mà nét đặc-biệt nhất của khuynh-hướng văn-chương chủ-trương một phủ-nhận tuyệt đối là sự từ chối nhân vật, từ chối con người. Không « có » con người trong tác-phẩm. Đó là một văn-chương « vắng bóng người ». Người đọc không còn tìm thấy trong tác-phẩm những ý nghĩ, lời nói, cử chỉ chứa đựng những tình-cảm, đam mê phong-phú hay biểu lộ những ý nghĩa tâm lý, luân-lý, triết-lý, xã-hội thường vẫn là chất liệu để khai thác mô tả, là nội dung của tác-phẩm trong các loại tiểu - thuyết khác. Do đó chữ « truyện » mất hẳn cái ý nghĩa người ta vẫn thường gán cho nó khi chỉ định một tác-phẩm nào đó là một truyện. Thực ra không có truyện, vì làm gì có con

(1) Express : số 529, ngày 3-8 1961, trang 26.

(2) B. Pingaud là một trong số những nhà phê bình trẻ ủng hộ nhiệt thành phong trào tiểu thuyết mới. Ông vừa cho xuất bản một bộ giới thiệu 59 nhà văn Pháp hiện đại, cộng tác với 10 nhà phê bình khác. Ecrivains d'aujourd'hui 1940-1960. Dictionnaire anthologique et critique. Grasset. 18,60 NF.

người mà có truyện. Cùng lắm chỉ có thể coi những truyện của khuynh hướng phủ nhận tuyệt đối này như những mảnh đời vụn, được gộp nhặt lại mà không theo một thứ tự nào về thời gian, không gian hay liên-tục luận lý. Cho nên nhà văn viết tiểu-thuyết cũng không phải để kể một truyện, theo một lẽ lối thông-thường của khoa kể chuyện, như có đầu, cuối, và sự diễn tiến tuần tự đưa đến kết thúc. Sau cùng, « truyện » — nếu còn phải gọi là truyện, vì bỏ chữ truyện, thì không biết lấy chữ gì để gọi « truyện » của các tác-giả này — cũng không hứng thú gì. Khi người ta cầm một cuốn tiểu thuyết, hay đi nghe một người kể truyện, thường bao giờ người ta cũng bị thúc đẩy bởi một sự tò mò và một ý muốn thưởng thức một câu truyện sẽ làm cho người ta hứng thú, rung động. Sự tò mò và ý muốn đó đôi khi trở thành một đam mê. Vì thế mới có câu: *mê* tiểu thuyết. Ham đọc, nghe truyện vì truyện hay, *đáng* kể, *đáng* nghe, nghĩa là đặc-biệt, vì tình tự phong-phú, phức-tạp hay cốt truyện ly kỳ rùng rợn, về tính tình khác thường hay số phận bi đát của nhân vật trong truyện. Người đọc chắc chắn sẽ thất vọng nếu đi vào những tác-phẩm của những nhà văn này với những ý định trên. Truyện của họ chẳng có gì là đặc-biệt, *đáng* kể. Alain Robbe Grillet đã viết gần hai trăm trang để kể chuyện một người lính không tên tuổi, mang một cái hộp không biết đựng gì bên trong, cho một người không rõ là ai, ở một thành phố không biết là thành phố gì, trong truyện « Dans le labyrinthe ». Những truyện của nhóm này chỉ thấy tả đi tả lại hàng trang dài những cái không đáng để ý và có lẽ người thường không bao giờ

muốn để ý làm gì vô ích như cái vòng tròn do cốc nước ướt đặt trên bàn gây nên, hay cái đồng hồ khi nhìn xem giờ « anh sẽ thấy ở cổ tay, từ trước bi. « che dấu dưới ba lần vải trắng, xanh « xám, màu của áo sơ mi, áo vestông và « áo khoác của anh, một chiếc đồng hồ « đeo tay hình vuông do một chiếc dây bằng da đỏ thắm huộc vào tay, trên có những con số gắn bằng một chất xanh nhợt lấp lánh ban đêm, cái đồng hồ chỉ tám giờ mười hai phút » (trang 13. La Modification. M. Buter).

Người đọc có thể khó chịu bức mình chán ngán, nếu không biết dụng ý mô tả của tác giả, như phản ứng của một giáo sư văn chương trong buổi hội thảo về tiểu thuyết nói ở trên: « không biết có ích lợi gì khi người ta nhằm mô tả những hình hộp ? »

Văn chương vắng bóng người, văn chương phủ nhận nhân vật hiểu như một thực tại nhân loại sống động.

Với Nathalie Sarraute, con người chỉ còn là những hướng động tính (les tropismes), những phản ứng sinh-vật-lý sơ giản, thô thiển, vật vờ trước những kích thích của hoàn cảnh bên ngoài.

« Thật là dễ chịu và nhẹ nhàng biết « bao nếu tôi có thể coi họ như những « người ở trong cái vòng những bộ mặt « quen thuộc. Tôi phải thử xem có làm « như thế được không, tuy tôi biết là « tôi hơi liều một chút, liều lao mình vào « một điểm, dù chỉ là một điểm để bắt « đầu, một điểm nào đó không quan trọng « Ví dụ như ít nhất gán cho họ một cái « tên để trước hết nhận ra họ là ai. Đó « đã là một bước đầu để cô lập họ ...

« Nhưng không, tôi không thể được.
« Gian lận làm gì vô ích. Tôi biết là
« mất công vô ích. Đối với tôi họ
« không phải là những trang tri lộng lẫy.
« những màu sắc sắc sỡ, những Niềm
« Tin đảm bảo, vẻ êm dịu của cuộc đời
« Không phải như thế đối với tôi ...

« Tôi biết, khi họ tới gần tôi, những
« người sống động, những nhân vật này...
« tôi chỉ cảm thấy ở họ trào lên và tràn
« ra như một tia vọt không ngớt một
« chất lạ lùng, như máu trắng, như máu
« đỏ, một chất nhạt và nhờn chảy trong
« bàn tay tôi rồi lan ra .. Và da thịt
« rắn chắc, màu sắc, êm mịn của họ chỉ
« còn là « một cái vô nhợt nhạt, bàng
« bạc và sấm sập ». (Portrait d'un inconnu.
« N. Sarraute).

Với Samuel Beckett, con người là một
con vật điên không biết nói gì như một lời
nói có ý nghĩa, hay ý định trao đổi. Nhưng
không thể yên lặng và câm miệng, nên
phải nói và vì không thể nói lời có ý nghĩa,
thì nói như tiếng kêu, tiếng động, nói như
một lời nói vô ích hay một lời nói không
thể biểu lộ được cái gì.

« Tôi sẽ không đặt câu hỏi nữa, vì
« không còn gì để hỏi, tôi cũng không biết
« nữa. Tiếng nói bật ra từ tôi, tràn ngập
« tôi, va vào tường, nó không phải tiếng
« của tôi, nhưng tôi không thể ngăn cản nó
« bật ra, tôi không thể cấm nó xâu xé tôi,
« thúc đẩy tôi, bao vây tôi. Nó không phải
« tiếng của tôi, tôi không có nó, tôi không
« có tiếng nói nhưng tôi vẫn phải nói, đó
« là tất cả những gì tôi biết được; và
« chỉ đây là vấn đề phải nói tới, với cái
« tiếng nói không phải là của tôi, nhưng
« chỉ có thể là của tôi, vì chỉ có tôi,

« hay nếu có những người khác mà tiếng
« nói đó có thể là của họ, thì họ không
« đến tới tôi, tôi cũng không nói thêm về
« họ vì tôi sẽ không thấy gì rõ ràng nữa.
« Có thể họ nhìn tôi từ đằng xa, tôi không
« thấy gì là bất tiện, khi chính tôi không
« thấy họ, và tôi xuất hiện trước họ như
« một bộ mặt giữa than hồng mà họ biết
« là sẽ phải tiêu tan, nhưng xa quá, muộn
« mất rồi, mất nhắm lại, và ngày mai lại
« phải dậy sớm. Vậy chỉ có tôi nói, một
« mình, vì không làm gì khác được.
« Không, tôi câm lặng ». (l'Innommable.
« Samuel Beckett).

Alain Robbe Grillet giản lược con người
vào một sự vật mà cái đáng nói vì chắc
thực nhất của nó là *có đấy* như cái bàn cái
cây. Cử chỉ là cử động, lời nói là tiếng
động, thái độ là di chuyển. Nói cách khác, tác
giả đã gạt bỏ ra khỏi cử chỉ, lời nói, thái
độ của con người những tình tự, ý nghĩa,
ý nghĩa làm cho những cái đó có tính
chất nhân loại. Trong lời tựa truyện « Dans
le labyrinthe », tác giả nhắc cho độc giả
biết ý định đó :

« Ở đây chỉ bàn đến một thực tại hoàn
« toàn vật chất, nghĩa là nó không bao
« hàm một giá trị ẩn dụ nào. Do đó xin
« độc giả chỉ nên nhìn trong đó những sự
« vật, những lời nói, những biến cố kể
« lại, mà không nên tìm gán cho chúng
« những ý nghĩa nào ngoài chính sự sống
« hay sự chết của chúng ».

Hơn hai trăm trang để kể truyện một
người lính không tên tuổi, hình như vừa
bị thua trận về, tới một thành phố hình
như để trao một gói cho một người không
nhớ tên và không biết ở đâu. Người ta
không thể biết người lính muốn gì, nghĩ

gì và có những cảm xúc gì, ví dụ : có buồn vì thua trận. hay mừng vì được sống sót. Người lính chỉ là những cử chỉ, lời nói, bước đi như của một cái bóng, một vật biết cử động, phát âm. Ví dụ : tác-giả tả người lính khi ngồi ở quán rượu :

« Anh đã uống xong từ lâu. Anh chưa có vẻ muốn đứng dậy ; tuy chung quanh anh, quán đã vắng hết những khách hàng cuối cùng. Ánh sáng dịu xuống vì chủ quán đã tắt một phần lớn đèn trước khi rời khỏi quầy hàng. Người lính, mắt mở rộng, vẫn cứ nhìn cái bóng lơ mờ trước mặt, cách một vài thước, chỗ đứa trẻ đứng, im lìm và bất động như anh, tay bỏ thông xuống. Nhưng như thể người lính không thấy đứa trẻ — và không thấy gì hết. Anh có vẻ buồn ngủ vì mệt, người tựa vào bàn, mắt mở rộng.

Chính đứa trẻ lên tiếng trước : « Anh ngủ ? » Nó nói rất nhỏ như thể sợ đánh thức anh, anh vẫn không động dậy. Sau vài giây, đứa trẻ nhắc lại, hơi to hơn một chút : « Anh ngủ à ? » Và nó nói thêm, vẫn cái giọng nhẹ nhẹ cao : « Này, không thể ngủ đây được đâu nhé ». Người lính không động dậy. Đứa trẻ có thể nghĩ rằng : có một mình nó trong phòng, như thể chơi giỡn bằng cách nói chuyện với một người không có ở đây, hay với con búp bê, người giả không biết trả lời. Trong những điều kiện đó, nói thật to quả là vô ích ; tiếng nói chính là tiếng của một đứa trẻ tự thuật một câu truyện.

Nhưng tiếng nói tắt bật như thể không thể chống lại được sự yên lặng, và sự yên lặng lại trở về như cũ. Đến lượt đứa trẻ có lẽ cũng buồn ngủ. Người lính nói : « Khổng... Phải... Tôi biết ». Cả hai đều

không ai cựa cựa. Đứa trẻ vẫn đứng trong bóng tối lơ mờ, tay bỏ thông. Nó không thấy anh động dậy môi ; anh vẫn ngồi tựa vào bàn dưới ánh của một ngọn đèn điện độc nhứt còn sáng trong phòng ; đầu không hề nhúc nhích, mắt không chớp, và mồm vẫn khép chặt ». (trang 29-30 Dans le Labyrinthe).

Gần đây, nhà Seuil mới xuất bản một bộ truyện vĩ đại của nhà văn Đức Robert Musil do Philippe Jacottet dịch ra Pháp văn nhan đề là « Người không tính tình » (L'homme sans qualités).

Tác giả đã mất hai mươi năm để hoàn thành công trình xây dựng một tác phẩm gồm 4 cuốn hơn ba nghìn trang :

Cuộc đời của Ulrich, nhân vật chính của truyện được đặt trong khung cảnh lịch sử của cả một thời đại. Cuộc đời đó nói lên cho người đọc những gì ? Về một người không tính tình.

Không tính tình không có nghĩa là không có đức tính tốt và chỉ có nết xấu, nhưng chỉ có nghĩa là không có tính tình gì nhất định cả.

Không nên gán cho Ulrich, người không tính tình, một phán đoán giá trị luân lý nào. Ulrich không có tính tình nào là cố định. Người ta thường hiểu tính tình như một hạ tầng cơ sở của đời sống tâm lý, luân lý và đặc điểm của tính tình là trường tồn, lâu dài, không hay thay đổi, thành nếp nhất định. Ulrich không có tính tình vì không có tính gì lâu bền ở nơi chàng. Con người có tính nọ, nết kia như thể do tình cờ và hay thay đổi. Cho nên không ai được tự cho mình là có một nết gì, dù tốt hoặc xấu. Có một nết này thì

sẽ không có nét kia, vì đặc điểm của nét là sự hạn định. Do đó không có bi kịch vì không ai bám víu vào một cái gì do cái nét cố định của mình thúc đẩy. Cũng không có đam mê, hay truyện rắc rối.

Dĩ nhiên, người không tính tình cũng vì thế mà có tất cả mọi tính tình. Nhưng cũng vì có tất cả mà thực sự chẳng có cái gì nhất định. Cho nên như Musil nói : « Người không tính tình gồm những tính tình không người ». Không có con người như một cá thể đặc biệt, một thực tại riêng tư. Cũng không có một cuộc đời người có liên tục, liên hệ giữa những giai đoạn gây dựng cuộc đời đó. Chỉ còn những mảnh vụn là mảnh đời, mảnh tình, mẫu chuyện...

*
* *

Chúng ta sống trong một thế giới đảo lộn, vắng bóng người, hay trong một thế giới mà con người chỉ là con vật, thằng điên, bóng ma. Người ta có thể ngồi mà đọc những ý tưởng đó trên giấy và còn tạm chịu đựng được, và tha thứ cho các nhà văn, nhưng đem lên sân khấu mà chế giễu con người chỉ là thằng điên, con vật, bóng ma, thì quả là một phủ nhận tuyệt đối, do một ý chí tiêu diệt triệt để con người. Eugène Ionesco đã dám làm sự phá hoại đó. Những vở kịch của tác giả trình diễn từ mười năm nay đã đảo lộn mọi qui tắc kịch bản cổ điển và xúc động mãnh liệt khán giả vì tính cách kinh dị, kỳ quái, quái gở của chúng. Đó là một thứ kịch phản kịch đến hai lần: Nó vừa bao hàm sự phủ nhận con người, vừa bao hàm sự phủ nhận cả ngôn ngữ là phương tiện diễn tả của kịch.

Người ta vẫn thường coi ngôn ngữ là biểu lộ của con người, nghĩa là để diễn đạt những tình cảm, ý nghĩ của nó. Đó là lòng tin về một sự thống nhất giữa người và tiếng nói. Nhưng nhà văn như Sartre, Camus, đã hoài nghi con người và coi cuộc đời người như một kinh nghiệm phi lý trong một vũ trụ phi lý. Có một sự ly dị giữa người với người và giữa người với sự vật. Nhưng những nhà văn đó vẫn dùng một ngôn ngữ gọn ghẽ, luận lý để lãnh hội và diễn đạt cuộc đời phi lý và con người phi lý. Nói cách khác, họ vẫn tin vào tính cách hợp lý, mạch lạc của lý luận về phi lý, vẫn dùng cái lý để diễn tả và chứng minh cái phi lý. Eugène Ionesco đi xa hơn nữa, nhằm tiêu diệt luôn cả ngôn ngữ vì tác giả cho rằng muốn diễn đạt nghiêm chỉnh sự đổ vỡ hỗn loạn, phải tạo ra một ngôn ngữ đổ vỡ hỗn loạn.

Sự phủ nhận của Ionesco là triệt để : phủ nhận con người, và ngôn ngữ của nó.

Sự phủ nhận con người được trình bày như một bóp nghẹt dần dần con người do sự xâm lăng và chiếm đoạt dần dần của thế giới sự vật và sinh vật.

Trong những vở « Victimes du Devoir », « Nouveau Locataire », « L'avenir est dans les oeufs », người ta thấy bàn ghế, chén bát, trứng, đồ đạc cứ dần dần chất đầy trên sân khấu cho đến lúc không còn chỗ cho nhân vật. Sự bóp nghẹt con người cũng được diễn tả như một ngụ ngôn trong vở kịch cuối cùng của tác giả nhan đề là : « Con tê giác » (Le Rhinocéros, Gallimard, 1959)

Trong một thành phố có những phố xá vắng vẻ, thừa thớt những quán rượu và

bàn chơi bul. Có những người nhàn rỗi ngồi uống rượu hay chơi trong những quán đó và nói những chuyện tầm thường vô nghĩa. Nhưng họ chợt thấy một con tê giác ở đâu lừ lừ tới, nặng nề chậm chạp, đang tiến vào phố chính. Người ta ngạc nhiên, bàn tán, nhưng sau cùng cũng thôi. Có lẽ là nó xỏ chuỗi từ một rạp xiếc? Và chắc gì đã là con tê giác? Người ta tranh luận về loại tê giác một sừng hay hai sừng. Rồi con tê giác lại xuất hiện. Có phải là vẫn con đó hay một con khác. Rồi con thứ ba... con thứ bốn. Thật kỳ quặc. Sự kinh dị càng tăng thêm khi người ta nhận thấy rằng càng nhiều tê giác xuất hiện thì càng thấy biến mất người dân của thành phố. Rồi hơn nữa, tê giác không phải ở rừng hay ở đâu xa bờ về, mà do chính ở thành phố. Chính đàn ông, đàn bà của thành phố vì bị một chứng dịch bí nhiệm đặc biệt và biến thành tê giác.

Người ta sợ dịch, sợ biến thành tê giác, và nỗi lo sợ đó càng ngày càng tăng khi thành phố đầy những tê giác và vắng dần những bóng người.

Chỉ có một người sống bừa bãi là Beranger có vẻ không thể nhiễm dịch và nhất định không trở thành tê giác. Beranger đã có lúc muốn bảo vệ cho cả vợ mình khỏi thành tê giác, nhưng sau cùng đành chịu thua. Toàn thể thành phố trở thành dân tê giác; chúng chậm chạp bò, xâm chiếm mọi nơi như một sức mạnh rầm rộ. Chỉ còn một tiếng người thét lên phản đối, kháng cự giữa những tiếng rung động nặng nề của đoàn tê giác dậm dật, hí vang trời. Nhưng phản đối với ai? vì còn ai để hiểu và chấp nhận sự phản đối?

Con người bị xâm chiếm, tiêu diệt do những áp lực, sức mạnh của thể giới sự vật và loài vật. Con người lên tiếng phản kháng bằng một lý luận hợp lý, mạch lạc. Ngôn ngữ, luận lý là khí giới bảo vệ cuối cùng của con người, vì dù bị thua con người vẫn nói lên và kết án sự thất bại đó như một phi lý, bất công.

Albert Camus đã làm như thế. Nhưng Eugène Ionesco đi xa hơn nữa và từ chối luôn cả khí giới cuối cùng đó. Tự bản tính nó, ngôn ngữ cũng chỉ là một hỗn loạn, điên cuồng. Các chữ, danh từ liên kết với nhau một cách máy móc và diễn tả những ý tưởng liên kết với nhau cũng một cách máy móc, không có gì là mạch lạc, luận lý cả.

« Thực ra khi có tiếng gõ cửa, ta không biết có người hay không. — Chẳng có ai bao giờ — bao giờ cũng có ai — Tôi đồng ý với anh — Anh cũng có lý trong cả hai cách trả lời — Khi gõ cửa, có lần có người, có lần không có người — ».

Người ta nói thế này — người ta có thể nói thế kia ngược lại, ai cũng có lý đôi chút, chẳng ai có lý hoàn toàn. Những chữ có thể có nhiều ý-nghĩa khác nhau hoặc trái ngược nhau, chống đối nhau, có liên lạc mà cũng như chẳng liên lạc gì như thế « ông nói gà, bà nói vịt ». Ví dụ: Tác giả diễn tả một « xen » một người vào nhà và người chủ mời bỏ mũ ra và hỏi cái gì đấy. Thế là những câu trả lời tiếp theo những câu hỏi lung tung, đúng là « Ông nói gà, bà nói vịt ». Từ chữ « chapeau » là cái mũ mà hai người lan man sang những chữ khác, đưa tới những ý tưởng khác chẳng liên lạc gì với

VĂN NGHỆ NHƯ MỘT PHÙ NHẬN

nhau, như château : lâu đài, charrue :
cái cày v.v...

Roberte II : — Cứ tự nhiên đi. Bỏ mũ
ra (nàng chỉ cái mũ)...
đội ở đầu đi. Cái gì
đó ? Ai đó ?

Jacques : — Thật tuyệt (Cha - a -
armant).

Roberte II : — Cái gì ở trên đầu
anh đó ?

Jacques — Hãy đoán xem ! Đó là
một thứ mèo... (espèce
de chat...) Tôi đội từ
ban sớm.

Roberte II — Đó là một lâu đài ?
(c'est un château ?).

Jacques — Tôi đội suốt ngày : ở
bàn ăn, phòng khách, tôi
không lấy nó ra bao giờ
cả. Tôi không dùng nó
để chào hỏi đâu.

Roberte II — Đó là con lạc đà ? (c'est
un chameau ?).

Jacques — Nó đập chân, nhưng
biết sỏi đất.

Roberte II — Đó là cái cày ? (c'est
une charrue ?)

Jacques — Đôi khi nó khóc.

Roberte II — Hay là một nỗi buồn ?
(c'est un chagrin ?)

Jacques — Nó có thể sống dưới
nước.

Roberte II — Thế là con cá bống à ?
(c'est un chabot ?)

Jacques — Nó cũng có thể lướt
trên sóng

Roberte II — Đó là chiếc xà-lúp (c'est
une chaloupe ?)

Jacques — Rất nhẹ nhàng (Tout
doucement).

Roberte II — Là một chiếc xà-lan ?
(c'est un chaland ?)

Jacques — Nó đôi khi cũng thích
ưa sống trên núi. Nó
không đẹp.

Roberte II — Là một nhà ở núi ? (c'est
un chalet ?)

Jacques — Nó làm cho tôi buồn
cười.

Roberte II — Đó là một cù nôn hay
một phòng họp (c'est
une chatouille ou un
chapitre ?)

Jacques — Nó kêu la, vỡ cả tai.

Roberte II — Đó là tiếng la ó sao ?
(c'est un chahut ?)

Jacques — Nó thích trang trí.

Roberte II — Đó là một người trang
sức loè loẹt ? (c'est un
chamarre ?)

Jacques — Không.

Roberte II — Thôi, em không đoán
nữa. (Je donne ma
langue au chat)

Jacques — Đó là cái mũ. (c'est un
chapeau)

Roberte II —Ồ ! Bỏ ra, bỏ ra, Jac-
ques, anh Jacques của
em.Ồ nhà em như ở nhà
anh. Em có mũ, rất
nhiều, anh muốn bao
nhiều cũng có.

Jacques — .. Mũ à ? (de chapeaux ?)

Roberte II — Không...những con mèo không da. (Non... des chats...sans peau !)

Jacques —Ồ ! con mèo của tôi... (Oh ! Mon chat...)

(*Jacques ou La Soumission*)

« Mon chat » đây có thể là con mèo của tôi, em yêu quý của tôi, hay cái mũ của tôi...hay cái gì cũng được...

Kịch của Ionesco khôi hài làm cho khán giả buồn cười. Nhưng là một cái cười đặc biệt, cười chính mình. Trong các loại kịch cổ điển, khán giả cười một vai đóng người hà tiện, hay người sợ vợ, nhưng có thể tin rằng mình không phải là người hà tiện, người mà mình cười, vì giữa diễn giả và khán giả có một cách biệt. Nhưng nếu đối tượng làm cho khán giả cười là sự bất lực, sự sụp đổ của chính con người, không còn sự cách biệt ước lệ nữa, và do đó sân khấu trở thành tấm gương phản chiếu ý thức khán giả. Khán giả cười vì sự ngớ ngẩn, vụng về, bất lực của chính mình, cười mà vẫn cảm thấy xấu hổ, nhục nhã.

Khi ta suy nghĩ và bàn luận về phi lý không thể cười được, vì sự suy nghĩ đụng chạm đến thân phận con người và bao giờ cũng đơm bi đát, Nhưng nếu đi sâu hơn nữa vào phi lý, khi diễn tả sự phi lý bằng một ngôn ngữ lệch lạc, hỗn độn, lung tung, cái bi đát trở thành khôi hài. Nhưng cái khôi hài đó không xóa bỏ cái bi đát, hay trốn lánh nó; trái lại, xuất hiện như một hình thức bi đát "triệt để". « Đời là phi lý », « Con

người là một đăm mê vô ích ». Những câu nói đó, nếu do những nhà triết học nói lên trong một bầu khí trang nghiêm của suy tưởng, không thể làm cho ai cười; nhưng nếu do một người ngọng, người lắp nói lên, làm sao người nghe không khỏi cười, tuy tiếng cười đó là tiếng cười của bi đát. Tiếng cười đó cũng là tiếng cười của Ionesco.

* *

Sự phủ nhận tuyệt đối là triệt để của nhà văn bó buộc nhà phê-bình phải tra hỏi về sự có thể có văn học hay không. Các nhà văn có thể khác nhau về quan-niệm cuộc đời, hình thức diễn tả, và ý hướng sáng tạo, nhưng ai cũng công nhận là có thể viết được. Sự phủ nhận ngôn-ngữ hoài nghi ngay cả sự viết đó. Có thể viết được không? và viết để làm gì? Ý hướng nền tảng của chính việc viết là gì? Ví dụ: « Lúc mặt trời chéch bóng, bước đi thêm lệt-bệt, đầu gối đau, bắp chân và đùi tôi thấy nặng ngang nhau; tới lúc mặt trời xế bóng thì hai bên thái dương tôi bưng bưng, trước mặt tôi, đổ xuống những hoa cà hoa cải tựa hồ trong đầu có ai đốt một cây bông tí hon và những hoa ánh sáng toé ra từ hai con mắt... Tôi bước lão đảo, hình như đi được là nhờ sức gió thổi xuôi chiều hơn là nhờ ý chí và sức lực của chính mình ». (Gìn vàng giữ ngọc. Doãn-quốc-Sĩ. Sáng-Tạo số 9).

Trong đoạn văn trên, tác-giả viết để ghi những cử chỉ và cảm-xúc của mình lúc đi đường. Người đọc tưởng như tới một kinh nghiệm sống thực. Nhưng thực

ra, những hàng chữ trên chỉ có thể có vì sự vắng mặt của chính sự thực sống động kia. Sự hiện hữu của ngôn-ngữ xây trên sự vắng mặt của thực tại mà nó muốn diễn tả. Sau những chữ, những câu có vẻ linh động, lời cuốn, con mắt người đọc chỉ thấy một trống rỗng càng ngày càng sâu khi càng đi vào sự mô tả. Người ta không thể viết khi đang sống thực tại và khi viết lên không còn có thực tại đó nữa. Cho nên *viết là quên chính điều mình muốn nói lên, là nói điều muốn dấu*. Viết là một việc không thể làm được. Làm sao tôi có thể viết: « Tôi cô đơn ». Viết nhằm trao đổi, gửi cho người đọc. Cho nên có một mâu - thuẫn rõ-rệt giữa sự cô đơn của tôi như là một trạng thái tâm hồn hay hoàn cảnh riêng biệt tôi đang sống với sự cô đơn đó được nói lên, được bày tỏ ra như Maurice Blanchot đã viết: « Thật là khôi hài khi người ta ý thức được nỗi cô đơn của mình mà lại bày tỏ ra với một độc giả và bằng những phương-tiện ngăn cản không cho người ta còn cô đơn. Tiếng cô đơn cũng tổng quát như tiếng bánh; và khi người ta nói ra, người ta làm cho có mặt tất cả những gì chữ đó loại ra », (Faux pas, trang 9). Tôi có quyền cô đơn, nhưng khi tôi nói lên cho người khác biết sự cô đơn đó, không còn phải là cô đơn. Cô đơn là một thực tại để sống, chứ không thể nói ra. Vậy mâu-thuân ở chỗ viết ra; và viết vẫn là *quên đi điều muốn viết*.

Làm sao có thể bày tỏ sự xao xuyến để thông cảm, vì yếu tính của xao xuyến là không có gì cả. Xao xuyến (angoisse) khác sợ hãi, lo lắng, vì sợ hãi lo lắng bao giờ cũng có một đối tượng rõ rệt. Làm sao có thể nói nghệ sĩ sáng tạo tác phẩm

khi chính trong việc sáng tạo tác phẩm đó mà nghệ sĩ mới là nghệ sĩ (La part de Feu, M. Blanchot, trg 27).

Ngôn ngữ trong văn học cũng khác lời nói hàng ngày. Khi người huấn luyện viên hô: «, nghiêm, tiến bước », lời nói đó có giá trị của một mệnh lệnh và sức mạnh của hành động. Nhưng cũng câu nói đó viết ra trong một tác phẩm tiểu thuyết, không có một độc giả nào đứng nghiêm, tiến bước cả. Ngôn ngữ của văn nghệ biểu lộ một sự « nghèo nàn » cốt yếu và thực là phi lý nếu phán đoán ngôn ngữ văn nghệ bằng những tiêu chuẩn của hành động, chân lý, thực tại.

Do đó, muốn trung thành với thực tại sống động, chỉ có một cách là yên lặng. Viết là phá tan sự yên lặng đó, để hoài niệm một thực tại. Nhưng đã rõ là công trình đó thất bại, không thể thực hiện được. Yên lặng: không còn văn học; và nếu các nhà văn không thể không viết, họ sẽ viết để nói lên rằng: không nói được gì cả, hay một lời nói lên là vô nghĩa và vô ích.

*
* *

Sự phủ nhận triệt để con người và ngôn ngữ không phải chỉ ở nơi các nhà văn soạn kịch, nhưng cả ở nơi các nhà thơ, soạn nhạc hay hội họa. Trên mọi lãnh vực nghệ thuật đều thấy đề cao sự hỗn độn, xáo trộn, vô hình thức, không còn một tiêu chuẩn, định đề nào làm căn bản cho sáng tác. Hơn nữa, người ta cố tạo ra một nghệ thuật tự phủ nhận như một văn học không có ngôn ngữ, một âm nhạc không có âm điệu, một hội

họa không khuôn mặt. Igor Strvinsky nói : « Tôi coi âm nhạc như tự nó không thể diễn tả bất cứ cái gì : một tình cảm, một thái độ, một tâm trạng tâm lý, một hiện tượng thiên nhiên v.v... Nhạc không bao giờ có ý - nhạc như đặc tính nội tại của nó ».

Về điêu khắc cũng thế. Germaine Richier đã chỉ để trên bệ những mảnh đồng nứt rạn, bị chọc thủng, lồi lõm như bị đánh đập sưng lên xẹp xuống ; không có ý nghĩa gì rõ ràng nhất định.

Còn Pollock thì tạo ra một hội họa « phi lý », hỗn độn như thiên nhiên. Họa sĩ giải một tấm vải ra rồi lấy cây vẽ hoặc cả ống mực màu phóng ra những nét chấm, những đường, những màu sắc. Đó là vẽ theo Pollock.. Dựng lên, người ta có cảm tưởng đứng trước những mê lộ hay những bức tường cũ kỹ nứt rạn, rêu mốc hoặc vỏ thân cây sù sì, chết khô. Môn phái của Pollock (Action Painting) chủ trương cái cốt yếu trong hội họa là chuyển động và tốc độ là hai yếu tố độc nhất không cho lý trí kịp can thiệp và hướng dẫn việc vẽ. Ở Pháp, một Georges Mathieu đã bắt chước khuynh hướng đó và tiến tới mức độ kinh dị ! Trên một sân khấu, trước mặt một quần chúng tò mò, tiếng nhạc jazz kích thích dồn dập, họa sĩ trải một tấm vải rộng hai thước rưỡi, dài 6 thước, rồi đột nhiên, tay cầm những bình thuốc màu, họa sĩ nằm soài lên tấm vải, la hét, khua múa như lên đồng. Và tác phẩm hoàn thành với một thời gian kỷ lục; họa sĩ đứng dậy, nhọc mệt, toát mồ hôi, Trong tình cảnh đó, bức họa cũng hỗn loạn điên cuồng như tiếng nhạc jazz hoang dại. Đó là hội họa không nội dung, không hình thức, biểu lộ sự hỗn loạn triệt để.

Tại sao những nhà nghệ thuật trên phủ nhận triệt để Nghệ Thuật. Người ta không thể không nghĩ tới một sự *sáng suốt* của con người hiện đại. Nó không muốn bị lừa dối, bị lừa tưởng. Nó nhận thấy rằng không có sự thực, luận lý gì ở đời này cả. Hơn nữa, nó thấy nó bất lực, bất lực không thể hiểu được cuộc đời, bất lực không thể sửa đổi được cuộc đời đó, Và lý trí, tình cảm lại là những khả năng của nó, làm cho nó nhận thức được sự bất lực của chính nó, của lý trí, tình cảm. Cho nên nó lấy lý trí chống lại lý trí, lấy tình cảm chống lại tình cảm, lấy ngôn ngữ đả phá ngôn ngữ. Vì cảm thấy bất lực, thất bại, nên con người tự trả thù bằng cách làm nhục những khả năng, làm cho nó cảm thấy bất lực là lý trí, tình cảm. Đó là nỗi đau khổ chua xót của sự sáng suốt. Người không suy nghĩ, lo lắng, không nhìn thấy gì cả, nên cũng không phủ nhận, từ chối gì cả. Nhưng con người không thể không tìm hiểu, không thể không sáng suốt, và sự sáng suốt làm cho nó đau khổ.

Trước tình cảnh đó, nó phủ nhận luôn cuộc đời. Nhưng sự phủ nhận này hoàn toàn tiêu cực, và nhằm *xóa bỏ* mọi mâu thuẫn của cuộc đời. Con người nhận thấy : Đời là phi lý — Người chỉ là bóng ma — không thực, và kết luận, vậy không có con người, cuộc đời. Nghệ thuật trở thành một phản kháng tiêu cực, chối bỏ cuộc đời. Do đó bỏ rơi quần chúng. Phần lớn những nhà nghệ thuật này chỉ được biết đến và ca tụng trong những người cùng môn phái. Quần chúng rất lạc lõng và cảm thấy xa lạ khi đi vào thế giới của họ. Hơn nữa, nghệ thuật này còn đụng chạm làm tổn thương xúc cảm nghệ thuật của quần chúng. Quần chúng không phủ nhận rằng đời đầy

VĂN NGHỆ NHƯ MỘT PHỦ NHẬN

mâu thuẫn, nhưng quần chúng vẫn sống những mâu thuẫn đó và biết rằng không thể xóa bỏ được. Vậy luôn luôn phải nỗ lực tìm hiểu và sửa đổi dù khó khăn thất bại. Cho nên quần chúng đòi hỏi một nghệ thuật vừa phủ nhận vừa công nhận; một nghệ thuật phủ nhận cuộc đời mà vẫn ôm lấy mọi mâu thuẫn cuộc đời. Nhưng dù sao, một nghệ thuật phủ nhận bao giờ cũng là một tiến bộ. Nó có giá trị của một phản kháng, dù là tiêu cực.

Nói cho cùng, không có sự phản kháng nào là triệt để hay sự phủ nhận nào là tuyệt đối thực sự. Người ta phủ nhận văn

học, nhưng vẫn dùng văn học để phủ nhận văn học. Dù chỉ còn là tiếng kêu hay một tiếng động, văn học vẫn là văn học, và tiếng kêu, tiếng động đó là của con người. Tính chất nhân loại không phải chỉ gắn liền với tiếng kêu, nhưng là ở tại nguồn gốc phát âm là con người.

Có một sự khác biệt thiết yếu giữa tiếng kêu của con người và của sự vật, loài vật, dù cả hai đều là tiếng kêu. Và bao lâu con người còn có thể kêu được, văn nghệ sẽ vẫn còn, vì vẫn còn con người, dù con người đó thế nào mặc lòng.

HOÀNG-THÁI-LINH

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— **Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)**

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135, *Đại-lộ* N G U Y Ê N - H U Ê
(ex Charner)
Téléphones : 24.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TONG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

THÂN DÂN

Quốc-Dĩng

BỘ Tư-Pháp vừa cho thiết-lập, tại mỗi Tòa án, một Phòng Chỉ-Dẫn (1).

Từ xưa đến nay, phòng chỉ-dẫn đã được lập nhiều. Bước chân vào công-sở nào, ta cũng thường thấy tấm bảng : « Hỏi nơi phòng chỉ - dẫn ». Nhưng các phòng này, do một tùy phái hay một thư - ký phụ - trách, thường chỉ bầy cho ta vào bàn giấy nào, đi lối nào. Nếu ai cũng biết đọc, một bản đồ trụ sở cũng thay thế được những phòng chỉ-dẫn loại này.

Phòng chỉ-dẫn do bộ Tư-Pháp mới lập tại mỗi Tòa án khác hẳn các bộ phận trùng tên đã có từ trước tới nay, về mục đích, tinh thần và tổ-chức.

Mục đích giúp dân

Phòng chỉ dẫn tại các Tòa án giúp đỡ mọi người bằng cách « chỉ bảo về thủ tục cần thiết để công việc được dễ dàng ».

E chỉ thị trên mờ hồ, bản thông tư tiếp tục : «... như việc xin tư pháp bảo trợ, xin tạm tha, xin trả tang vật, xin trích lục án, xin xử mau lẹ, kháng cáo án hoặc khiếu nại điều gì.... », phòng chỉ-dẫn giúp đỡ « hình thức (có lẽ thông tư định nói văn thức đơn xin) đơn xin, nơi nhận đơn, lệ phí, các giấy tờ phải xuất trình, cách thức lập hồ sơ, tóm lại những thủ tục hợp pháp để giúp đỡ mọi người, không thiên vị một ai, để tất cả đều được mọi sự dễ dàng trong công việc liên quan đến Tư-Pháp ».

Không phải chỉ khi có việc chẳng may đảo tụng đình » mới thấy ích lợi của phòng chỉ dẫn. Phòng chỉ dẫn còn có mục đích ngừa hại : giải thích luật lệ cho dân chúng. Thông tư nói rõ : « chỉ dẫn cho đương sự rõ quyền

(1) Thông tư số 6046 BTP ngày 26-7-1961 lập phòng chỉ dẫn tại các Tòa-án.

hạn họ theo luật pháp (như quyền hạn nhiệm vụ của người vợ, bổn phận chung thủy của vợ chồng, sự bất hợp pháp của sự ngoại hôn hay ả thê theo luật gia-đình v...v...) để họ có thể tránh sự phạm pháp hoặc bảo vệ quyền lợi của họ cấp thời và hữu hiệu ».

Hơn thế, không những phòng chỉ-dẫn giúp dân chúng mọi việc án tử, luật lệ, phòng chỉ-dẫn còn giúp dân chúng đến những việc « không thuộc thẩm quyền tòa-án, như các việc liên quan đến hành chánh, thuế vụ v.v... »

Tóm lại, trong mọi việc, giúp mọi người một cách chu đáo.

Vì vậy tỏ rõ tinh thần nhân ái của định chế.

Tinh thần nhân ái

Người điều khiển phòng chỉ dẫn tại các Tòa án không còn làm việc tắc trách, chỉ bảo theo kiểu mách thuộc, mách luật trên những tờ báo... hại.

Thông tư gọi các ông Chánh án nói rõ : « Qui vị nên đặt mình vào địa vị người ».

Chưa bao giờ có một chỉ thị rõ ràng, minh bạch, đầy đủ và cách mạng như vậy.

Đặt mình vào địa vị người. Thông tư lại còn định nghĩa thêm về « người » ở đây : « thường là người ở trong cảnh cần thiết, sẵn mặc cảm sợ sệt... »

Thầu hiệu nông nổi của dân đen lâm nghịch cảnh, phòng chỉ-dẫn sẽ hỏi chuyện rồi ghi lại một cách kín đáo để tránh những sự tiết lộ và cần cho người đến hỏi việc khỏi có cảm giác bị hỏi cung. Nên tạo ra một bầu không khí nhã ái, cởi mở, dân chúng sẽ tỏ lộ mọi thắc mắc, do đó, việc chỉ dẫn sẽ được đầy đủ (2).

Nếu ai cũng « đặt mình vào địa vị người », không những công việc gì cũng giải quyết tốt đẹp, mà đến nạn chiến tranh cũng bị diệt tận căn. Mỗi người lúc nào cũng tự nhủ « đặt mình vào địa vị người », ta nghe vắng vắng tiếng đàn tầu khúc đại đồng, gió Nam đã thổi... Với tinh thần làm việc coi việc người như việc mình, tất nhiên tổ chức sẽ chu đáo.

Tổ chức chu đáo

Phòng chỉ dẫn sẽ do « các vị Chánh án, Biện lý, nếu có, đích thân điều khiển. Nhưng để tránh các sự khó khăn cho việc xử đoán sau này, viên chức đứng ra trực tiếp với dân chúng là Chánh lục sự.

Không những do vị trưởng cơ quan đích thân điều khiển, phòng chỉ dẫn còn hoạt động một cách thường xuyên, mở cửa trong các giờ làm việc đã dành, mở cửa cả các ngày nghỉ và ngày lễ.

Thiết lập ngay tại trụ sở Tòa án, phòng chỉ dẫn có đủ sổ sách ghi lại

(2) Các dòng in chữ Xiên là nguyên văn bản Thông tư lập các phòng chỉ dẫn.

các việc chỉ dẫn để các thẩm phán cao cấp đến khám xét. Hằng tháng lại có báo cáo về Bộ.

Sợ ít ai biết đến, Bộ Tư pháp còn nhắc nhở : các vị thẩm-phán « *hiệp lực cùng các cơ-quan hành-chánh địa-phương phổ biến thông-tư này trong dân-chúng* ».

* *
*

Nói thêm về Phòng chỉ dẫn tại các Toà-án, e phạm vào việc tuyên-truyền mà thông-tri nói trên muốn tránh. Vì vậy, góp phần hoàn bị một định-chế mới thiết-lập âu cũng là một cách hưởng-ứng xây dựng.

1.— Trước hết, phòng chỉ dẫn sẽ quá ít ỏi. Hiện thời Cộng-hoà Việt-Nam có tới 42 tỉnh mà mới có 26 Toà. Lắm nơi, 3 hay 4 tỉnh thuộc quản-hạt một toà. Một phòng chỉ dẫn cho mỗi quản-hạt toà-án sẽ không sao thoả đáp đúng đắn nhu-cầu của dân chúng.

Chúng tôi mong đây chỉ là một bước đầu, một phòng thí điểm được mở. Sau này mỗi quận phải có một phòng chỉ dẫn. Nếu thiếu nhân viên, các vị thẩm phán, chánh lục sự sẽ luân phiên lưu-động đến mỗi quận tiếp xúc với dân chúng. Như vậy không những đỡ cho dân phải đi lại chầu chực mất cả công ăn việc làm mà còn là dịp để những cấp chỉ huy thăm dân cho thấu sự tình.

2.— Phòng chỉ dẫn do ông Chánh lục sự tiếp xúc với dân chúng e có

nhiều chậm trễ : Ông chánh lục sự đã có trách nhiệm điều khiển hết thầy nhân viên một tòa, kiểm soát mọi việc của các nhân viên, thu nhận tiền bạc, tang vật, giữ gìn sổ sách kê toán... có thể nói không thể rời khỏi chỗ phút nào. Nay cả ngày tiếp xúc với dân chúng, thì giờ đâu mà làm việc ? Các ông lục sự khác cũng vậy. Công việc án từ rất là bề bộn, tỉ mỉ, để hết ngày giờ, vẫn còn chậm chạp, nói chi đến kiêm nhiệm các việc khác. Hơn nữa, việc phòng chỉ dẫn khó khăn hơn nhiều, phải thông hiểu luật lệ, phải biết rộng nhìn xa, phải cân trọng hòa nhã, tất cả đức tính ấy khó kiêm ở một nhân viên thừa hành.

Mặc dầu khó khăn, chúng tôi thầy chỉ có các vị thẩm phán đích thân tiếp xúc với dân chúng mới ích lợi cho dân và ích lợi cho các vị có nhiệm vụ kinh khủng xử người.

3.— Sau hết phòng chỉ dẫn không nên đặt trong trụ sở Tòa án. Bộ Tư Pháp đã hiểu rõ tâm trạng người có việc, há không tìm được biện pháp tránh cho họ việc lui tới chồn tưng đình.

Phòng chỉ dẫn dù tổ chức hoàn bị bậc nào mà đặt trong phạm vi cơ quan công an, cảnh sát, hiến binh... cho đến khi các nhân viên công lực này nổi tiếng hiền như bụt, cũng không mấy ai dám bén mảng tới. Bộ Công dân vụ thường có những phòng đọc sách, nhà triển lãm ở các nơi thị tứ đông đúc, đi lại thuận tiện, nếu giúp Tòa án một phòng để

THÂN DÂN

thi hành chính sách thân dân, sẽ thực hiện một công tác tranh thủ nhân tâm hữu hiệu hơn hết.

Nếu ngành nào ; công sở nào cũng tổ chức một Phòng Chỉ Dẫn chu đáo như Bộ Tư Pháp không những dân chúng được giúp đỡ mà chính các

công sở cũng sẽ bớt việc : hồ sơ nào cũng hoàn bị, đương sự nào cũng rõ luật lệ, guồng máy hành pháp sẽ hoạt động nhẹ nhàng, mau lẹ, hữu hiệu hơn. Đó mới là thực-thi chính sách tiết kiệm và thân dân.

QUỐC DŨNG

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI SỐ 31 (RA NGÀY 10.10.1961)

Chính trị : — Ai sẽ thắng trong chiến tranh lạnh ?
— Chuyển đi của Ông Mikoyan sang Nhật-Bản. (Tiểu-Dán và Hoàng-Minh-Tuynh)

Kinh tế : Kiến quốc trong thời chiến. (Khánh-Trang)

Văn nghệ : Xong mua, kiến tha xuống. (Lang-Đình)
Lòng vàng. (Thạch-Hà)
Thú chọi gà. (Vương-Hồng-Sến)

Văn học : Frédéric Nietzsche (1844-1900). (Bùi-Giáng và Hoàng-Minh-Tuynh)
Vấn đề phê bình. (Cô Phương-Thảo)

Câu chuyện giáo-dục : Hãy trừ ngay «chính phạm». (Vân-Trang)

Và các mục :

Tin văn, Tin khoa học, Câu chuyện phụ-nữ v. v...

Đại hội âm nhạc

Nữ u - Ước

Trần-Văn-Khê

Ng. xa cách,

HẸN viết thư cho bạn để nói chuyện thêm về nước Ba-Tư, nước Nhật, mà không tìm ra thì giờ. Hôm nay bạn chắc không khỏi ngạc-nhiên khi nhận được bức thư này gởi từ Nữ-u-Ước. Công việc tôi tại Ba-Lê rất nhiều thật, nhưng năm nay lần đầu tiên Quốc-tế nhạc học hội (Société Internationale de Musicologie) tổ-chức đại hội thường niên ngoài Châu-Âu. Và nhiều lý do làm tôi phải tham dự :

1.— Tôi là hội viên, lại có viết bài thuyết trình về cách tô điểm nét nhạc trong truyền thống Việt Nhạc, nên được ban tổ-chức mời tham-dự Đại-hội để nếu cần, tôi giải thích thêm những điểm mà tôi chỉ phác họa trong bài của tôi thuyết trình.

2.— Hội đồng quốc tế âm nhạc (Conseil international de la musique) được mời tham-dự, nên nếu tôi đi thì thiệt cử lưỡng tiện : vừa tham dự các cuộc thảo-luận; vừa là quan sát viên với tư cách nhân viên ban chấp hành của Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc.

3.— Từ tiền lộ-phí đến tiền ăn ở bên Mỹ, tôi đều được ban tổ-chức chịu cho cả. Những nhạc học giả quen biết trong đó có cả thầy tôi là giáo sư Chailley (Sai-ê), Bá tước phu nhân de Chambure (Comtesse de Chambure) đều muốn có mặt tôi trong Hội-nghị này,

Giấy mời tôi tham-dự Đại nhạc hội đã có từ bảy tám tháng nay. Nhưng chỉ là giấy của Quốc-tế nhạc học hội mời hội-viên. Mỗi hội-viên tự lo lấy tiền lộ-phí và chỗ ăn ở. Nên tôi đã không nghĩ đến việc sang Nữ-u-Ước. Sau cuộc « Đông du », sức khoẻ tôi lại sút, mà công việc ở Ba-Lê càng nhiều. Đường sang Mỹ đâu có phải là không trở ngại.

Bạn có nhớ trong mấy bức thư cho bạn, bao giờ tôi cũng nói là « có lẽ » tôi sẽ đi dự một đại nhạc-hội tại Nữu-Uớc. Nhưng rồi đâu cũng vào đấy. Phải chăng cái « mạng Thiên-Mã » trong « số tử vi » của tôi đã làm cho tôi trong 5 tháng nay phải đi nửa vòng trái đất?

Thật ra thì chuyến đi này không làm tôi nôn nao lắm. Tôi chỉ trình bày cách tô điểm nét nhạc trong truyền-thống nhạc Việt, một tiểu đề trong 46 đầu đề của Đại-hội. Lần này khác hẳn mấy lần trước. Không có một chủ-đề chánh mà hàng mấy chục bài thuyết trình đi từ nhạc Âu thời Trung cổ, ngang qua các lối nhạc cổ điển thời kỳ Bach (Ba-kh'), đến nhạc cận đại, từ phương-pháp viết nhạc-sử đến phương-pháp áp-dụng trong nhân chủng nhạc-học (ethnomusicologie). Không nôn nao vì tôi thấy rằng trong chuyến đi này tôi sẽ học rất nhiều mà cái ích lợi cho Việt nhạc chẳng bao nhiêu. Nhưng bạn coi, bao nhiêu người muốn dự hội phải bỏ tiền túi — qua bên ấy tôi mới biết rằng có rất nhiều người ở tại chỗ muốn được nghe thảo luận trong 5 hôm phải đóng 10 Mỹ kim (gần 1000 đồng bạc Việt). Có rất nhiều nhạc học giả được mời tham-dự nhưng phải đi với tiền nhà hay tiền chánh phủ họ phụ cấp, còn tôi may mắn được sắp trong số 46 « thuyết trình tác-giả », nên được ban tổ-chức chịu một phần tiền tổn-phí. Hội nghị này chẳng giống với các hội-nghị tôi tham dự từ trước đến giờ.

Ngoài việc không có một chủ đề, những tác giả các bài thuyết trình không có đọc bài của mình lên. Mỗi đầu đề được ban tổ-chức giao cho một nhạc-học-giả nghiên cứu từ 2 năm trước và viết ra một bài thuyết trình. Tất cả 46 bài đăng vào một tập kỷ yếu, dày 472 trang và nặng gần một kí-lô. Mỗi người tham dự Đại hội đóng tiền để nhận tập kỷ-yếu, đọc trước bài thuyết-trình nào hợp với sở năng, sở trường của mình rồi sắp trước những ý mình muốn góp vào cuộc thảo-luận. Giáo sư Đại học các nước tùy theo chuyên môn được mời chủ tọa mấy buổi thảo luận. Như thế có cái lợi là khỏi mất thì giờ đọc bài thuyết trình và người muốn tham gia góp ý kiến có thì giờ nghiên cứu trước gần 5, 6 tháng, từ ngày xuất bản tập kỷ-yếu đến ngày thảo-luận.

Đại hội lại không có một mà có nhiều phòng nhóm. Vì tất cả trên 40 đầu-đề được đưa ra thảo-luận trong 6 hôm nên mỗi buổi có 3, 4 nơi họp. Tùy sở năng hay sở thích, mình đi đến phòng này hay phòng khác. Nếu hôm nào có hai đầu-đề mình cùng thích thì rất khó xử. Và cũng vì thế mà tất cả nhạc học giả không có dịp quen biết nhau. Chỉ có trong mấy tiệc rượu là tất cả — hay hầu hết — đều đến dự — Nhưng để gì mà hơn 800 người có dịp quen với nhau, trong một vài tiệc rượu? Chỉ ở Hoa-kỳ là người dự hội đông nhất vì họ không tốn tiền lộ-phí. Và lại, tại Hoa Kỳ

không cứ nhạc học giả, nhạc sĩ, nhạc công hay sinh viên các trường nhạc cũng được vào dự thính nếu đóng một ngày 2 Mỹ kim (lỗi 200 đồng bạc Việt).

Số người ghi tên dự thính bên Hoa Kỳ trên 700 mà số nhạc-học giả Hoa-Kỳ có tham gia vào các buổi thảo luận không trên 30 người. Đức 48, Pháp 18, Anh 21 người đại diện cho mỗi nước. Có hai nhạc-học-giả Nga-xô, hai đại diện Nam-tư lap phu, một Tiệp-khắc, một Ba-Lan, một Hung-gia-lợi, 10 đại diện Hòa-Lan; 10 Ý, 4 Bỉ, 7 Thụy-Sĩ; Á châu có 2 nhạc học giả Nhật trong đó có một ông tôi đã quen từ mấy tháng trước; (Ông là giáo-sư nhạc học trường Đại học Ueno (Uê-nô) biết tôi, hôm tôi vào đây diễn thuyết về nhạc Việt cho sinh viên Nhật). Có một nhạc học giả Trung-Hoa. Ông này ở bên Pháp từ lâu và nay nhân sang Mỹ thăm bà con đến dự thính. Phi châu có được một đại diện Ghana mà tôi đã biết từ hội nghị Téhéran. Gặp lại bao người quen nhiều lắm! Thành ra đại hội đầu cử hành bên Âu, bên Á, bên Mỹ cũng có chừng ấy nhạc học giả chuyên môn được mời.

Đại hội này không có thông ngôn. Người tham dự có thể nói tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Đức. Đa số nhạc học giả nói và viết được 3 thứ tiếng đó. Người chủ tọa thường phải tóm đại ý của mỗi bài thuyết trình hay mỗi ý kiến được góp vào buổi thảo luận bằng tiếng Anh, nhưng có khi chủ tọa phải nhờ một người trong ban hội đồng thông-thạo 3 thứ tiếng để làm công việc ấy.

Đại hội này có chỗ lạ là lưu động. Sau hai hôm nhóm tại Nữu-Uớc, đại hội nhóm tại trường đại học Yale (I-ê-lơ) tại nước New-Heaven (Nhiều-Hê-Vân). Trờ về Nữu-Uớc một hôm, kế nhóm tại đại học Princeton (Pơ-rin-xơ-tôn). Trờ về Nữu-Uớc một hôm rồi đi Hoa-thạnh-đốn. Tại đây, những người tham dự được thưởng thức hai buổi hòa nhạc: một buổi do ban tít vĩ cầm trường nhạc Julliard trình bày bài tít tấu cung rế trưởng Schönberg (Sơn béc) lúc thiếu thời và một bài tít tấu cung si giảm trưởng của Beethoven (Bét hô fân). Ban nhạc này tôi đã nghe rồi một lần tại Đại nhạc hội Đông-kinh, nay nghe lại tại Hoa-thạnh-đốn và có dịp thấy sự tập dượt của họ rất công phu, ngón đàn tinh vi và trình độ biểu diễn rất cao. Hôm đó, đang đàn bổng đàn vĩ cầm số 2 đứt dây. Thường thì nhạc công sau khi mắc dây khác, khó định thần mà đàn hay như trước. Đàng này ban nhạc đàn trước sau như một và toàn thể thính giả đều công nhận là buổi hòa nhạc đặc sắc.

Nếu thuật cho bạn nghe những cái lạ của thành phố, những buổi thảo luận lý thú, những đêm hòa-nhạc thắm trầm thì phải ngồi một bên bạn mà

nói trong mấy ngày đêm chưa chắc đã hết. Hôm nay, chỉ nói qua bạn biết trong chuyến đi này có gì đáng kể trong việc phụng sự âm nhạc nước nhà.

Tôi đã nói qua về số đầu đề, cách sắp đặt phòng nhóm chắc bạn cũng đoán trước như tôi rằng nhạc Việt không được trình bày một cách đặc biệt như trong các hội nghị từ trước đến giờ. — Tiểu đề về cách tổ điểm nét nhạc trong truyền thống nhạc Việt nằm trong đầu đề lớn là cách tổ điểm nét nhạc ngang qua các truyền thống. Số người tham dự chia ra làm 4, làm 5 nhóm nên trong mỗi phòng chỉ có độ một vài trăm người là cùng — Nhưng có nhiều điểm làm cho tôi thấy rằng cũng bỏ công mình đi.

1.— Đây là lần đầu tiên mà người châu Mỹ gặp một nhạc-công Việt, nghe tiếng đàn Việt. Trước kia chỉ có những du-khách sang nước Việt, những nhạc-học-giả đi dự nhạc-hội có dịp nghe qua nhạc Việt. Lần này ngoài những người ấy, còn có một số giáo-sư, nhạc-sĩ, sinh viên trường nhạc được nghe lần đầu. Họ đến hỏi thăm về nhạc Việt sau khi phiên nhóm bế-mạc, và nhiều trường Đại học muốn mời tôi diễn-thuyết về nhạc Việt cho sinh-viên nghe. Giáo-sư Mantle Hood. (Mân-tơ-Hu-đơ) giám-đốc viện Nhân chủng nhạc học ở Los Angeles (Lô-xơ Ăn-jơ-le-xơ) đã biết tôi từ năm 1958 tại Ba-Lê, có dịp nghe tôi đàn và nói chuyện về nhạc Việt nên hết sức muốn tôi đến Los Angeles, và Indiana để diễn-thuyết về nhạc Việt cho sinh-viên trường nhạc học mấy vùng ấy. Giáo-sư Rhodes (Rô-djơ) trường đại học Columbia (Cô-lom-bia) tại Nữu-Ước cũng muốn mời tôi diễn-thuyết về nhạc Việt nhưng mãi đến cuối tháng 9 sinh-viên mới tựu trường đầy đủ mà tôi không thể ở không đến lúc đó, nên tôi đã chối từ. Có dịp nào khác, thuận tiện hơn sẽ tính lại. Nhưng mấy nhà nghiên cứu nhạc đã biết rằng có một lối nhạc Việt khác nhạc Trung-Hoa, Nhật-bản, Triều-Tiên và cuối năm nay khi nhà xuất-bản P U F. (Les Presses Universitaires de France) in xong quyển luận-án của tôi, trường Đại học Ba-Lê sẽ lấy 96 quyển gửi cho các trường Đại học và Thư Viện trên thế giới, đồng thời viện Bảo Tàng Guimet cũng lấy mấy trăm quyển gửi đi các Bảo tàng viện, thì họ sẽ có dịp đọc thêm về nhạc sừ, nhạc khí, nhạc lý của nước Việt. Sự có mặt của tôi làm cho các nhạc học giả ngoại quốc để ý đến nhạc Việt hơn trước.

2.— Biết ngang qua sách vở không bằng gặp người. Nghe một đĩa hát không bằng thấy tận mắt nghe tận tai, bạn có đồng ý chăng? Dầu cho có dùng tất cả các dấu để ghi lại trên khuôn nhạc, không thể nào mình cho người đọc nhận thức được cái khác nhau giữa hơi Xuân và hơi Ai — Tôi có đem đàn tranh theo — Lúc tôi chỉ cách nhấn khác nhau để làm cho câu nhạc : « Liu liu xàng liu xê, xê liu xàng, xê liu xàng xê xang » ra hơi Xuân hoặc hơi Ai thì thính giả đều nhận thấy chỗ khác nhau và khen rằng nhạc Việt tế nhị.

Khi nói đến cái quan hệ của sự tô điểm nét nhạc, tôi có nhắc lại ý của ông Nguyễn-Đôn-Phục khi ông viết bài khảo luận về hát ả đào. Theo ông mỗi chữ trong câu hát ả đào phải được ngân nga đổ hột, chữ ấy không khác những hạt châu. Còn hơi đi sau mỗi chữ nối liền những hạt châu ấy thành ra một chuỗi hạt châu — Chúng ta thấy rằng xâu chuỗi ấy nếu không có hạt châu tức là cái ngân nga thì chỉ là một sợi chỉ thường (nhạc khúc không tô điểm chỉ là một nét nhạc suông). Có hạt châu tức là có tô điểm thì toàn thể sợi chỉ và hạt châu thành một xâu chuỗi đẹp — Nhiều thính giả nghe xong liền đến hỏi tôi rằng ngày nay người Việt khi nói chuyện còn dùng hình ảnh nên thơ như thế sao? Cũng như lúc tôi nói rằng cùng một thể thơ lục bát mà người Việt có không biết bao nhiêu cách tô điểm nét nhạc căn bản của lục bát.

Tà ta ta tà ta ta

Ta ta ta tà ta ta ta tà

Ta ta ta tà ta tà

Ta ta ta tà ta tà ta ta

trong các lối ngâm thơ, ngâm xướng, hát lý, hát cò lả, quan họ, sa mạc, bông mại, hát chèo, hò cấy, hò giã gạo v.v... thì bao nhiêu thính giả sáu buổi họp đến hỏi thăm về dân ca nước Việt.

Rồi tôi nói qua đến các phương pháp mà người Việt áp dụng để tô điểm nét nhạc. Cùng một chữ **xê** mà khi đàn tỳ-bà gảy dây **tiểu** nghe khác, gảy dây **trung** nghe khác. Chữ **liu** trong Bài Ngũ đối hạ thì do dây **tiểu** của đàn có lên dây thuận mà do dây **đai** của đàn có lên dây nghịch — Cùng một giọng đàn, cùng một cao độ của chữ đàn, mà thay đổi **âm sắc** (timbre) là một phương pháp làm đẹp thêm nét nhạc. Rồi tôi chỉ các lối nhấn, nhấn rung, nhấn mổ, nhấn vuốt chẳng khác nào Giảo-Kim ngày xưa có ba búa đem ra đánh cả để đem phần thắng về mình.

Tuy tôi nhìn nhận rằng nhạc Việt so với nhạc các nước kém về phần lượng nhưng tôi nhấn mạnh vào phần sâu sắc, vào cách nhấn tế nhị nên nhiều người nói với tôi rằng: « Chúng tôi chưa biết về lượng nhạc Việt thế nào, chớ chất lượng thì có thừa ». Tôi vui mừng mà nghe người ta khen nhạc Việt nhưng bạn có nhớ chăng? Mỗi lần như thế là tôi lo nơm nớp vì cổ nhạc nếu chỉ có chừng ấy mà không phát triển thì đi đến chỗ bế tắc. Nếu phát triển mà đi sai đường, nhạc Việt sẽ mất cá tính và thành ra một lối nhạc tầm thường không ai để ý và học hỏi, thì uổng gia tài âm nhạc ông cha để lại.

Ngoài việc trình bày nhạc Việt, học hỏi thêm nhiều lúc tham dự mấy buổi thảo luận, tôi còn quen thêm nhiều nhạc học giả khác. Và trong câu

chuyện với các ông ấy có lắm đoạn vui — Có một ông nhạc-sĩ, trong tiệc rượu đãi tại trường đại học Princeton đến chào tôi rồi nói: « Tôi có nghe ông nói về nhạc Việt-Nam. Thú thật với ông đây là lần đầu tiên tôi nghe nói chuyện về một lối nhạc khác hơn nhạc Âu Mỹ; Ông chuyên về nhạc gì? » Quên nói cho bạn rõ là người Mỹ mới nói chuyện với bạn lần đầu hay xưng tên và hỏi tên bạn. Trong hội nghị này mỗi người tham dự đều mang trên ngực một tấm thẻ có đủ tên họ nên ông không tự giới thiệu và hỏi tên. Tôi trả lời rằng hiện giờ tôi dạy nhạc Việt tại nhạc học viện Ba-Lé ông nói tiếp: « Tôi thật chẳng biết gì cả về nhạc Việt hay nhạc Á-châu », Ông cười to rồi nói nhỏ: « Mà tôi hơn người khác ở chỗ tôi biết rằng tôi không biết. » Tôi cười và nhắc lại một câu sách Lỗ luận: « Tri vi tri chi, tri vi bất tri chi, thị tri » câu ngày xưa một ông quan Trung-Hoa nhắc với ông Mạc-đĩnh-Chi để nhạo người Việt nói tiếng nghe « li chi » như tiếng chim, chắc bạn còn nhớ — Tôi nhắc câu ấy để nói rằng ông nhạc sĩ Mỹ mới thật là biết vì theo sách Lỗ luận mình biết cái mình biết, mình biết cái mình không biết mới thật là biết. Ông cười, nhe hàm răng trắng, sửa cặp mắt kiếng rồi nói: « Tôi không biết rằng người Trung-Hoa đã nói như thế về chỗ biết và không biết chứ theo người Mỹ thì khi mình biết những cái gì mình phải biết, mình mới đậu bằng cấp Bachelor (bằng này hơn Tú tài 1 bậc mà hơi kém Cử nhân). Mình biết rõ những cái gì mình không biết thì đậu bằng Master (hơn Cử nhân một bậc mà còn kém Thạc Sĩ). Nếu mình biết trong chi tiết những cái gì mình chưa biết để viết thành một luận-án thì sẽ đậu Doctor, (Tiến Sĩ) ! »

xa xôi,
T. V. K.

Tư tưởng sâu sắc

Albert Schweitzer trong tập, « Les grands penseurs de l'Inde », phát biểu ý kiến sau đây về tính chất của một tư tưởng sâu sắc:

« Tư tưởng khi đã đạt tới chỗ thật sâu sắc bao giờ cũng khiêm nhượng. Mỗi chăm lo thiết tha của nó chỉ cốt làm sao cho ngọn lửa nó bồi dưỡng cháy lên thật nhiệt liệt và thật tinh thuần mà không cần coi xem chân lý của nó thâm nhập tới đâu ».

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BÀI THỨ 5

Gửi người trong tranh

★ TƯỜNG - LINH

Chị có về ngang lối ấy không
Gửi thăm — đâu dám hẹn tao phùng
Vàng thu đã nhuộm cây hồng chín
Hoa cúc vườn xưa gọi nhớ nhung

Chị đến thăm em chiều bữa đó
Hồn em reo khẽ : gặp Thu rồi
Mùa thu kỷ-niệm, tình thu nhỏ
Thu của lòng em — biết thế thôi

Thuở ấy, em say mộng hải hồ
Mơ hoa trời lạ, bướm thành đô
Một đi, thuyền nhỏ chồm trên sóng
Sóng với thuyền quen chuyện hững hờ

Quê cũ với xa ngút cánh chim
Có người thường vẫn đọc thơ em
Khi vàng thu nhuộm cây hồng chín
Mắt đôi phương nao một hướng tìm

Tâm sự sang mùa thu thứ 5
Tiếng xưa thành tiếng khóc âm thầm
Mắt ai đốt cháy trời Kinh-Bắc
Đốt cháy lòng em, chị biết không

Vì em trót hẹn mỗi thu sang
Lại viết bài thơ gửi tặng nàng
Bốn bài thơ đã trao đi hết
Bài thứ 5 đành viết dở dang

Từng nhịp mùa đi không xót thương
Gì như tiếng trúc dậy chiều sương
Ồ không chị ạ, lời thu đầy
Biết đến bao giờ thôi vấn vương

Ở đây, em chẳng còn thu nữa
Thuyền nhỏ, sông xa, lạc mấy bờ
Dẫu nhớ thương mùa hoa bướm cũ
Dặm buồn, quán gió khó gây mơ

Mai một chị về ngang lối cũ
Nhắn người hong tóc đợi thơ em
Rằng con người ấy truan-chuyên lắm
Mất bốn mùa thu hãy cố quên...

T. L.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CHUYỆN CÁI RĂNG



VĂN có những kỷ-niệm không mấy êm-dềm về những cái răng của mình. Kỷ-niệm xưa nhất lắng vảng vào chạng chàng lên 9, 10 tuổi. Lúc bấy giờ, dù nhỏ, chàng đã phải đóng vai một cậu học-sinh đi trọ học ở trường Huyện. Mỗi tuần về thăm nhà một lần vào chiều thứ bảy, chàng đã vừa đi vừa chạy để nuốt cho hết quãng đường dài hơn 3 cây số cốt sao cho đến bến đò Cây Dừa mặt trời vừa lặn. Đoạn đường từ xóm Bình-Hòa ra đến bến đò là một bãi cát rộng đầy bụi gai xương rồng và mồ mả. Từng chạng nổi lên một cây mù u hay một bụi tre. Sự có mặt của những chòm cây lớn không giảm bớt cái không-khí hoang lạnh ma quái của bãi cát vắng. Thỉnh thoảng một bông vú dẻ đưa hương ngọt ngào nhưng Văn không dám dừng lại hái. Chàng lăm lũi bước, tầm mắt cố khép lại ở ngang hai rìa đường và lưng chàng như tê cứng. Tiếng « rẹt » của con rấn mỗi chạy vội vã vào bụi rậm đủ

làm cho một luồng máu lạnh dâng lên chạy tràn ra khắp lưng. Chàng giữ để khỏi nhìn ra đằng sau lưng. Chàng nghĩ, nếu lỡ nhìn ra sau, chàng sẽ hoặc ù té chạy hoặc ngất đi nên chàng nắm chặt sự can-đảm trong hai bàn tay nhỏ, cúi nhìn xuống từng hòn đá dưới chân và chú ý chỉ nghe tiếng chân mình sào sạo trên sỏi. (Bé bỏng và dút dát chừng ấy mà Văn đã phải một mình chống chọi với một cái răng sâu khi xa nhà. Mỗi lần răng nhức, chàng vào nằm ở bộ ván sát vách, cong lưng và co quắp chân lại áp phía má có răng sâu xuống gối. Chàng cố gắng ngủ bỏ những bữa cơm trưa cơm tối. Chủ nhà trọ thấy vắng chàng ở bữa cơm, lơ đãng hỏi :

— Thằng Văn sao không đi ăn cơm ?

Tiếng một đứa bạn ở trọ trả lời cũng một cách lơ đãng :

— Thừa thím nó nhức răng.

— Tội chưa.

Và tiếp theo là tiếng bát đũa va vào nhau, tiếng húp canh xì-xoạt, tiếng cười nói ồn ào. Những buổi tối, Văn nằm im ôm cái má có răng nhưc đưa mắt lên nhìn gia-đình xum họp của người chủ trọ Lũ con của nhà chủ quây quần xung quanh cha mẹ. Thằng Tự lên 5 tuổi kéo em nó xuống để đòi má bế. Con Ngọc lên 9 tuổi mà được cha nó vuốt tóc và kiểm-soát tai, mũi :

— O' này mình ơi, sao tai con Ngọc có cái mụn gì thế này ?

— Đâu ? Đâu nào ?

Bà chủ trọ lật đặt bỏ con nhỏ xuống, kéo đưa chị lại gần mình để xem xét cái tai. Đôi mắt nheo nheo đầy tình trù mến. Xem xét sờ mó một lát, bà mỉm cười :

— Cái mụn cóc nó có từ hồi 5 tuổi.

Nói đoạn bà cúi xuống hôn tóc con rồi vội đẩy con ra :

— Mồ tổ cha mày, cái đầu chua lét. Trưa mai nhắc má gọi cho.

Sự đầm ắm trong gia-đình người làm cho Văn tủi thân. Nó mừng tượng đến quê-hương nó, đến con đường của xóm Lò Gốm đầy đá và mẻ sành, đến cái cổng nhà nó, đến cái bàn cái ghế, con chó, cái giếng, đến cha mẹ và lũ em nó. Ôi ! Bao nhiêu là đầm ắm, thế mà nó phải nằm một mình ở đây, ôm một cái răng nhưc và chỉ biết đợi cho cái răng tự ý êm đi. Giá ở nhà, nó sẽ đi lại cái bàn kê ở đầu giường lấy lọ dầu Nhị Thiên chấm một giọt nhỏ vào lỗ răng. Thơm, cay và đỡ nhưc biết bao ! Trong cái khay đặt trên bàn đó sao mà lấm dầu lấm thuốc thế, nào là dầu chanh, dầu chổi, dầu cù là, dầu bạc-hà, an-côn đồ mãng. Nó thêm thường

mà nghĩ rằng một thứ dầu nào trong số những lọ dầu kia cũng đủ sức để làm mất cơn đau. Ở đây thì không có gì cả, không có món gì dự trữ trong nhà. Nước mắm, dầu hỏa mà cũng sai con xách chai đi mua ở hàng. Ở nhà nó, nó không hề nghe đến chữ « hết ». Không hiểu vì sao mà chai luôn luôn có dầu, có nước mắm, tin luôn luôn có có bột đường, khắp luôn luôn có gạo. Sự xung túc ấy Văn phải già từ để sống cuộc đời trọ học thiếu thốn khác-khổ, nhất là những khi ốm đau. Sự suy nghĩ liên man làm nó quên bớt đau và nó ngủ hồi nào không hay. Cái răng sâu ấy sau đó không biết do ai nhổ. Có những kỷ-niệm rõ ràng nằm ôm răng nhưc mà lại không nhớ cái kềm nào đã thò vào để nhổ cái răng ấy đi, thật cũng lạ.

Băng đi một thời gian dài, cuộc sống không bị đánh dấu bởi những cuộc nhưc răng nữa. Năm 19, 20 tuổi, rút kinh nghiệm những cái răng sâu thuở nhỏ, Văn nhìn cái răng hàm có chấm đen một cách nghi ngờ. Làm hư răng là những cái chấm có bề ngoài hiền - lành vô hại này. Có phương - tiện để lo xa, — Lúc bấy giờ chàng đang ở Hà - nội, — Chàng ghé lại mấy hiệu chữa răng trồng răng, Minh-Sinh hay Kim-Sinh gì đó. Hiệu nào bề ngoài trông cũng qui-mô rục rờ. Những hình vẽ hàm răng bổ ngang bổ dọc với gân đỏ gân xanh có vẻ như dọa nạt chủ-nhân của những chiếc răng hư. Vừa bước vào hiệu, chàng bị chủ-nhân xoắn lấy. Rồi thì miệng ba hoa, tay múa may, chủ-nhân giảng cho chàng nghe tất cả những sự hiểm nguy của một vết đen trên răng, những hiểm nguy có thật do khoa-học tuyên bố và những hiểm nguy

tưởng tượng do chủ nhân tự bày đặt lấy. Tiếp theo, chủ nhân bưng ra một khay đựng đầy những dụng cụ mạ kền trắng tinh trong đó có mọi thứ kèm đủ cỡ. Chủ - nhân lấy đưa cho chàng coi một cái kim mảnh mà dài vừa nói một cách long trọng.

— Tôi sẽ lấy « ne » (nerf) cho ông.

Sự biểu-diễn quá chu-đáo khiến Văn đâm ra nghi-ngại. Chàng lén nhìn sang cái môi dày của nhà khoa-học, — tức chủ-nhân, — đôi hàm răng khấp khểnh và cặp mắt ti-hí. Nhìn rộng ra khuôn mặt, chàng thấy khó lòng có một điểm thông minh nhỏ lạc loài ở một vị-trí nào trên khuôn mặt đó. Đưa mắt nhìn rộng hơn, chàng kết luận rằng chỉ có cái áo blouse trắng mà chủ nhân khoác, cái ghế ngồi dành cho nạn nhân và cái khay đựng kèm đủ cỡ là có tính chất khoa-học mà thôi. Chàng phải lật đặt vừa đứng dậy vừa nói :

— Hôm nay tôi đến hỏi thăm cách chữa của ông. Sáng mai tôi sẽ lại.

Chủ-nhân cũng lật đặt vui vẻ :

— Vâng. Sáng mai xin mời ông trở lại. Chúng tôi làm việc rất cẩn thận nên rất được tín - nhiệm. Vâng. Có nhiều bằng khen do các quý quan, quý cụ khen tặng. Vâng. Ông đến chữa ở hiệu chúng tôi một lần sẽ thấy là lời nói đi đôi với việc làm. Vâng. Kính chào ông...

Văn không biết tiếng « vâng » cuối cùng là tiếng nhận lời chào của chàng hay tiếng « vâng » chuyển mạch quen miệng của anh nha-sĩ. Nhưng chàng biết chắc chắn là mình vừa thoát nạn.

Sau đó, một người bạn quen mách chàng :

— Rằng « toa » mới có chấm đen, đừng đến nha-sĩ tốn tiền. « Toa » ghé lại phân-khoa nha-y của trường Thuốc ở ngang góc đường Tràng-tiền Hội-vũ. Ở đây có giáo-sư chuyên-môn dạy cho các sinh-viên nha-khoa. Sinh-viên họ chữa cho dưới sự chỉ dẫn của giáo-sư.

Lời đề nghị nghe rất hợp-lý, Văn nghe theo. Chàng đến đúng giờ làm việc của phân khoa và sốt ruột ngồi ở phòng đợi, chờ đến phiên mình. Để giải trí, chàng để ý đến mọi chi tiết nhỏ xung quanh. Thú-vị nhất có lẽ là khi nhìn cái anh sinh-viên mang kính, mỗi lần gọi tên người bệnh thì gọi rất nhỏ và gọi giọng Tây. Gọi giọng Tây nghĩa là đánh vần các tên Việt-Nam một cách khó nhọc vì gặp những vần ngắn ngắn và những dấu giọng kỳ quái. Chẳng hạn vần Uyên, oach... dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng. Anh sinh-viên chừng đã nhằn-nại hết sức mới giữ cho khỏi phản nộ vì những cái tên oái oăm. Ngược lại anh, ông giáo-sư người Pháp của anh thì hình như bắt cần những bản-khoản hình thức đó. Ông bận sơ-mi cụt, quần tây cụt, mang xăng-đan đi đi lại lại không nhìn ai. Lũ lông lá đen ngòm trên cánh tay, trên ống chân cũng thản-nhiên phô-bày không ngượng-ngịu, không giấu-giếm không kiểu-cách. Chị sinh-viên áo hoa cà đáng chừng con nhà quý-phái nên nhìn cái răng nào của ai cũng tỏ đáng khó chịu. Tiếc thay người ta lại chỉ đem răng mà toàn những răng hư hỏng đến cho chị săn sóc nên chị không biết làm cách nào khác. Cái nhún vai và cái bĩu môi lặp đi lặp lại một cách đều đặn, cuối cùng. Văn coi như là một cử-chỉ chào đặc biệt của chị, chào những cái răng mới tới. Văn được một chị sinh-viên thân hình cực mảnh

CHUYỆN CÁI RĂNG

mặt mũi hơi xấu xí mòi vào ghế da. Chàng băn khoăn không biết như thế là may hay rủi. Người xấu xí thường làm việc rất tận tâm nhưng cũng có thể rất dễ cáu. Chị bắt chàng há miệng, liếc nhìn cái răng một cách lạnh lùng rồi cho máy khoan vào nạo. Văn sợ sự tàn nhẫn của hai bàn tay trả thù vì một người không đẹp thì có rất nhiều mối thù, thù những người đẹp, thù ông Trời, thù cha mẹ, thù cả những vật, những người không can dự gì đến sắc đẹp của họ hết. Sau mười phút hồi hộp, lo lắng, chàng được giải phóng. Về đến nhà trọ, chàng lật đật đem gương ra soi xem thì thấy một đường trám trắng tinh nằm giữa răng. Màu trắng tinh sạch có đủ tính - chất khoa học làm chàng yên tâm và tin tưởng. Đi giữa phố đông đảo chàng có cái thú hiên ngang của một người lành mạnh. Nhưng cái thú ấy hưởng không được lâu. Chừng hai tháng, thứ xi-măng trám tuy vẫn giữ y màu trắng nhưng bị mòn đi, trũng xuống. Chàng chưa kịp đưa đi trám lại thì chiến - tranh bùng nổ phải chạy tản-cư về quê. Cuộc chiến kéo dài, cái răng lũng dần, sâu rộng ra, hóa thành cái răng sâu thật sự. Thế là như mười mấy năm trước, sự vui buồn của chàng vốn chịu lệ thuộc ở nhiều điều-kiện, nay lại lệ thuộc thêm ở cái răng hoặc êm hoặc nhức. Thật vô lý hết sức là những cái răng sâu

Nó nhức bất ngờ cũng như nó êm không hẹn trước. Sáng ngủ dậy cảm thấy rêm rêm mà tìm mãi nhất-định không thấy lý do gì đâu. Nhức nhối tưởng có thể vỡ đầu ra được thế mà nằm ngủ một giấc. giấc ngủ đầy những mộng mị, cổ nhiên, — sáng ra thấy êm ả y như chẳng có việc gì vừa xảy ra hết. Sự bình thản êm đềm ấy có một vẻ gì dối trá giống như một

buổi sáng tươi nắng sau một đêm giông tố. Văn chịu đựng sự hành hạ độc đoán của cái răng mà không đòi hỏi gì ở nó hết. Nó không còn đủ khả năng để nhai nữa. Nó cũng không đóng vai « có mặt » như những cái răng cửa mà nhiều khi người ta giữ lại với một mục-dịch là để kín hàm răng. Mặc dù thế, nó vẫn cứ bẻ lần, bẻ lần. Cho đến một ngày nào đó trong cái năm kháng-chiến không biết thứ mấy, Văn phải giao nó cho cái kềm của ông bác-sĩ. Sự phân-khoa của ngành y-học hiện đại chỉ cho phép ông bác-sĩ toàn-khoa nhổ được răng chứ không chữa được răng. Chàng yên tâm vứt bỏ nó mà không phản-kháng gì hết vì sống bấp bênh giữa chiến-tranh người ta không có quyền lựa chọn, Và lại một cái răng thì có nghĩa gì khi cả cuộc đời một người cũng có thể dễ dàng bị xóa bỏ trong một vụ thả bom, trong một cuộc càn quét. Huống chi đời sống kham khổ trong khói lửa đâu để cho người ta có thì giờ và có phương-tiện nghĩ đến những bộ phận phụ-thuộc của con người như « cái răng cái tóc ».

Tuy vậy, sau đó khi một cái răng cửa mẻ đi một cạnh, Văn không giữ nổi bình tĩnh nữa. Chàng phải đi Bồng-sơn cậy một người thợ trồng răng người Trung-Hoa. Đó là người thợ giỏi nhất, theo như lời nhiều người giới-thiệu. Anh ta nạo bỏ cái phần sâu của răng và bịt vàng viền xung quanh. Lần này Văn tin cậy một cách rất tương đối ở lối chữa đó của anh thợ. Nạo lớp sâu mà không có thuốc gì khử được sâu đi thì tai họa chỉ bớt đi, làm cho chậm xảy đến chứ không phải là hoàn-toàn rạch bỏ tai họa. Nhưng vì lối chữa đó là lối độc nhất nên chàng phải tạm bằng lòng. Những lúc này, chàng thấy ước muốn

được chữa bởi mấy anh chị sinh-viên cầu thả ngày trước. Vì dẫu sao họ cũng còn phân-biệt được thế nào là cầu thả phản khoa-học và thế nào là khoa-học thật. Nếu họ không làm chu - đáo là vì họ không muốn làm chứ không phải là vì họ không biết làm. Chứ còn người thợ này thì chắc chắn là anh ta chỉ nhờ cậy ở trực giác và nếu may mà có thì ở kinh-nghiệm.

Hai năm .. Ba năm trôi qua. Tỉnh thoảng nhìn vào gương chàng dò xét cái răng và ngạc-nhiên thấy nó không bị sâu thêm. Mặt răng vẫn một màu ngà trắng. Chàng lạc quan kết-luận: Anh thợ Trung-Hoa thế mà làm nên việc. Sự luộm thuộm phản khoa học không ngờ lại đem lại kết-quả tốt. Nếu không nạo sâu và viền vàng, cái răng dễ đã hư mất từ lâu rồi. Và chàng thầm hẹn: Đừng bao giờ vội kết-luận khi vấn-đề chưa kinh-quá thời-gian.

Sau đó, chiến-tranh chấm dứt. Cuộc sống có đủ tiện nghi trở lại. Cái viền vàng của kỹ-thuật thời tiền chiến bị xem là lạc hậu so với kỹ-thuật răng xương vụn pi-vô, cũng như những mái tóc chải vồng, những mái tóc bỏ vào lược rất hợp thời thuở tiền-chiến đã bị thay đi bằng những mái tóc uốn quăn nhuộm màu. Vẫn không muốn chạy đuổi theo thời-trang nhưng mỗi bữa khoan vì cái răng chưa được chữa kỹ thỉnh thoảng vẫn ám ảnh chàng.

Một buổi chiều thứ bảy rảnh việc chàng đi rong chơi thành phố. Qua một ngã tư, vì phải đợi một đoàn xe dài chạy nối đuôi nhau, chàng lưu-ý đến một tấm bảng Nha-sĩ viết to bằng chữ đỏ. Tên người nha-sĩ quen quen. Nơi này trước kia lại là một hàng giải khát có khá đông nữ chiêu-đài viên. Chàng tò mò nhìn con đường

rải sỏi dẫn vào nhà, cái giàn hoa ti-gôn màu vàng nhạt. Nhớ tới cái răng hôm qua hơi ê và bực mình vì đoàn xe rầm rộ chạy không dứt, chàng bước vào phòng nha-sĩ.

Khi ngồi vào ghế da, chàng chỉ cái răng và kể tiểu-sử của nó Nha-sĩ lắng tai nghe. Đó là một người dong đồng cao, mắt nhỏ và tròn. Nét mặt có một vẻ gì ghen ngào bằng lòng, dễ dãi và cam chịu. Người nhỏ lúc đi học chắc thường bị chúng bạn ăn hiếp. Đôi má nhếch lên theo thói quen và nếp nhăn ở đôi mắt như chuẩn-bị để nhăn theo một cái cười giải-hòa. Hàm rộng khá rậm râu, chân râu vào buổi chiều đậm tua tủa. Nghe chàng trình bày xong, nha-sĩ thò kèm tháo cái viền vàng, lấy cái châm nhọn do thám kẽ răng rồi đột nhiên hỏi:

— Ở dưới nóu răng của ông có mọc một cái mụn.

— Vâng, tôi biết.

— Cái mụn mọc đã bao lâu? Ý tôi muốn nói lần đầu tiên một cái mụn như thế mọc ra, ông nhớ lại xem cách đây bao lâu?

Vẫn ngần ngừ tính toán một lát nhưng quả tình chàng không nhớ rõ bao lâu. Chắc đã có từ lâu lắm nhưng nghĩ ngược ngược, chàng nói:

— Chắc chừng 5, 6 tháng.

Nha-sĩ đứng xịch ra và nghiêm trọng nói:

— Ông cần rọi điện và chụp hình hàm răng.

— Vẫn ngạc-nhiên như mình vừa nghe lắm. Nha-sĩ chừng quen với những phản-ứng im lặng của bệnh-nhân nên điềm tĩnh giảng giải:

CHUYỆN CÁI RĂNG

— Cái mục mọc ở mãi trong này khiến tôi nghi-ngại là xương hàm bị có mủ. Sâu răng nó không ăn ra ngoài răng được nên nó ăn vào xương hàm. Phải rọi điện và chụp hình thì mới biết chắc mà chữa. Thế là chàng từ phòng nha-sĩ đi ra, tay cầm tờ giấy giới thiệu đi rọi điện. Lại vô lý hết sức là cái răng, chàng bực tức nghĩ Tưởng nhờ nha-sĩ băng thuốc, lấy gân máu rồi cưa tra răng xương vào, công việc dễ dàng và đơn giản như vậy, ai ngờ lại đi tìm thêm sự rắc rối. Mà cái răng có vẻ gì đòi hỏi cho cam! Nó vẫn tử tế như thường ngày. Con mắt xoi mói đa nghi của nhà khoa-học để vào đâu là y như họ thấy tai nạn có thể xảy ra từng chuỗi. Nhưng đã trót nghe trót biết, chàng phải làm y theo lời nha-sĩ vậy.

Chiều hôm đó chàng đến phòng mạch của bác-sĩ rọi điện. Khi xe lái vào đường, chàng lưu ý xem trên đường có những người quen nào thấy mình chăng. Chàng ngại bị bắt gặp bước vào một phòng khám bệnh. Chàng lấy dáng đi mạnh bạo, vẻ mặt vui tươi bình tĩnh bước vào Y như một người đi thăm một người bệnh hoặc là người bạn đến tìm thăm ông bác-sĩ.

Ở phòng đợi nhiều người đàn bà ngồi. Có người bình tĩnh như ngồi đợi một chuyến tàu. Có lẽ bệnh hoạn đối với họ đã quen thuộc. Một người đàn bà có mang bế một đứa bé gái chừng 2 tuổi. Đứa bé khóc, quấy, đứng dậy ngồi xuống và người đàn bà nhẫn nại chiều theo mọi cử động của con, miệng không ngớt dỗ dành. Đôi mắt người đàn bà chỉ nhìn xuống con và nhìn xuống đất. Thỉnh thoảng khi con thét lên thì đôi mắt ấy liếc nhanh qua hàng ghế trước mặt như ngấm xin lỗi. Vẫn thấy

quả đáng tội nghiệp là những người đàn bà. Họ nhận hết những phiền phức, những tội lỗi về họ. Trước mặt chàng, một người đàn ông cũng đang ngồi đợi. Vẻ mặt buồn và dáng ngồi khép nép nhu mì. Sự cô-đơn, dù vậy, vẫn chứa một vẻ gì ích-kỷ. Khi đau ốm, người đàn ông thường chỉ lo cho thân mình, còn người đàn bà đa mang hơn. Đó là một vấn đề phân công, chàng biết thế, nhưng chàng vẫn cảm thấy mình thiếu thốn bốn phần hết sức khi nhìn những người đàn bà bận rộn kia. Một tiếng phanh xe xích-lô lách cách vang lên. Lại một người đàn bà bế con bước xuống. Bộ quần áo nhàu nát và cái chân quần con bẩn thỉu phù hợp với vẻ mặt cần cỗi tối tăm vì nghèo.

Đứng một lát thấy mỏi chân, chàng ghé ngồi xuống một đầu chiếc băng gỗ. Vừa ngồi chàng vừa thầm trách mình : trong sự lo lắng vì bệnh tật, mình còn phân biệt sự sang hèn của chỗ ngồi. Ủ, mà thật vậy, những cái băng gỗ sơn xanh như thện thùng vì không nhận được những người khách sang trọng. Người đàn ông độc nhất ăn mặc đứng đắn là chàng thì chấp tay sau lưng đi đi lại lại hết nhìn những tấm phim rọi phổi rọi xương sống, vỏ não, tử-cung..., đến lăm nhăm đọc hết mọi chi-tiết quảng cáo thuật « để không đau ». Những người đàn bà đẹp và sang trọng không thấy ngồi ở cái băng bình dân ấy. Họ bước xuống xe, đi thẳng lại cửa kính gõ nhẹ vài cái tức thì cửa kính hé ra, đóp mắt họ rồi khép kín, im im. Những người ngồi ngoài càng thấy mình nhẫn nại và cam chịu. Một người đàn bà dáng chừng danh giá, không chịu thua, lại đứng chực sẵn ở cửa kính. Khi cửa hé nhả ra một bệnh nhân tươi tỉnh thì người

đàn bà xông vào không để cô y tá kịp giữ lại. Và cánh cửa lại khép. Vừa đến sau, vừa không phải là người đẹp, Văn đành ngồi tẩn mẩn thương hại vắn vơ cho con người phải tranh giành nhau cả trong những trường-hợp không thích thú gì cho lắm.

Khi cô y-tá lách mình ra mời chàng vào, sự hồi hộp làm chàng hơi choáng váng. Một cái răng, một mảnh xương hàm giá trị thật không bao nhiêu so với những hồi khám phổi khám tim nhưng vì nó có giữ những bí mật nên nó cứ gây ra hi-vọng và thất vọng liên-tiếp. Sự hồi hộp quá dễ dãi khiến chàng hơi bực mình.

Khi nằm lên cái bàn dài ở phòng tối, chàng khó chịu nhìn cái máy đồ sộ mà ông bác sĩ cho chạy nhẹ nhẹ từ trên cao áp gần xuống mặt chàng. Đây là cái máy nói sự thật, những sự thật thường là khiếp đảm, những sự thật phũ phàng phá vỡ hạnh phúc của những đời người. Nhưng niềm lo lắng của Văn vụt nhiên thấy nhẹ đi, như loãng ra khi chàng liên tưởng đến những bệnh nhân mang những bệnh trầm trọng đã từng nằm dưới cái máy này, đã đứng trước cái máy này. Tiếng ông bác-sĩ vang nhẹ nhẹ trong cái khí lạnh âm u:

— Ông nằm có thấy khó chịu không? Cái gối để như thế có vừa không?

Tiếng trả lời của chàng như tắt nghẽn:

— Vâng... Tốt... Được.

— Ông há miệng to ra. Đúng là cái răng này đấy nhé? Ông để hai ngón tay giữ dùm miếng phim này. Vâng Vâng. Giữ chặt như thế... Vâng. Ông yên lặng... Xong rồi.

Mọi việc xong trong nháy mắt. Cái phút quan trọng đã qua rồi. Khi ra bàn giấy để

trả tiền, chàng lưu-ý nhìn ông bác-sĩ và các cô y-tá. Những người này tràn đầy sức khoẻ giữa bầy bệnh nhân đang vây quanh họ. Chắc họ dễ cảm thấy họ sung sướng và yêu đời khi hàng ngày va chạm với toàn những người đau khổ. Hạnh phúc là một ý-niệm tương đối. Vậy làm y-tá chắc là dễ bằng lòng hơn làm nhân-viên ngân hàng, nhân-viên ngân-kho chẳng hạn. Lương mỗi tháng vài ngàn bạc mà cứ phải mãi nghe những con số triệu, tiếp xúc hàng ngày với những người mà con số ngàn không được ghi thành chương mục trong óc, mà tâm-trí chỉ chịu bận bịu với những con số từ trăm ngàn trở lên thì thật tủi thân vô cùng. Thật y như một người kém nhan sắc mà cứ phải nhìn mãi bóng mình trong tấm gương soi ở hiệu uốn tóc. Cô y-tá nhí nhảnh thưa:

— Thưa ông chiều mai đến lấy phim.

— Giờ này?

— Vâng.

Chàng mở cửa bước ra hiên. Không khí ở ngoài mát mẻ ôm chụp lấy chàng. Những bệnh nhân đang ngồi đợi đều ngẩng mặt lên một loạt nhìn vào chàng để tìm đọc một nét khổ đau. Chàng phải mỉm cười nhẹ nhẹ vừa cúi nhìn xuống đất.

Bụi bông giấy mọc ở mé hiên lá xanh dày, sáng rực một màu xanh dịu dàng. Rồi bỏ những máy móc vừa nhắc đến nỗi khổ triền miên của loài người, chàng thấy lòng mình êm dịu lại khi tựa vào thiên nhiên vui tươi và lành mạnh.

VÔ HỒNG

(Còn tiếp một kỳ)

Khuya

DOÀN-THÊM

Qua cơn rừng lá, cao chìm biển
Bạc dứt mưa chiều, tím thả sương,
Tạm cắt nỗi niềm ngăn giấy kín
Vẽ cho cây cỏ chút yêu đương

Phương khác tin xa đồn bão lửa
Trắng sao rồi cũng bén đau thương ?
Vẳng đen lại xuống đời lo tối
Cuộc sống hoang mang ngại lạc đường

Thấp thoáng qua rèm đôi bóng lướt
Sóng cầm đưa đầy bước tình tang
Ánh vui khung lụa bùng vuông sáng
Người mộng thay ta những thuở vàng

Đầu lân đuôi trống, bầy năm sáu
Gót nhảy đèn rung tiếng hát vang
Trái đất quay cuồng chưa đồ vỡ
Còn mưa rả rích, nắng chang chang

Đêm thăm trầm tư nước lặn trời
Thoảng buồn theo gió cuộn ra khơi
Vào quên nghe để dâng lời nguyện
Cho cỏ ngày mai gợn ráng tươi

Muốn gặt mùa hoa tặng mỗi người
Vén mơ tìm lại tuổi hai mươi
Bao nhiêu phai úa rơi thắm lặng
Ai sương xin vay một nụ cười

Sương loãng màu khuya lạnh ước mong
Tim gieo nhịp mới lắng giờ không
Thu lay u uất cảnh vi vút
Như tiếng than dài núi gửi sông

Rãy nhà trăng ngó, canh ngâm giã
Ý-thức la đà rủ ngọn thông
Mực chảy tan dần nông nỗi xám
Ôm thơ hẹn nắng buổi mây hồng.

Đ. T.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ONG-VĂN-CH'OM

Được khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon



CÔ LIÊU

Rút ngắn truyện CLEM của Henry Muller, giải thưởng Pháp Interallié 1960.

Cô-Liêu

CHÍNH Juchet, bạn tôi đã giới thiệu tôi với Clem trong một buổi họp bạn ở nhà anh. Tôi còn trẻ — 30 tuổi — nhưng không hứng thú với những buổi vui nhộn, tôi chỉ thấy con gái trơ trẽn, con trai thô lỗ. Vốn tính nhút nhát, mực thước, cần kiệm, tôi lấy làm tự mãn với nghề kế toán nhà buôn của tôi, tháng tháng lãnh 150.000 quan cũng đủ ăn tiêu, trong 15 năm cũng có xe hơi, máy giặt; bàn ghế trong nhà thì sạm dần dần, khi ấy tôi vẫn còn đủ để đi xi-nê, ca - kịch mỗi tuần một lần, mỗi tháng hai lần đãi bạn một bữa ăn ngon lành vui vẻ.

Không biết sao Juchet lại phục tãi tôi : — Với tài của anh mà không làm lớn thì cũng uổng. Có lẽ chỉ vì ngày đi học tôi gần hết lớp mà anh lại còn ở hạng dưới tôi.

Tôi vẫn có tính hay lý tưởng hóa đàn bà, mà lý tưởng hóa họ là trốn tránh sự thật, là run sợ trước đàn bà.

Tôi mơ màng một cô tóc vàng sậm, mắt xanh, khuôn mặt thông minh dịu dàng, làn môi kêu gọi, ngón tay tháp bút, dáng đi theo ý muốn riêng của tôi. Dáng đi của một người đàn bà đối với tôi là cái gì bí hiểm hơn cả ; người ta có thể ngắm ngía người ngọc bên cạnh mình trong bao nhiêu năm mà không biết đích xác dáng đi cùng vẻ mặt.

Đi ngoài phố tôi đã theo một cô đến mấy cây-số vì dáng đi của cô ta quyến rũ tôi.

Trong bữa tiệc tôi chán ngán đến nỗi anh em trách móc sự hiện diện của tôi làm hại cuộc vui. Clem lộ đầu vào nói :

— Chà ! có vẻ « giải chí » lắm đấy chứ !

Nàng đi với Henry Everding, người tôi chưa từng gặp ở nhà Juchet. Tôi nhận thấy ngay anh này ăn mặc « chiến » hơn cả mọi người. Anh có vẻ bất thiệp, vừa khiêu vũ vừa nói chuyện có duyên làm mọi người thích thú. Một người không giống những người khác. Thấy tôi Juchet nhắc : « Đi với Clem một bài đi anh ! » Everding cũng chêm vào : « Phải đó, người nhút nhát là người dễ thương hơn cả ». Tôi hỏi Clem :

— Có phải thế không cô ?

Clem cười :

— Tôi ngờ vực những người nhút nhát lắm. Everding cũng cho là mình nhút nhát đấy.

Tôi nhớ suốt đời lần khiêu vũ với Clem như mới xảy ra hôm qua, sau này tôi phải tự nhủ giá đừng khiêu vũ với nàng thì hơn. Tôi nhảy vụng về, chắc nàng nhận biết ngay.

Clem cười, dưới làn môi chín mọng hàm răng nàng đẹp như ngọc. Hẳn là nàng biết lúc ấy tôi muốn hôn nàng đến điên cuồng, vì nàng nhìn tôi một cách ngạo nghễ như muốn bảo « tôi hiểu anh muốn cái gì, nhưng đâu đến lượt anh ! ». Tôi còn bối rối hơn vì nhận thấy nàng mắt xanh, tóc vàng sậm mà tôi vẫn ước ao một người đẹp như thế. Nàng vuốt một mớ tóc xòa xuống trán và nói :

— Tên tôi là Clémentine, tụi họ đặt cho là Clem. Anh thấy thế nào anh Mandard ?

Tên tôi là Armand, tôi bất mãn với cái tên Mandard họ vừa đặt cho tôi nhưng

từ đây nàng cứ gọi tôi là Mandard. Chắc nàng phải hỏi tôi là ai khi thấy tôi khác hẳn những người kia :

— Lạ nhỉ, một người như anh sao lại đến những nơi này ?

Một lát sau Clem kêu chán ngắt, Everding bắt ngay lời :

— Đến nỗi anh chỉ muốn ngồi tâm sự với em thôi, trời ôi ! môi em, tóc em, làn da ngọc của em làm anh phát điên mất !

Và Everding làm như muốn gục đầu xuống gối nàng.

— Khó chịu với anh quá ! Tôi nghe đĩa hát này của anh 10 năm nay đã thuộc lòng rồi.

Lúc về Everding dẫn tôi và Clem lên xe của anh đi ăn đêm, một chiếc xe kiểu thể thao. Xe lướt qua chỗ sáng tôi có thể thấy rõ gáy nàng thon và đẹp. Tôi muốn hôn gáy nàng nhưng chỉ ngồi tưởng tượng ra cảm giác của tôi lúc ấy và phản ứng của nàng.

Hai người luôn luôn cãi vã với nhau. Tôi đoán rằng họ cặp với nhau từ lâu, ít ra có một người yêu thật nồng nàn lắm đấy, nhưng bây giờ thì không còn gì giữa hai người. Tuy chán nhau nhưng họ còn những kỷ niệm cũ, theo thói quen họ vẫn đi với nhau. Muốn biết Clem tất phải bắt đầu từ Everding. Trong bữa ăn này tôi chỉ nhớ rõ cuộc cãi vã giữa Clem và Everding, họ diễn lại một màn kịch mà họ thuộc lòng chi tiết và đối thoại.

Lúc về nàng bảo tôi : « Tôi ước ao sẽ được gặp anh luôn, cứ bảo anh Everding

giúp chúng ta. » Nàng nhìn tôi hơi lâu. Người khác có thể coi là một lời hứa, nhưng tôi chỉ dám cho rằng tôi mơ tưởng hào huyền.

*
* *

Clem về rồi, Everding bảo tôi :

— Anh làm gì ? Anh làm bộ như bận rộn công kia việc nọ tại phòng giấy nào ?

Một thanh niên kỳ khôi (hay cừ khôi). Trẻ, già, vui, buồn, sâu sắc nông nổi, thiệt tình tôi khó chịu đựng những kiểu người như thế. Anh không có tiền nhưng ăn chơi như ông hoàng. « Không có tiền đã khổ rồi, nếu phải nhịn đủ mọi thứ thì còn gì nữa. » « Tôi nghèo cũng như anh, nhưng có nhiều cách sống nghèo ». Tôi lưu ý anh về điểm anh nghĩ đến tiền nhiều quá, anh buồn rầu mà trả lời : « Người ta nghĩ nhiều đến cái gì người ta không có ». Nói đến Clem, anh bảo tôi : « Nếu anh hiểu thắng, ham danh lợi, anh có thể theo đuổi Clem, nàng kỳ lắm, người nàng để ý đến phải là người thành đạt. Tôi, tôi không dần dần, tôi không đứng đắn, vả lại tôi chỉ thích vui chơi. Đối với nàng phải một người thâm trầm, đứng đắn tuy nàng không phải là người như thế ».

Lúc chia tay anh còn dặn tôi : « Anh nên nói anh làm Giám đốc kế toán, có hiệu lực hơn ». Bắt tay rồi lại nói thêm : « Chán ngắt, bây giờ muốn ái tình mà phải về một mình. Tuy thế sáng mai tỉnh dậy mà thấy một cô nằm cạnh chắc tôi bực mình lắm ! ».

*
* *

Khi tốt nghiệp ra, nhà trường đưa tôi vào làm cho một xí nghiệp kỹ nghệ lớn.

Bouquet, vị Giám đốc của tôi, cai quản một chi nhánh, Ông ăn mặc rất lịch sự, tuy bề ngoài có vẻ vẫn vor nhưng thực ra tâm địa ông rất tốt. Sự ham thích duy nhất của ông là xem đá banh và nói truyện đá banh. Nhân viên trực thuộc muốn vay tiền trước, đều mở đầu cuộc thảo luận về các trận đá và đến phút thuận tiện, đặt một câu hỏi « hình như ông hỏi tôi có cần tiền không thì phải ? » Bao giờ Bouquet cũng cho người ta được thỏa mãn, đợi họ ra khỏi mới than phiền : « Thế là họ xoay được mình rồi ! »

Hắn ông cho tôi là một người ngờ nghệch : « Ông thích chơi gì ? Tôi không thấy cô nào gọi đây nói cho ông cả. Hắn ông là người cô-đơn. Tai hại cho sức khỏe lắm ! Đành rằng khi làm kế toán phải đứng đắn, nhưng... »

Ngày Clem gọi điện thoại cho tôi, ông nháy mắt, có nghĩa là : « À, có thể chứ ! » Ông chỉ phê bình có một câu : « Đeo cái ca-vát có rạch chỗ ấy, như thế hợp với màu tối bộ áo của ông. » Tôi nghĩ đến câu nói của Everding : « Nếu anh ham danh lợi thì Clem không thể không thích anh được », nhưng tôi hăm hở muốn thân với Clem.

Clem ở một căn phòng nhỏ nhà bà mẹ, trang hoàng có vẻ trưởng giả bằng đồ đạc thừa hưởng của ông nội bà ngoại gì đó. Juchet đã có mặt ở đây, ngồi chễm chệ trên đi-văng. Everding gửi lời cáo lỗi không đến được : « Bù đầu vì công việc, không cắt cánh được, quỳ dưới chân em xin tha tội ». Clem đọc xong mỉm cười : « Anh ta lại ngã vào giường cô nào rồi đây không biết ! ».

Juchet không ngớt nhắc lại rằng thông minh tài ba như tôi không hiểu sao bây giờ mới là kế toán viên. Clem cũng hùa vào : « Anh có cho rằng ở đời phải luôn luôn vượt mình, cố gắng ngoài giới hạn sức lực của mình không ? » Tôi nhận thấy tủ sách của nàng rất ít tiểu thuyết, phần nhiều chỉ là sách sử học hay chánh trị. Nàng ưa âm nhạc, nhưng tôi thật quả không hiểu gì về tiếng nói của âm thanh ; nghe nhạc tôi chỉ buồn ngủ.

Đã 30 tuổi tôi chưa yêu bao giờ. Tôi tin rằng tôi thuộc về loại người không thể có được tình yêu sâu sắc, sau cùng tôi phải cho rằng ái tình chỉ làm mất thì giờ.

7 giờ. Juchet cáo từ về trước. Clem hỏi tôi :

— Hình như anh là một người cô-đơn. Trong đời anh không có một người đàn bà đi qua hả ?

— Tôi cũng muốn hỏi cô thế.

Clem mỉm cười :

— Chắc Everding đã nói với anh.

— Anh ấy chỉ nói chuyện mình thôi.

— Tôi đã yêu anh ấy trước kia.

— Anh đáng yêu lắm.

— Phải, đáng yêu, thông minh, lanh lợi, tâm địa tốt lắm. Nhưng không thể là chồng tôi được. Anh sẽ là chồng lý tưởng của những cô gái giàu có. Nhưng tôi nghèo, tôi chỉ có thể yêu một người đứng đắn để cùng nhau tiến lên.

Clem đứng lên. Chân nàng xinh đẹp, ngón tay tháp bút. Áo nàng che khuất một thân hình mà tôi không muốn đoán xem thế nào. Nàng đứng trước mặt tôi đột

thuốc lá. Tôi c-lệ quay mặt đi chỗ khác. Lúc ấy tôi hiểu rằng tôi yêu Clem.

— Anh là một thanh niên nghiêm nghị. Anh có ưa nghề không ? Anh là kế-toán viên của một công ty dệt phải không ?

— Giám đốc kế toán, tôi chợt nhớ lời bạn dặn.

Lúc về tôi cầm tay nàng hôn. Nàng nhìn tôi trầm ngâm.

*
* *

Chưa bao giờ tôi là một nhà thể thao hiểu theo nghĩa tích cực hay tiêu cực, nghĩa là tôi không chơi một môn thể thao nào mà cũng không đi xem biểu diễn thể thao. Bởi vậy, hai ngày sau Clem đề nghị với tôi đi xem đấu Rugby tôi rất bối rối. Bouquet nói :

— Tôi không muốn xen vào đời tư của ông, nhưng cứ thành thực mà nói, đàn bà ưa Rugby, ưa lối thể thao dũng mãnh ấy không có gì là tốt đẹp đâu. Nhưng túc cầu thì khác, à nói đến túc cầu, ông có biết tin hội Sochaux mới thắng hội tuyển Aix chủ nhật trước ?...

Đến sân vận động, tôi chẳng thiết gì đến trận đấu, trong khi trận đấu đem lại cho Clem những cảm xúc mãnh liệt. Tôi quên cả đứng giậy lúc nhạc trời bài quốc thiều. Anh làm nàng phải nhắc : « Đứng lên, bỏ mũ ra chứ, anh ! Cái gì cũng phải nhắc anh cả ».

Lúc về nàng cũng phải kêu lên : « Anh khác hẳn những người bạn tôi quen biết ». Nàng để cho tôi hôn lên cổ tay nàng, chỗ mạch máu đập, tôi biết sơ về thể chất nàng, chỉ thể chất nàng thôi.

Đêm ấy về nhà tôi ngủ ít, lần đầu tiên tôi yêu, nghĩa là tin chắc mình đã tìm thấy người lý tưởng, không thể có người thứ hai. Nào tôi đã biết gì về Clem sau những cuộc tiếp xúc ngắn ngủi và sơ sài? Nhưng bấy giờ tôi tưởng rằng tôi có khiếu hiểu biết sâu xa tâm lý người khác khi tiếp xúc với họ một vài lần. Nhưng tôi đã lầm, sau này trong đời gặp bao nhiêu buồn thảm tôi mới biết rằng không bao giờ mình hiểu được người.

Sống chung không phải chỉ có yêu nhau, còn là vấn đề quen sống với nhau, mà thói quen giết chết ái tình! Tôi muốn sự liên lạc của tôi với nàng là một sự tâm giao đặt trên nền tảng tình thần, một mối tình khác tục, nhưng tôi cũng muốn ôm lấy người nàng say sưa vật dục. Bây giờ nghĩ đến thật khó hiểu, sao mình lại có thể có những khát vọng trái ngược như vậy.

8 giờ sáng hôm sau tôi gọi điện thoại chính nàng ở đầu dây nói:

— Có chuyện gì thể anh?

— Có chuyện là tôi đã suy nghĩ suốt đêm qua, tôi yêu Clem.

— Mà sáng bảnh mắt ra anh nói với tôi. Tôi tin là anh nói thực tôi không tin lời người tỏ tình lúc quá trưa.

Nàng hẹn tôi lại một tiệm cà phê. Tôi đến trước, phải dùng một ly rượu mạnh để lấy hơi, tôi cần phải sáng suốt và can đảm, cần phải vượt mình. Clem đến trễ 5 phút, bộ hót hải làm tăng vẻ duyên dáng của nàng. Tôi đợi bồi đặt cốc ulyt-ki trước mặt Clem, làn khói thuốc đầu tiên ở môi nàng tỏa ra, mới bắt đầu kể chuyện tôi:

«Chắc cô muốn biết rõ tôi là ai. Hẳn cô vui lòng nghe tôi kể chuyện tôi. Tôi mồ côi cha từ hồi 17 tuổi. Sinh thời cha tôi là người kiến thức rộng nhưng hiền lành nhu nhược, ông chỉ vùi đầu vào sách vở và khảo cứu sưu tầm. Thực ra tôi chỉ nhận sự giáo dục của bà mẹ. Mẹ tôi thường nói: «Sau này con phải là người cố gắng vượt mình, không ai biết giới hạn khả năng của mình ở đâu. Chớ như cha con để mặc cuộc đời muốn đưa mình tới đâu thì đưa».

Clem ngắt lời:

— Bà cụ có lý chứ?

Clem gọi một cốc ulyt-ki thứ hai rồi nói:

— Cha tôi là người nghiện rượu rất đáng mẫn. Ông đã ly thân với mẹ tôi từ năm tôi 12 tuổi và sống một mình ở Alsace. Còn mẹ tôi là người phù phiếm, giao du rộng mà đầy thành kiến...Tôi chỉ rút được một kinh nghiệm về gia đình là không nên lấy một người chồng kém ý thức tranh đấu, mình sẽ bị lôi cuốn vào cuộc sống tối tăm.

Nàng đã hiểu lầm cha tôi, vì cha tôi không phải người lỗi lạc, nàng cũng không hiểu nàng, nàng chỉ là người gây khó khăn cho chồng chứ không khuyến khích được chồng tiến bước đến chỗ thành đạt.

Sau tôi biết dần tật xấu và nết tốt của Clem. Tôi khinh ghét nàng cũng bằng tôi yêu nàng. Clem có sự hiểu biết của một bà cụ non. «Sống đời với nhau không phải chỉ là tình yêu suông, không phải chỉ là thủ thỉ bên tai nhau những câu ân ái đã học thuộc lòng trong tiểu thuyết, còn gia đình của anh và của tôi, tính tình, khát vọng của anh và tôi. Anh có biết không,

ở bên một người ta biết rõ chân răng kẽ tóc mãi rồi cũng phát ngán. Tôi là tôi, là Clem, anh là anh, là anh Mandard có duyên, đa cảm, ngây thơ, ngu ngốc. Nom anh thật duyên dáng đeo cái ca-vát chữ nhau dữ dội với bộ áo ».

Clem uống rồi nói nữa :

— Nếu anh đã yêu tôi thì tôi chẳng làm thế nào tránh được. Thực ra anh xứng đáng hơn địa vị anh bây giờ, miễn là anh đừng ngu gât.

Tôi giật mình nghĩ đến lời bạn Everding : « Nếu anh háo thắng thì sẽ đẹp đôi với Clem ».

Nàng hỏi tôi lương tháng bao nhiêu, tôi nói con số. Nàng mỉm môi chê là ít quá.

Thời kỳ chuẩn bị hôn nhân không lâu. Trong lúc ấy chỉ có 2 điều đáng kể. Thứ nhất mẹ tôi thất vọng hoàn toàn. Người thấy nàng mất dậy và nguy hiểm, mà lại uống rượu như hũ nút. Điều thứ hai là việc xin tăng lương, nàng hối thúc tôi xin tăng lương lấy cơ lập gia đình ăn tiêu tốn. Những loại công việc này vẫn làm tôi toát mồ hôi, biết trước mình sẽ đáp ứng. Tôi tìm cơ để lùi ngày vào gặp chủ. Nhưng rồi sau cũng phải qua cuộc thử thách gay go. Bouquet hỏi tôi xin thêm bao nhiêu rồi đồng ý ngay đề nghị lên cấp trên. Tôi không ngờ lại giản - dị quá thế. Tôi hiểu rằng tôi xin ít quá mà ông cũng sung sướng rằng tôi không đặt ra vấn - đề gì cho ông. Dầu sao tôi cũng khoan khoái như vừa mới thoát khỏi một tai nạn.

Tuần trăng mật chúng tôi đến thăm ông thân sinh ra Clem ở vùng Alsace. Ông bảo tôi « Clem là phân nửa của tôi còn

phân nửa của mẹ nó. Chắc là mẹ nó cho rằng tôi đã truyền lại tính xấu cho con : hoang toàng, ích kỷ, không biết lo thân, lãng mạn, vô lý, lại còn loạn thần kinh. Tôi không muốn nói đến tật xấu của mẹ nó, vả chăng mẹ nó có nhiều nét tốt. Đây, tôi mong rằng anh gỡ được nút rồi ấy mà tạo một gia đình êm đẹp ».

Mẹ nàng muốn làm cưới hỏi trọng thể, bà bắt măn vì lễ cưới giản dị « trong vòng thân mật », phải than phiền với con : « làm như mày đã mang bầu 7 tháng không bằng ».

Chiều hôm ấy trong khi đợi dùng bữa chúng tôi ngồi ngắm ánh chiều tàn nhạt dần trên sườn núi. Tất cả cảnh vật như lẫn với người Clem làm một.

Tôi ôm người nàng trong tay, tôi nghĩ rằng tôi không phải người đầu tiên yêu nàng như thế nhưng tôi cũng biết nàng ngạc nhiên rằng bây giờ nàng mới rõ ái tình chân thật với tất cả cái gì lôi cuốn, vụng về, con trẻ, và mạnh mẽ nữa.

*
*
*

Về tới nhà, Clem bắt đầu thu xếp công việc nhà cửa. Tôi nhẹ người vì từ nay trút được những bận tâm về vật chất cho người vợ tháo vát.

Dần dà tôi vừa ngạc nhiên vừa lo ngại khi nhận thấy nhà rất nhiều đồ đạc mới, có thứ sang trọng đủ tiện nghi tối tân, công việc sửa chữa luôn luôn không ngừng. Tôi hỏi thì Clem giải thích : « Anh không phải lo, để em làm. Việc của anh là kiếm tiền về để sống được sung túc ». Nhưng tôi nhận thấy nàng lo lắng không yên tâm. Tôi hỏi không bao giờ nàng trả lời.

Có khi đang đêm tôi tỉnh dậy. Ngắm nàng ngủ tôi thấy nàng đẹp hơn. Tôi tự hỏi nàng giấu gì tôi dưới cái trán bắt đầu hiện lên một chút nhăn. Nàng vẫn tỏ ra tự tin, có bản lĩnh hơn tôi. Tôi sợ đến nỗi không dám hỏi nàng có sung sướng không. Ngoài sự ôm ấp mê say của vợ chồng mới cưới, bây giờ tôi mới biết, không có sự cảm thông sâu xa giữa hai tâm hồn.

Các bạn tôi thường nói: «chị ấy là người đàn bà mạnh, đúng là kiểu người cần cho anh».

Năm đầu lập gia đình tôi sống trong ảo tưởng ấy.

*
* *

Một đêm, chúng tôi đi ngủ vào khoảng 11 giờ. Clem nằm đọc một cuốn truyện trinh thám loại rẻ tiền, tôi nằm vuốt ve mái tóc nàng. Độ nửa đêm nàng hét lên như con trẻ bị té. Tôi ôm chầm lấy Clem, nàng đẩy tôi ra:

— Chúng ta nguy mất!

Nàng còn quay bộ mặt dữ tợn lại nhìn tôi:

— Đừng có bộ mặt ngay thườn ra thế kia, thôi đi dậy, ra phòng khách em nói truyện.

Phòng khách lạnh lẽo, tôi rét run như cây xẩy. Nàng nhìn tôi nói không úp mở:

— Em đã vay 2 triệu mà 15 ngày nữa phải trả.

Tôi lạng người đi như trái đất xụp đổ, hồi lâu mới ấp úng:

— Bây giờ chúng ta sẽ ra sao?

— Anh chỉ biết nói có thể thôi à. Anh không tháo vát chút nào cả!

Nàng bình tĩnh trở lại, đổ tội lên đầu tôi:

— Anh không tưởng tượng được mức sống của mình thế này tốn bao nhiêu à. Với số lương chết toi của anh....

— Sao em không hỏi anh để kiếm thêm.

— Trời! Đợi em phải hỏi sao? Chính anh anh phải biết như. Nhưng anh chỉ là anh thôi.

— Nghĩa là?

— Nghĩa là một viên chức nhút nhát, không có lấy một chút ý thức cầu tiến nữa.

Nàng lấy rượu đổ cho tôi rồi ra chỉ thị cho tôi phải thi hành, ngày mai đến điều đình với chủ nợ và xin chủ tăng lương.

— Anh thông minh, hiểu nghề, nhưng cần phải thúc đẩy anh. Em biết anh giận em lắm. Nhưng nếu em bảo anh đi vay chắc anh không chịu. Cứ như anh thì đến bây giờ nhà cũng chỉ có một giường với bộ bàn ghế ngồi chơi là hết. Thôi anh hoạt động lên một chút, bây giờ là dịp anh tỏ ra anh không đến nỗi xoàng.

Nàng đặt tay lên đầu tôi:

— Ngày mai anh sẽ phải ngạc nhiên vì sự thành công đầu tiên của anh, và có lẽ vì anh đã che chở cho em nữa.

Tôi nhìn Clem. Lúc ấy tôi hiểu rằng nàng yêu tôi hay ít ra nàng yêu hình ảnh nàng tự tạo ra về tôi, dầu sao nàng cũng nuôi những hy vọng lớn và không có ác tâm, tuy rằng cử chỉ của nàng có nghĩa một tối hậu thư: « một là anh thắng, hai là chúng ta gãy gục »

Trời dần dần hửng sáng. Tôi uống một cốc rượu mạnh rồi tắt đèn. Khi vào đến phòng ngủ, chẳng cần nhìn cũng biết nàng ngủ say. Hơi thở nàng đều và bình tĩnh như thường.

Ngày hôm sau Clem không nói gì đến chuyện ấy, nàng có vẻ thư thái hơn mọi ngày.

Tôi đến thăm người chủ nợ Gonzalez. Ông ta nhìn tôi với con mắt hiền từ khiến tôi ngạ: nhiên. Tôi ngồi nuốt nước bọt, nghĩ đến con mắt nghiêm nghị Clem nhìn tôi, đến lời nhấc của nàng: « chưa đánh đã chịu thua! »

Tôi hỏi Gonzalez:

— Ông trao cho người ta một số tiền quan trọng vậy, ông có nắm vững đủ bảo đảm rằng người vay có thể trả được không?

Ông có vẻ nghĩ ngợi, đốt thuốc hút rồi mở hồ sơ:

— Bà nói ông đau nặng không thể làm việc được, tôi có thể từ chối việc cứu giúp một người trong cảnh khốn cùng không? À, ông có vẻ mạnh rồi thì phải? Trong những trường hợp đặc biệt này tôi phải tính lời cao hơn một chút, giao ước đã nói rõ trong 5 tháng phải trả đủ 2.400.000 quan cả vốn lẫn lời.

Tôi giật mình. Ông ta chỉ đợi lúc ấy, như người xạ thủ đợi con thú đưa trán ra là nhắm thật đúng mà bóp cò. Ông dúi đầu thuốc xuống cái gạt tàn, ngửa người ra lưng ghế:

— Ông nói ông không biết gì việc vay mượn này, nhưng không vì thế mà ông khỏi trách nhiệm. Tôi đã điều tra

biết ông lập hôn thú theo chế độ để tiền của chung. Ông là người có địa vị có danh giá, chẳng lẽ vì...

— Xin lỗi ông tôi không nói rằng tôi không trả, tôi đến yêu cầu ông cho một hạn trả dễ dàng hơn. Tôi đề nghị với ông mỗi tháng trả 100.000 quan, nghĩa là trong 2 năm kể từ đầu tháng tới.

Gonzalez không chịu và lớn tiếng. Lúc ấy hình ảnh Clem hiện ra, mặt nhợt, nom thật đáng thương. Tôi đứng dậy:

— Tôi nhận thấy bàn cãi cũng vô ích. Chỉ còn cách ông báo cho chủ tôi biết để ộp lương hay để hãng đuổi tôi ra với món trợ cấp chắc là không tới 2 triệu. Ông đến tịch thu bàn ghế về mà bán.

Bỗng nhiên Gonzalez đầu dụi:

— A tôi có nóng nảy một chút. Ông biết cho 2 triệu không phải món tiền nhỏ. Nhưng ông góp mỗi tháng 100.000 thì thiệt cho tôi quá. Tôi có thể nhận 150.000 mỗi tháng và tăng lời lên 25 phần. Chúng ta thỏa thuận chứ! để tôi xin hãng ông bảo đảm.

Thế là lương tháng bị khấu mất 2 phần 3. Không biết làm sao sống được trong 2 năm.

Trở về tôi gặp Everding tại quán rượu. Anh vẫn ăn mặc lịch sự đáng dấp phong lưu, cười nói, tán tỉnh với các em. Anh vượt những khó khăn của đời sống bằng cách không nghĩ đến nữa. Không biết anh ta có sung sướng không?

Tôi mời anh lại dùng bữa tối với chúng tôi. Anh mang những chuyện thiếu nợ, chinh phục phụ nữ, xe hơi, ra nói với giọng bốn cọt làm Clem thỏa chí cười.

Lúc đi ngủ nàng bảo tôi : « Có lẽ ta cũng phải coi nhẹ việc đời như thế đời mới đỡ khổ ». « Tối nay em muốn anh yêu em hơn bao giờ » Trong tối nàng không nhận thấy nước mắt tôi trào lên không biết vì nguyên do nào. Tôi phải lau một hạt nước mắt rơi xuống má.

*
* *

Chiều hôm ấy tôi gặp Bouquet. Ông không vui vì hội bóng tròn Sochaux bị xếp hạng dưới. Lúc chờ đợi, tôi có cảm tưởng như bị đưa lên bàn mổ 3 lần rồi lại về nằm đợi phiên khác. Khi nghe tiếng Bouquet vào, tôi có phút sáng suốt như kẻ chết đuối trước khi chìm nhớ rõ hết những việc quan trọng trong đời mình.

Đối với Bouquet, tôi không phải người đầu tiên đến vay mượn xin xỏ, nhưng thật quả lúc ấy tôi chỉ là đứa trẻ sắp khóc đợi

người ta dõ dạnh gặng hỏi mới nói ra. Tôi xin tăng lương thêm 250.000 quan. Bouquet chấp nhận dễ dàng và sẽ đề nghị lên cấp trên. Nhưng đến món nợ muốn xin hăng bảo lãnh dùm thì khác. Clem dặn tôi phải ngang nhiên yêu sách như bất kỳ một công cuộc làm ăn nào. Nhưng tôi chỉ có một khí giới : tỏ ra mình cơ cực để người thương hại (miễn là lúc về sẽ nói với vợ khác) Tôi kể hết chuyện với ông. Ông ghi nhận con số — con số nợ của tôi — và nói : « Ngày mai tôi sẽ nói với chủ. Bây giờ tôi không thể hứa gì với ông cả ».

Clem đợi tôi ở đầu dây nói : « Em sợ anh không đủ kiên quyết mà đòi hỏi ». Tôi biết rằng hôm nay về nhà tiếp xúc với vợ sẽ gay go hơn đương đầu với khách nợ và chủ hăng.

Quả như vậy. Clem mời Juchet lại. Tôi đến trước mặt hai người gần như một

ĐÃ PHÁT HÀNH :

CÁI BONG BÓNG LỢN

của PHAN-VĂN-TẠO

15 truyện ngắn đặc sắc của nhà văn quen thuộc mà bạn đọc BÁCH KHOA hằng ưa thích.

NAM CHI TÙNG THƯ
XUẤT BẢN



bị can đến trước quan tòa. Họ không hiểu tôi chỉ là người nhút nhát thấy khó đến người là muốn trốn tránh. Hai người không biết cho tôi đã phải cố gắng đến mức nào, còn chỉ trích tôi thiếu tự tin, không hết sức, không đòi hỏi xin tăng 300 000 hay 400.000. Tôi nổi khùng cãi lại thì Clem lạnh lùng. « Bây giờ thì anh làm bộ cứng làm gì? Đừng tìm cách lên mặt với tôi để che lấp sự nhu nhược của anh khi đến trước mặt chủ ».

Tôi bỏ đi vào phòng ngủ. Lần đầu tôi ghét Clem, nàng bách thúc tôi thành người trái ngược với bản tính của tôi, tôi bắt buộc phải sống với một người không thể đem lại hạnh phúc cho tôi.

Juchet về rồi. Clem vào nằm gần tôi. Lần đầu tiên tôi thấy nàng tỏ vẻ thất vọng:

— Anh, không biết rằng rồi đây, chúng ta sẽ ra sao !

Nhưng tôi còn nghi vợ vẫn thì nàng đã ngáy đều, thể xác nàng gần tôi nhưng tâm hồn nàng xa tôi quá.

*
* *

Sáng hôm sau tôi được Bouquet cho biết viên tổng giám đốc Lardin mời tôi đến. Ông không nói gì, bắt tay tôi, mời ngồi rồi mới vào đề :

— Ông đã lấy một người vợ tai hại. Ông chỉ trách nhiệm một phần về món nợ này, nhưng tôi thiết tưởng một người không giữ được cho đời sống mình an toàn là người không tự chủ. Nhưng đó là việc riêng của ông, tôi chỉ xin lưu ý ông tới điều này : một người chủ không thể nào chấp nhận một cộng sự viên vì việc riêng mà kém tận tâm tận lực.

Ông chấp thuận cho tôi vay trước món tiền để trả nợ khấu trừ dần vào lương tháng, việc ấy không tổn hại gì đến quỹ của xí nghiệp, nhưng không chấp thuận cho tăng lương vì như thế là thiên vị — tôi chưa đáng được hưởng lương hậu hơn bạn đồng liêu cùng khả năng cùng chức vụ — người khác sẽ sinh lòng ghen tị.

Clem được tin ấy thì ghen ngào :

— Biết làm sao mà sống !

Tuy biết tôi đã phải qua những cuộc thử thách thế nào, Clem cũng còn nói được :

— Anh không biết cách đòi hỏi. Anh không phải là người biết cáng đáng những loại công việc ấy !

Tôi muốn trả lời « Anh chưa từng biết một người nào sinh ra để cáng đáng những loại công việc như thế ».

*
* *

Bây giờ tình hình sáng sủa hơn, tôi trả nợ trong 2 năm và sống với số lương bằng nửa trước. Người ta gọi thể là thất lưng buộc bụng, nhưng Clem gọi là « phấn đấu ».

Người ta quan niệm cuộc sống như một trận đánh bốc. Hai đối thủ luôn luôn tìm chỗ hở, đánh dử miếng cho địch lầm đỡ để đánh miếng khác trong lúc xuất kỳ bất ý. Tôi chưa biết đời là trận đấu và tôi chưa biết kính trọng luật chơi. Giảm bớt sự ăn tiêu cũng không phải là dễ, sống giữa một xã hội trưởng giả có những bó buộc, những bề ngoài không thể bỏ hẳn được Clem than thở : « Cái bóp của em cũ quá, em không thể đến nhà má với thứ đồ cổ của viện bảo tàng, còn có kẻ nợ người kia ». Tôi trả lời : « đến sở anh phải lấy chân nợ che lỗ

húng chiếc giầy chân kia ». Rút cục rồi Clem mua bốp và tôi mua giầy. Có bạn đến, Clem cũng không thể làm cơm kém trước. Nàng còn có quan niệm : « Nghèo khổ là lúc nào cũng bị khinh khi, chịu nhận cảnh đời nghèo là tự làm ô-nhục mình ».

Tôi nhận thấy tay nàng chai lại vì giặt ủi và bếp nước. Người nàng mảnh mai yếu đuối, tôi sợ không kham nổi công việc tất bật từ sáng đến tối.

Một bận tôi ngủ dậy thấy nàng lúi húi dưới bếp, dơ dáy, lười thôi. Thấy chồng, nàng gượng mỉm cười : « Em phấn đấu đấy anh ạ ! » Nhưng ác quá, nàng bắt gặp mắt tôi chăm chăm nhìn nàng. Hẳn nàng phải tưởng tượng ra tôi nghĩ gì ? Một con lọ lem. Hình ảnh con lọ lem sẽ in sâu vào trí óc tôi và sẽ xóa nhòa hình ảnh của nàng trước kia. Nhưng tôi, tôi tự nghĩ không có quyền bắt nàng sống khổ sở như thế ! Clem phấn đấu, còn tôi thì không. Từ ngày trả nợ xong tôi yên chí, cũng không nghĩ đến cách tìm việc làm kiếm thêm. Nàng ngoắt tay lau mồ hôi trán, ngược mắt nhìn tôi rồi bỗng đứng bật tiếng khóc, bỏ chạy lên nhà.

— Anh chẳng làm nên cái trò trống gì mà lại còn lấy làm bằng lòng với cảnh nghèo cực này. Thôi từ nay em bỏ cuộc. Ngày mai không còn một xu. Họ đến thu

tiền điện sáng nay không có. Mai họ trở lại cắt điện đó.

* *

Bây giờ đến thời kỳ đi đâu cũng kể lể cảnh cùng quẩn của mình. Phải làm sao « đứng vững » được trong cơn sóng gió. Cha tôi lấy làm xấu hổ khi phải vay ai một đồng. Bây giờ tôi phải đến tìm bạn cũ để « mượn tạm ». Có người bắt tôi kể nông nỗi, tôi còn thêm thút vào để gợi tình thương. Đoạn kết vẫn là lúc bạn tôi vừa móc túi vừa hỏi : « Anh cần bao nhiêu ? » và « bao giờ có anh trả tôi cũng được ». Tôi trở về, xấu hổ hiện lên mặt, như các tiểu thuyết gia thường nói, nhưng thực ra xấu hổ in vào trái tim.

Một buổi tối Clem bảo tôi : « không biết anh có hiểu em không, chứ em chắc rằng em đã không hiểu anh. Anh biết chứ, em yêu anh lắm và chắc anh cũng yêu em lắm nhưng điều ấy không đủ để tác hợp hai người. Có bao giờ anh chịu nghĩ ái tình là gì không ? » Tôi không nhớ tôi trả lời nàng thế nào. Tôi chỉ nhớ câu nói ấy vì nó đánh dấu một khúc quanh của đời tôi. Nàng quan niệm rằng lứa đôi là một cuộc phối hợp để đức tính của người này bổ xung chỗ khiếm khuyết của người kia.

— Nếu chúng ta thất bại là vì anh cố công vùng vẫy nhưng không tìm được ở



em cái gì anh không có, em cũng thế...

Clem lầm tưởng rằng nàng có thể uốn nắn cho tôi thành người như ý nàng muốn. Tôi uất giận lắm phải nói thẳng không kiêng nể gì nữa :

— Mình chỉ đáng lấy một người chỉ biết làm tiền.

— Tiền tiêu biểu cho sự thành đạt.

Không biết sao tôi liều lĩnh thách với Clem :

— Mình tưởng tôi không biết làm tiền hả ? Tôi đang mưu tính một việc kinh doanh. Rồi ta sẽ giàu, bấy giờ chắc mình phải khâm phục tôi.

Bây giờ tôi còn nghe tiếng nàng cười, nàng cười... vài ngày sau Clem hỏi tôi xem công việc tiến hành đến đâu rồi thêm :

— Em không hỏi sẵn hỏi đón làm phiền anh đâu, chỉ báo tin cho anh biết có giấy đòi tiền nhà của trưởng tòa đưa lại. Anh, anh có công việc bận rộn không có thì giờ nghĩ đến sự thất bại. Anh không bị ám ảnh, nhưng em, em không thể...

Từ đấy tôi nào chúng tôi cũng chỉ lanh quanh với vấn-đề tiền nong, giấy đòi nợ, và thuật khất nợ. Chúng tôi lần lượt thay nhau đóng vai trò thất vọng và khuyên giải.

Everding bình như đứng về phía Clem : « Coi chừng, anh sẽ mất Clem, phần đầu đi chứ, cứ ý xác ra thế kia ! » Tôi cãi lại « Đâu phải lỗi tôi ? — Tôi đã cho anh biết trước nàng báo thẳng, muốn thành đạt cho nàng và cho cả người nàng yêu ».

Rồi đến ngày Bouquet lạnh lùng đưa cho tôi coi giấy của sở thuế vụ khấu trừ lương để nộp thuế lợi tức : « Đáng ngại cho ông thật, trừ thuế đi, lương ông không

còn gì cả. Ông có bà con nào giúp đỡ ông không ? »

Lần đầu tôi nghĩ đến ý muốn tự sát. Tôi không muốn nói cho Clem biết, tôi có quyền làm Clem hoảng sợ không ?

Bất thần tôi muốn thi hành một kế xoay tiền mà trước đây tôi gạt đi, nhưng nó dai dẳng bám lấy tôi, giờ thì choán cả tâm hồn rồi.

Hôm ấy về nhà tôi báo tin cho Clem, công việc của tôi đã có kết quả. Chỉ trong 48 giờ có tiền xài. Mặt nàng ủ rũ đã bao lâu, trở lại tươi, không bao giờ tôi quên nụ cười của Clem hôm ấy. Nàng ôm cổ tôi hôn, nói không được vì nghẹn ngào sung sướng.

*
* *

Công việc của tôi là giữ kế toán với khách hàng và ngân hàng, tự tôi lập chi phiếu và ghi số tiền vào sổ. Biết rằng có khách hàng ưa lãnh tiền mặt, tôi không khó khăn gì ghi con số tiền vào chi phiếu to hơn số tiền phải trả cho khách hàng. Chính tôi đến ngân hàng lãnh số tiền ấy về giao cho khách hàng. Chỗ lãnh thừa ra tôi có thể bỏ túi một cách ngon lành, miễn là ghi vào sổ và cuống rãng cửa của chi phiếu thì ghi đúng số trả khách hàng.

Phải so sánh sổ ấy với chương mục ngân hàng mới biết chỗ gian lận, nhưng Bouquet ngại làm công việc kiểm soát ấy, chỉ so sánh sổ ghi sổ cuống rãng cửa chi phiếu với sổ quỹ thành không thấy gì đáng nghi ngờ. Tôi vẫn được ông tín nhiệm.

Tôi lý luận rằng tôi có quyền bảo vệ cuộc sống. Tôi đã chịu những hình phạt quá nặng đối với lỗi lầm, giờ tôi không

có lỗi gì cả. Thật là muốn che lấp tiếng nói của lương tâm không đến nỗi khó khăn như người ta tưởng.

Tối hôm ấy tôi sống với vợ những phút vui sướng nhất đời. Bao nhiêu khổ cực đều quên hết, tôi chỉ thấy trước mặt tôi người vợ trẻ ôm cô tôi mà thổ thề :

— Sao anh ít nói thề, làm em đã không biết tài sức anh !

Chúng tôi bắt đầu đến một khách sạn danh tiếng « chọn thứ gì đắt nhất, đắt tiền tất là phải ngon » Ăn xong, đến vũ trường. Tuy chưa bước chân vào đây bao giờ nhưng bởi cũng nhận ra là khách quen, dành cho một chỗ đặc biệt. Tôi ôm người Clem dẫn nàng bước theo điệu nhạc du dương, và, như ngày trước, ngắm mớ tóc nàng xòa xuống trán. Nàng thổ thề : « Cũng như ngày xưa nhỉ, hơn xưa nhiều chứ anh ? » Tôi không hỏi hạn việc gian lận buổi sáng. Hạnh phúc của vợ đủ gỡ tội cho tôi. Chỉ sau này mới lo sợ mưu gian bại lộ.

* *

Nhờ quỹ của xí nghiệp tôi có thể đắp điểm chỗ thiếu hụt. Clem tỉnh ngộ đã chịu khó tính toán chi tiêu, nàng chăm nom tôi hơn trước « Anh thấy không, anh tài ba hơn anh tưởng, anh cũng thông minh và biết xoay xỏa. Không có em chắc anh vẫn ở dưới sức lực của anh. »

Nghe lời Clem tìm tôi thất lại. Từ đây, đã nói dối vợ tôi buộc phải nói dối bạn bè. Nhưng Everding không đến nỗi ngấy thơ, anh kéo tôi ra một chỗ kín hỏi tôi đã tìm được chỗ vay mượn, và lời mấy phân ?

Bouquet bây giờ là đầu mối lo ngại của tôi. Không nên để ông ta nghi ngờ, không nên bỏ ngay điệu bộ người khốn quẫn mà lộ vẻ thư thái bình tĩnh. Phải để ông thường khuyên bảo : « Ông gặp bước khó khăn nhưng ông còn trẻ, lo, gì ! » Tôi đóng kịch cũng tài. Nhưng rồi một ngày kia ông làm tôi giật mình : « Coi ông hồi này khá hơn rồi. Yên rồi chứ ? Ừ, ông đã biết nhìn đời theo cạnh khía tốt đẹp rồi đó ! » Tôi phải làm bộ thờ dài, điệu bộ một người quen với cuộc đời tan vỡ.

Một hôm Clem hỏi tôi : « Sao anh vẫn có vẻ tư lự như thế, chúng ta còn có gì đáng lo nữa ? » Sắc diện phản chiếu linh hồn tôi, tôi khó mà lừa dối người thân thuộc. Clem bắt đầu nghi ngờ « công việc kinh doanh » của tôi, nàng hỏi vặn, tôi bịa ra chuyện làm phụ, trong những giờ rảnh rang ở sở.

— Như vậy mà có nhiều tiền thế cơ à ?

Nàng nhìn tận mắt tôi :

— Mong rằng anh không làm bậy !

Tôi được thề nói rất « hùng » :

— Em vẫn cho anh là bất thành khí cục hay sao ?

Clem mua về một lô Ca-vát và sơ-mi đắt tiền để tôi diện bánh như chú rể mới. Bouquet nom thấy phải kêu lên :

— Chà bánh quá ! hẳn ông mới được thừa hưởng một gia tài.

Dẫu sao tôi cũng có cảm tưởng là ông nghi hoặc. Một hôm ông bảo tôi : « Không phải tôi nghi ngờ gì ông, nhưng tôi cũng phải hết bốn phần tôi, rồi tôi cũng

phải kiểm điểm sổ quỹ, chi phiếu và hóa đơn. Không biết sao nhà Leprince tự nhiên mua nhiều giấy hơn trước ».

Tôi vội cúi mặt xuống để ông không thấy sự bối rối. Mồ hôi chán toát ra, tay tôi run. May mà Bouquet không thấy gì. May hơn, người ta vừa đem báo đến ông vội về phòng đọc tin thể thao.

Tôi vội ra quán uống một ly rượu mạnh. Từ đây sự bồn chồn chốc lát biến thành sự lo lắng sâu xa nặng nề. Tôi phải dùng rượu làm thuốc tê nếu không tất phải vào thú nhện cả với Bouquet. Khi việc bại lộ thì tôi sẽ ra thế nào? Tôi ưa tưởng tượng ra cảnh nguy khốn ấy với đầy đủ chi tiết để thưởng thức một cách kỳ khôi.

Tôi uống ly rượu thứ ba, Nó có ảnh hưởng tốt lành. Tôi đã bị kịch hóa hoàn cảnh. Bouquet nói vậy chứ chẳng bao giờ khám sỏ.

Về nhà, người sặc hơi rượu. Clem kinh tởm và ngờ vực : « Em tự hỏi lúc khổ sở anh rất điều độ, sao bây giờ đã tai qua nạn khỏi anh lại rượu chè quá độ ! »

* *

Tôi có thể nói rằng mấy tuần sau tôi được gần hạnh phúc, Clem đáng yêu, lãng xăng coi xóc nhà nứa, bàn tính truyện tương lai. Nàng nói với tôi muốn có con.

« Trong một gia đình không con, vợ chồng chỉ là những người ích kỷ. Em muốn có đứa con giống anh, mà em cũng thấy hình ảnh của em ».

Rồi một buổi sáng nàng báo tin đã có thai. Tôi nhìn Clem : thân hình son sấn

của nàng không có gì thay đổi. Tôi muốn nói hết cả với nàng, nhưng trong trí đã hiện lên hình ảnh Clem tả tơi, ngã gục xuống ghế. Tôi có thể làm cho người vợ bụng mang dạ chứa như vậy không ?

Niềm vui sắp có con chỉ là riêng của vợ, tôi hé thấy qua tấm kính mờ, không bao giờ tôi đạt được. Tôi ghen ngào để cho nước mắt chảy ra. Clem không hiểu những giọt nước mắt ấy.

— Anh ạ, em đã tính trước nếu chưa kịp sửa soạn thì ta để tạm nôi ở đây. Nhưng anh phải bảo ngay chủ nhà phá bức tường bên để có chỗ cho em bé.

Clem đã lãng xăng báo tin cho bố mẹ, đi hỏi thăm phòng bảo sanh, trong khi Bouquet không ngừng lăm lăm : « ngán quá, nhưng rồi tôi cũng phải kiểm soát sổ sách cho hết bốn phận ».

Tôi lại tìm đến tiệm uống rượu. Một lần nữa tôi muốn tự vẫn. Nhưng rồi, sau khi chết, việc gian trá bại lộ, tất nhiên Clem sẽ lãnh đủ trách nhiệm ! Uống đến ly rượu thứ hai thì Everding vào, chào quanh các bà các cô trước khi nhìn thấy tôi.

— Tôi muốn nói chuyện với anh, quan trọng lắm.

Anh trở ra xin lỗi bè bạn rồi đến ngồi bên tôi uống luôn 3 ly rượu : « Trước hết hãy chuyện này cái đã ! ». Tôi thì thầm kể hết với anh bằng một giọng cổ làm ra khách quan. Nói xong tôi kết luận : « Tôi không phải là người hợp với Clem, nàng đã đòi hỏi những cái tôi không thể thỏa mãn được » Everding không nghĩ thế, anh bênh vực Clem :

— Người trách nhiệm là anh. Chắc nàng không ép buộc anh ăn cắp rồi. Anh có ai giúp đỡ không ?

— Không.

Nghĩ đến mình tứ cổ vô thân, tôi sụt sùi khóc.

— Tôi, tôi cũng có 2 triệu bạc nợ. Juchet sao ? Coi bộ ảnh có tiền.

Sau rồi anh nói thêm :

— Nhưng bây giờ anh về nói sao với chủ anh ? Nếu anh hoàn lại tiền họ nợ đi cho, nhưng họ không dùng anh nữa, một kế toán viên gian lận không phải là người tin cậy.

Tôi đã say mềm, Everding phải dắt tôi ra đưa về nhà và nhận lỗi với Clem đã rủ tôi đi uống rượu.

Hôm sau tôi gặp Juchet, lại một lần nữa phải kể nông nỗi cho anh nghe. Anh hứa giúp tôi, hai ngày nữa sẽ trở lại lấy tiền về nộp cho chủ.

Trở về đến sở thì Bouquet đã đi khỏi. Người thư ký nói ông đến phòng Tổng Giám Đốc, vì vợ tôi có đến đây trong khi tôi đi vắng. Tôi lấy làm lạ. Không bao giờ Clem đến sở mà không báo trước cho tôi biết. Trước khi về tôi hỏi rõ cô thư ký :

— Nhà tôi không dặn gì tôi hở cô ?

— Không, Bà nói chuyện với Ô. Bouquet lâu lắm. Lúc về tôi có hỏi nhưng bà chỉ trả lời vắn tắt «khỏi cần».

*
* *

Bảy giờ tối; tôi mở cửa vào nhà. Clem đi vắng. tôi không lấy làm lạ. Thường

thường nàng hay về nhà mẹ. Trong lúc có một mình, tôi thư thái nghĩ đến hạnh phúc bây giờ đã cứu vãn được. Tôi xuống lần lần. Trong sự yên tĩnh này, vài phút nữa cùng với Clem xa lánh thế sự cho đến sáng mai.

Trưa nay nàng đi ra ngoài khá trễ. Trên đi-văng một cuốn tiểu thuyết của Graham Greene còn mở, gối còn hằn đầu nàng gối lên, Nhưng xuống bếp thấy còn bẽ bộn chưa thu dọn.

Tôi ngồi đợi tiếng bước đi của nàng khi nàng từ thang máy bước ra, bước đi cũng như mọi người nhưng khác bao nhiêu !

Khi chuông điện thoại kêu, tôi mỉm cười, đã sẵn câu từ chối không đi đâu cả. Nhưng ở đầu dây có tiếng viên cảnh-sát trưởng Quận XVI :

— Mời ông đến ngay, bà....

Không biết tại sao, tôi nhìn đồng hồ. Tâm linh báo trước để ghi lấy giờ phút này chăng ?

Đã bao lần tôi tưởng tượng lại buổi chiều cuối cùng sau khi từ già Clem đến sở.

Tôi nói với Bouquet xin phép đi từ 5 giờ để đến nhà Juchet. Ông dặn tôi đừng khóa cửa để ngộ nhớ nhà Tổng giám-đốc có hỏi đến tài liệu cần. Khi ra đi tìm Juchet, tôi có cảm tưởng như ông chờ đợi phút ấy.

Có lẽ độ nửa giờ sau thì Clem đến, khi ấy tôi đang ở nhà Juchet. Có lẽ không bao giờ tôi biết rõ Bouquet đã nói gì với Clem. Tôi cũng không biết đích ông đã khám sổ sách và biết sự gian lận. Ông chỉ cho tôi biết Clem rất bối rối, đến hỏi thăm về tôi, nàng muốn biết tôi có thể thành đạt

được không hay mòn đời chỉ là người thuộc hạ. « Tôi nói ông đứng đắn, mẫn cán, tận tâm, cần cuộc đời bình thản, mực thước, ông không phải loại người háo thắng. Ông đặt hạnh phúc lên trên sự thành đạt. Bà nghe tôi chứ không nói gì cả. Đây, tất cả sự thật tôi không thêm bớt gì».

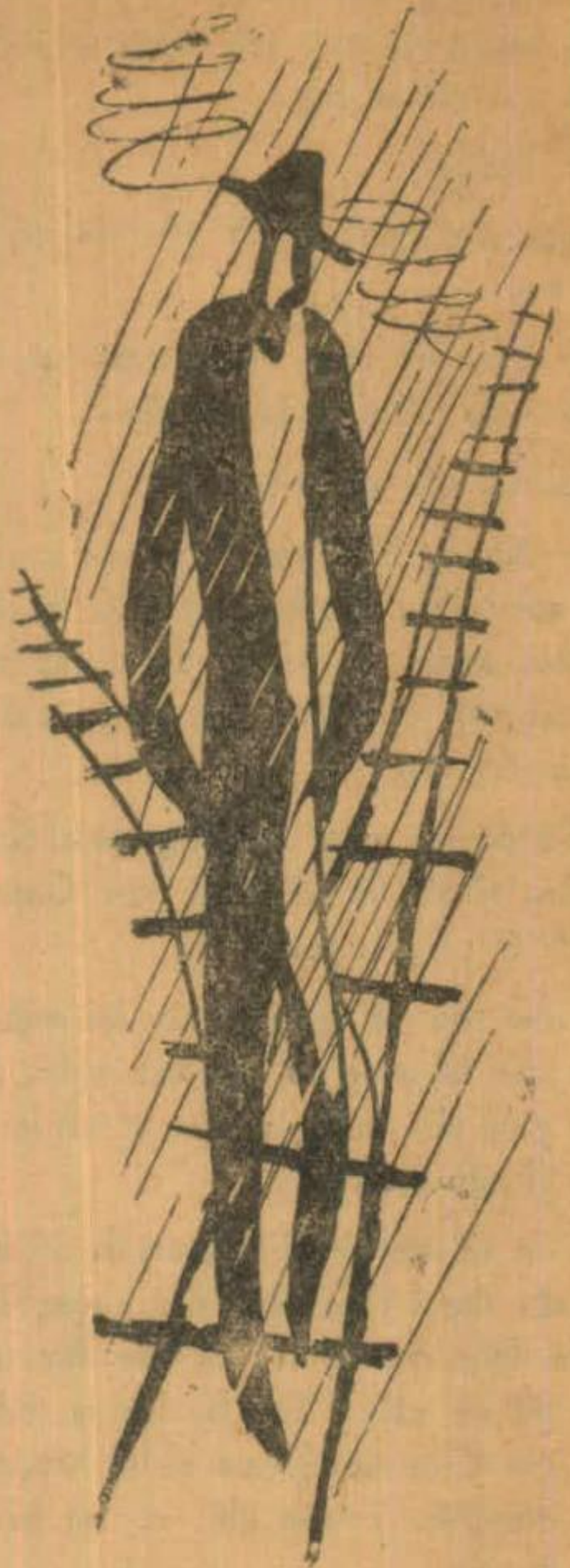
Nhưng tôi chắc ông có thêm bớt. Tôi chắc lúc tôi ra khỏi ông soát lại sổ sách, ông biết rõ hết nên cho mời Clem đến. Hẳn ông quy trách nhiệm về Clem vì nàng đã dẫn tôi tới bước đường cùng phải gian trá.

Tôi biết sau đây Clem đã làm gì. Lúc nàng phản chí nàng tìm sự cô-đơn. Nàng đã như cái bóng đi không nom thấy ai cả. Nàng đã là một người không còn có mặt trên đời. Nếu nàng gặp một người bạn, một bà con ngăn cản nàng lại có lẽ một lời an ủi sẽ cứu nàng thoát chết. Nhưng chẳng may nàng không gặp ai. Đến bên sông nàng để bóp lại trên bờ rồi cứ thế bước liêu xuống nước. Nàng không viết gì để lại trước khi chết.

Đội tuần tiểu lượcm được xác trôi giạt vào chân cầu.

Thấy nàng quàn tại nhà xác. Nom mặt nàng bình thản như người ngủ. Nàng đã trút hết lo âu, và từ nay những thống khổ chúng tôi gây ra, nàng để lại cho tôi một mình gánh chịu.

Clem chết đã mang theo những lo âu trong gia đình về tiền bạc tôi không phải bận tâm nữa, nhưng bây giờ tôi khổ tâm với sự bối hận khác. Clem tự vẫn chỉ có thể vì một lý do ; tôi gian trá mà người ta đổ lỗi cho nàng. giữa lúc nàng chưa chan hy vọng tin tưởng tương lai.



Tôi chỉ gặp Everding ngày đưa đám Clem. Anh bắt tay tôi lạnh lùng, gần như ác cảm. Còn Juchet lại thăm tôi ít lâu rồi thưa dần. Anh đã lắm khi cả quyết rằng tôi sẽ thành đạt. Đã phán đoán lắm tôi anh không tha thứ cho tôi được.

Trước khi từ già Ba-Lê tôi đã là một người sống cô-độc, không còn ai là bạn.

Tôi cũng dọn nhà đi chỗ khác, căn nhà cũ gợi lên bao kỷ niệm đau thương.

Một hôm Bouquet giữ tôi ở lại sau giờ tan sở. Chắc có chuyện gì, nhưng bây giờ tôi không lo ngại. Đối với tôi không còn cái gì quan trọng nữa.

— Ông gặp bước không may. Trong lúc buồn phiền làm ăn không thể như ý được, cái đó rất thường. Tôi mới nhận thấy ông lăm lộn vài chỗ trong sổ sách. Nay sở quyết định để ông nghỉ 15 ngày sau đó sẽ đổi ông đi khỏi Ba-Lê. Sở mới của ông sẽ là chi nhánh Strasbourg, một chi nhánh nhỏ, nhưng ông chỉ ở tạm ít lâu rồi sẽ liệu. Lúc ấy tôi hiểu rằng ông biết rõ chuyện. Người ta tính báo cho Clem biết rồi sẽ tổng cõ tôi ra, không đưa ra tòa là may cho tôi rồi. Nhưng Clem tự sát làm đảo lộn sự dự định. Người ta không nỡ làm thẳng tay nên đổi tôi đến một phân cục nhỏ, không có trách nhiệm gì quan trọng.

Ông không nói gì đến lý do khác, nhưng tôi muốn nói thẳng cho ông biết rằng ông đã giết vợ tôi, tại sao biết tôi gian trá ông không trách cứ tôi? Ông cho tôi là đứa trẻ vô trách nhiệm. Ông không

biết rằng việc làm của ông đã có hậu quả tai hại như thế.

*
* *

Từ ngày ấy đến giờ đã 6 năm. 6 năm qua tôi biết rằng tôi đã mất hẳn địa vị, người ta dùng tôi vào một việc không quan trọng đối với khả năng. Người ta còn cho tôi biết tôi có thể tùy ý tìm việc khác nếu không muốn làm cho xí nghiệp. Tháng năm qua mọi việc đều lắng chìm dần trong bụi thời gian.

Tôi sống một đời đều đặn như cái máy, ăn mặc xềnh xoàng như một tiểu viên chức.

Trong căn phòng nhỏ tôi treo hai bức hình Clem. Một bức chụp lúc nàng còn bé, bức kia chụp lúc nàng đang tuổi thanh xuân, ngồi trên bồn cỏ, một mớ tóc xõa xuống chán.

Buổi chiều, trước khi về phòng, tôi dừng lại nhìn nước sông Ill lặng lẽ trôi giữa hai bờ hiu quạnh.

Sự an ủi cuối cùng tôi chỉ tìm trong giấc ngủ. Phút êm đềm duy nhất chỉ là phút người tê nhẹ trước khi ngủ quên, có lẽ nàng cũng qua những giây hồn xác nhẹ lâng khi vĩnh biệt cuộc sống.

CÔ-LIÊU

Cùng các bạn gửi bài :

Tất cả những bài gửi đăng về SỐ KỶ-NIỆM 5 NĂM của BÁCH-KHOA (15-1-62) và SỐ TẾT NHÂM DẦN, trân trọng xin các bạn gửi về tòa soạn trước ngày 30-11-61 để kịp chuẩn bị cho chu đáo. Đa tạ.

TÒA SOẠN BÁCH KHOA

Thuở còn mười bốn tuổi thơ ngây
Ghét dáng thầy nghiêm, ngán sách dày
Dấu vớ đầu rào theo trẻ xóm
Vào rừng đuổi bướm, ngắm mây bay.
Chúng tôi như những con chim dại,
Nghe trống trường tan, vội lẻ bầu...
Một bữa, quên, về trễ
Mẹ chờ con chẳng khuây.
Giận con, mẹ khóc, không đánh mắng
Lổm đổm, buồn pha đỉnh tóc gầy !
Mẹ giật vớ cầm tay,
Mà lòng quặn thắt
Tiếng giấy rách như xé dài mi mắt
Khổ đau nhiều là kiếp mẹ thương con.
Người vào nhà, vai yếu phủ hoàng hôn,
Hoàng hôn xuống, nhưng lòng tôi tối trước
Tôi đứng bên thềm. Sao không khóc được ?
Sao bắn khoăn, sợ hãi, xót xa nhiều.



Tôi vào đời,
Đã mất mẹ kính yêu.
Nhưng có cả một gia tài vĩnh viễn
— Cuốn vở rách ngày xưa
— Tình mẹ gĩa trời biển,
Vẫn còn đây, nuôi ý trẻ dần khôn.
Tình người xưa sống mãi giữa tâm hồn,
Tôi dạy trẻ, chưa quên lời mẹ dặn :
— « Chịu khó. Ngọt ngào. Yêu người. Trong trắng »
là trọn đời của mẹ gửi trao con.

H. H.

THAO THỨC

BÙI-KHÁNH-ĐÀN

Canh dài chết cả mấy hồi chuông
Đêm vắng đèn mờ, cái hẹn sông
Trăng cắt đôi vành, mơ vẫn động
Gương tàn nửa mảnh, hận nào buông
Cuộc đời ví phải vui tình loạn
Kiếp sống khôn ngăn đồ nhịp cuồng
Dòng chữ hơ vơ lòng chẳng hiện
Thơ sầu đành trắng một tờ vuông

B. K. Đ.



ĐÊM

MẶC - THỨ

Đi vào thành-phố đi vào đêm
Lá khua mắt lạnh động đôi rèm
Đàn vắng lầu cao vừa lịm thờ
Lặng gót xem giày giở tiếng rên

*
* *

Khuya sâu thây ngả giải im lìm
La-liệt mờ thu bóng nguyệt chìm
Héo-hắt con trăng phơi dáng bệnh
Nghe chừng tận-thể đã vào tim

M. T. (1961)

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON: 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÍ**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách: **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thất-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XVI

★ TOAN-ÁNH.

Tên thật: Nguyễn-Văn-Toán.

Sanh năm 1915 tại làng Thị-Cầu, tỉnh Bắc-Ninh.

Đã xuất bản: Bước đầu (kịch, 1942) Phong lưu đồng ruộng (1943), Trong lũy tre xanh (1944) Người đẹp thời Chiến-Quốc (1951), Thanh gươm Bắc-Việt (1952), Tiết tháo một thời (1957), Bó hoa Bắc-Việt, (1959), Ký vãng (1960).

Đã đăng trên các báo: Ăn tiền (phóng sự, 1959), Ăn trộm và bắt trộm (phóng sự, 1959-60), Lời người xưa (1954-55).

Đã cộng tác với: Tao-Đàn, Tiểu thuyết thứ bảy, Nước Nam, Trung-Bắc chủ nhật (thời tiền chiến), Dân Việt, Thăng-Long (Hà-Nội) Lẽ sống, Cách-mạng quốc-gia, Thời luận, Gió Nam, Chỉ đạo, Tân dân, Văn đàn (Sài-Gòn) Lành Mạnh (Huế).

I) Tôi không rõ tôi sáng tác cho tôi hay sáng tác cho người. Thường tôi chỉ viết để ghi lấy cái gì đẹp đẽ của dân-tộc, của đất nước, và phần lớn các tác-phẩm của tôi đều nêu những điểm hay đẹp của non sông và của thuần-phong mỹ-tục Việt-Nam. Tôi cố muốn giữ cái gì đang mất của chúng ta.

II) Tôi viết nhiều về phong-tục, mỗi khi được đọc hoặc nghe điều gì về phong-tục tôi đều ghi lấy, rồi tùy lúc viết ra.

— Đôi khi, như trong cuốn Trong Lũy Tre Xanh, tôi có nêu cả những tập quán

xấu của ta, nhưng với mục-đích là mong cải thiện.

III) Định viết cái gì, tôi thường xếp đặt trong đầu óc trước, rồi gom góp tài liệu dần, lúc nào xét có thể viết được thì viết.

IV) Tuy đã gần hết đời, nhưng tôi vẫn thấy non yếu về văn-ngệ và rất thiếu kinh-nghiệm.

Tác-phẩm thích nhất của tôi cho tới nay là *Bó hoa Bắc-Việt*, tôi ưa nhất bài *Mẹ tôi*, vì đây là một câu chuyện thật của tôi.

TOAN-ÁNH



★ NGUYỄN-VĂN-CỒN.

Sinh năm 1912 tại Thanh-Hoá (Bắc Trung-Việt). Năm 1937 vào Sài-Gòn dạy học và viết báo. Cuối năm 1946, qua Pháp.

Tác-giả hai tập thơ :

Nước tôi (Sài-Gòn, 1943), Hồn Sông Núi (Paris, 1953), quyển tiểu thuyết : Hương Lòng, (1953) và sách giáo khoa « Thi Văn Việt-Nam » (1951).

Anh Ngu Í,

[...] Mặc dầu « cái tôi là đáng ghét », tôi cũng xin thành thật đáp lại những câu hỏi của cuộc phỏng vấn.

— *Tại sao tôi làm thơ ?*

— « Tôi làm thơ để mà làm, cũng như một họa-sĩ vẽ bức tranh, hay một nhạc-sĩ gảy đàn.

— *Làm thơ « để cho mình hay thiên hạ » ?*

— Tôi làm thơ không phải cho tôi mà cũng không phải cho thiên hạ, Tôi làm thơ để diễn tả những cảm nẩy nở trong tâm hồn. Ý thơ như cần được phát hiện ra, xong rồi tâm trí lại bình dị như trước.

— *Tôi sáng tác theo quan niệm nào ?*

— Khi còn nhỏ, và sau này qua Pháp, tôi học Hán văn. Tôi đã đọc quyển Kinh Thi của Đức Khổng-Tử. Vì vậy, Thơ đối với tôi là một sự thiêng liêng, cao cả, đáng thờ kính như một vị thần linh. Do quan

niệm ấy, khi làm thơ, tôi không bao giờ giấu cợt, hay chế nhạo, hay thô thiển. Trái lại, tôi rất kính cẩn và tin tưởng.

Thơ còn là hồn nhiên, là tự do, vì vậy không khi nào tôi có thể làm thơ « theo

người ta đặt » (sur commande) hay « làm một cách « thả dãn » (acte gratuit).

Tóm lại, tôi làm thơ theo cảm hứng do Thời-cuộc, hay Cảnh-ngộ gợi nên.

NGUYỄN-VĂN-CÔNG



★ LÊ-VĂN-SIEU.

Sinh năm 1911 ở Hà-Nội (trong cuộc phong vấn trước, B. K. số 69, in sai 1914),

Gia nhập làng báo năm 1936, trong khi còn là công chức sở Công-chánh. Viết các báo: Trẻ, Thời thế, Văn mới. Vốn ở trong nhóm Hàn-Thuyên, chuyên viết về thực nghiệp: Thanh niên và thực nghiệp, Luân lý thực nghiệp; Hợp lý hóa chủ thuyết Taylor, chủ thuyết Ford; Tương lai kỹ nghệ Việt-Nam, cùng nhiều sách phổ thông chánh trị.

Năm 1952, chủ trương biên tập tuần báo « Mới », tổ chức Triển lãm sách báo, chủ bút nhật báo « Phương Đông » Rồi viết bài cho báo « Văn nghệ tập san, Sáng tạo, Sinh lực, Văn hóa Á-Châu, Bách-khoa »; chủ trương biên tập nhật báo « Cách mạng quốc gia » một thời gian.

Hiện Thơ ký tòa soạn tập san chuyên môn « Xây dựng mới » và nguyệt san hình ảnh « Sáng đời miền Nam ».

Tác phẩm sau 1945: Văn minh Việt-Nam, Nếp sống tình cảm của người Việt-Nam, Văn học thời Bắc-thuộc, Văn học thời Lý, Tranh Văn hiến Việt-Nam, Học để làm gì, Tân xuân tùy bút.

Tôi quan niệm rằng người nào đều tay có những sản-phẩm nào cũng là tác-phẩm cả thì người ấy là thiên tài. Còn thường thì may lắm cả cuộc đời mới có nổi một hai tác-phẩm.

Một hai tác-phẩm ấy cũng phải có những dụng tâm tiết một cái hận gì hay những thành tâm ca ngợi một cái gì, để rồi lại phải có những duyên may được gặp những gì nó kêu gọi cho thành hình, nó nung nấu cho những ý thành sắt thép, và cuối cùng lại phải có những điều-kiện để hứng

khởi mà kỳ khu làm việc rèn luyện sắt thép ấy thành khí cụ toàn hảo.

Như thế, viết một tác-phẩm không lâu bằng nuôi một tác-phẩm. Nhưng không phải nuôi nghĩa là để tất cả ngày giờ năm tháng vào việc suy nghĩ về tác-phẩm chẳng làm ăn gì khác cả. Chính là đặt tác-phẩm thành niềm nhớ đầu tiên một khi rảnh rang trong trí não để giao phó nó cho tiềm thức làm việc và tiềm thức này sẽ đi thu hút những yếu tố tình cờ về để cho mình xây dựng.

Câu chuyện tiếng chuông chùa Hàn-San tình cờ nổi lên thật đúng lúc để giúp thi sĩ làm xong bài bắt hủ, tôi sợ chỉ là câu chuyện đời sau thêm thất cho sự giảng giải câu thơ có tình tiết éo le.

Những cái tình cờ mà tiềm thức đi tìm để thu lượm ít khi trực tiếp và toàn vẹn được như thế.

Có khi chỉ là một mảnh câu nói. Như khi tôi nuôi truyện *Quán cháo lú* (1) hồi có tin vụ án Nhân Văn Giai Phẩm ở miền Bắc. Cái hận của người văn nghệ sĩ vì bị chính trị ức hiếp nung nấu trong tôi. Cái điều đáng thóa mạ là văn hóa giả lả lướt văn hóa thật. Nhưng đến làm cho những ý tưởng ấy ở trong truyện có một kiến trúc thì lại phải tình cờ, có người bà con di cư tới kể về sự tình miền Bắc rồi chép miệng nói: » Chúng nó lú lấp ruột gan, quên cả cha mẹ ».

Cũng có khi nó là một nét mặt mà tình cờ mình gặp. Như khi tôi nuôi truyện *Khâu đit chuột* (2). Tôi tình cờ gặp một anh chàng hèn có nét mặt giống mặt anh cán bộ mà tôi đã thấy ở ngoài khu, sao nó giống với mặt con chuột bị khâu đit ở nhà tôi. Và tình cờ tôi tự nhìn lại mình cũng tuổi Tí, cũng đương nhân nhó, lại cũng đúng vào giữa lúc mình đi chữa bệnh trĩ, nằm lên trên bàn cho ông thầy Đông y khâu đit lại. Sợ chỉ ở đằng sau nó lòng thông làm tôi buồn cười hết sức, nên câu chuyện đáng lẽ phải bị dạt vì là một cái hận về sự tỏa chiếu sáng tác văn nghệ, thì nó lại chuyển thành một tiếng cười.

Lại cũng có khi nó là một đoạn của giấc mơ. Như khi tôi nuôi truyện *Thằng hai Chát* (3), lấy một gia đình xử đối với

nhau toàn bằng mưu mẹo để tượng trưng và thóa mạ một xã hội lưu manh, thì tình cờ vợ tôi nằm mơ rồi cười sằng sặc vì thấy thằng hai Chát nó ngây ngô nói: « Quên, không rắc tro lên thúng phân... » Cả cái đoạn nằm mơ ấy đã được tả lại ở phần kết cho câu chuyện thành một tiếng cười.

Lại cũng có khi chợt gặp một câu chuyện nói chơi thì nhớ để sẵn đây. Đến khi phải tả một nhân vật để cho thêm linh động thì đem dùng được liền ngay. Như khi nghe anh bạn Lãng-Nhân Phùng-Tất-Đắc nói chơi về con gà trống thỏa mãn nó gáy lên tiếng: « Ở đời chỉ có thể mà thôi ! » thì tôi đã dành được và dùng diễn tả nhân vật Hà-Ô-Lôi trong truyện.

Tóm lại, như thế, phần gom góp của tiềm thức rất quan trọng. Có khi nó chỉ là một mảnh vụn trong toàn cả lâu đài. Nhưng là cái mảnh đầu mối hay then chốt nó kích thích và hệ thống hóa những mảnh khác có thể do lý trí và kinh nghiệm sẽ đem đến sau.

Sự cấu thành một tác phẩm có thể theo những trình tự khác nhau ở những tác giả khác nhau.

Tôi có thể rút kinh nghiệm của phần riêng tôi để nói rằng: *văn nghệ mà thiếu tâm thành thì tiềm thức không bao giờ làm việc đặc lực được*, để có những yếu tố cho văn nghệ sĩ xây dựng tác phẩm. Kỹ thuật chỉ là phụ. Sản xuất nhiều ít cũng không phải điều quan hệ gì, miễn sáng tác được là một việc bữa củi như Tản-Đà đã nói.

LÊ-VĂN-SIÊU

(1) Đã đăng ở « Sáng tạo ». (2) Đã đăng ở « Bách khoa ». (3) Chưa xuất bản.

★ NHẬT-TIẾN

Tên thật : Bùi-Nhật-Tiến.

Sinh năm 1936 tại Hà-Nội.

Dạy học, viết văn,

Biên tập viên giai-phẩm Văn-hóa Ngày nay và Tân-phong.

Tác phẩm đã in : Những người áo trắng (Huyền - Trân, 1959).

— Những vì Sao lạc (Phượng - Giáng 1960) — Thềm hoang (Đời Nay, 1961).

1 — Sáng tác để làm gì, cho mình hay cho thiên hạ.

Theo ý tôi, giữa cá nhân người viết và xã-hội đã có sự liên-quan mật thiết. Từ lúc có ý định xây dựng tác-phẩm cho đến lúc hoàn thành, người viết đã băn khoăn biết bao lần trước các hoàn-cảnh. Mỗi ngày một ít, mỗi chỗ một cảm hứng riêng biệt, mặc nhiên sự vật chung quanh đã đóng góp cho nhà văn một phần cảm hứng. Như thế, khi một tác-phẩm hoàn thành, không ít thì nhiều cũng đã mang lại lợi ích cho cả đôi bên : người viết được phần thưởng tinh thần (vật-chất đối với nhà văn Việt-Nam ta bây giờ ít quá, không đáng kể), còn xã-hội được thêm một phần đóng góp trên phương diện văn-hóa. Như thế thiết tưởng chẳng nên tách riêng hai sự « để cho mình » hay « cho thiên hạ » như ý người phỏng vấn làm gì.

2 — Sáng tác theo đường lối nhất định nào hay là tùy cảm hứng.

Có lẽ « đường lối » ở đây là « phương pháp làm việc ». Nếu hiểu theo nghĩa ấy thì tôi không theo được cả hai. Bởi vì nói phương pháp thì phải có hệ-thống, có chương-trình bó buộc, còn cảm-hứng thì

phải có nhiều thời gian vì hứng đến với mình từng lúc.

Mà riêng tôi thì vì bận-bịu với nghề-nghiep nên có khi một mỗi hàng tháng không viết thêm được một dòng. Nhưng gặp trường hợp rỗi rãi, có thời gian, tôi cầm bút viết, bất kể có hứng hay không. Tuy vậy thông thường nếu có cảm-hứng, lại thêm rỗi rãi thì sáng tác dễ dàng hơn.

3 — Những gì đã xảy ra từ khi tác-phẩm thai nghén đến khi thành hình.

Tôi bắt đầu bằng một nhân vật sống trong một hoàn cảnh nào đem lại cho tôi nhiều rung cảm nhất. Từ nhân vật ấy, tôi viết chương thứ nhất. Rồi từ đấy, tùy theo sự kiện đã viết trong chương trước (sự kiện này đến với tôi trong lúc viết), tôi dựng chương sau. Thường thường là viết được 9, 10 chương tôi mới nghĩ đến « kết ». Lối viết này, theo tôi tạo được nhiều khách quan hơn là xây dựng sẵn môi cốt chuyện có sắp đặt từ đầu. Vì nếu định trước, tác-phẩm sẽ bị gò bó, do đó mất đi nhiều ý mới lạ.

4 — Kinh-nghịem sống và sáng tác thích nhất.

CUỘC PHÒNG-VẦN VĂN-NGHỆ...

Về hình thức thì khi viết, tôi cố gắng giữ cho mình cái ý nghĩ là « *đừng làm văn-chương* », vì thật ra *tả cảnh mà không sáo* thì thật là khó. Để tránh cái khó đó, tôi chọn lối hành văn giản dị. Nhưng chọn là một chuyện, mà theo được hay không lại là một chuyện khác. Cái đó theo tôi nghĩ, thuộc về phần phê-phán của người đọc. Còn nội-dung tác-phẩm thì

thú thật tôi còn băn-khoăn nhiều, chưa dám gọi là có kinh nghiệm để nêu lên mặt báo.

Còn về sáng tác của tôi, tôi thích nhất, thì theo thiên ý, các truyện của mình tuy đã in ra, chưa hẳn là ai cũng đọc đến, để nói ra là ai cũng biết ngay. Cho nên, xin miễn điều ấy cho tôi.

NHẬT-TIẾN

Tháng 10-61, nhà xuất bản Sông Hương sẽ phát hành:

NỖI BUỒN CỦA ANH

— Thi-phẩm thứ ba của Thề-Viên

— Bia : Ngọc Dũng — phụ bản : Lữ Hồ

Tác-phẩm mang nỗi buồn của thời đại, các bạn yêu thơ xin đừng bỏ qua.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes **JOB** Supfines

COFAT CHOLON

SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

Thương chồng

của NHẤT-LINH (1)

Thương chồng gồm sáu truyện ngắn.

Truyện đầu tiên nói về một người đàn bà đảm-dang, thương yêu người chồng lơ cơ thất nghiệp, truyện kể lại những việc xảy ra trong cái ngày đầu mà người đàn bà ra đi cân gạo để nuôi sống gia đình.

Truyện *Hòn đôi* đưa ra một khía cạnh của tình yêu; vì một có không đâu « chàng » và « nàng » giận nhau mấy ngày, cuối cùng họ tìm đến nhau, cười với nhau, và biết rằng thực ra họ đang yêu nhau hơn bao giờ cả.

Bán Vịt trời kể chuyện cậu Ấm Hải lén lút hút thuốc phiện, trong khi hưởng cái thú say thuốc lại còn ngây ngất trước sự cảm dỗ của một thiếu phụ đẹp trong gian nhà vắng vẻ.

Truyện *Búng ruồi* xảy ra ngay trong nhà cậu Ấm Hải, nói về tư cách bộ dạng của giáo Đông, một tên láu-lỉnh trong giới chạy việc, trong lúc y tìm cách lân la đến rủ cụ An — mẹ cậu Ấm — mua phiếu tiết kiệm.

Những ngày diêm ảo là tuần trăng mật của một đôi trai gái mà nàng là cô gái vừa từ bỏ một quá khứ thiếu trong sạch về ở với chàng là một chủ đồn điền giàu có.

Bác Hòa hàng cơm nói về một trường hợp động tình của một người góa phụ trẻ

tuổi, sống một mình, vắng vẻ. Một đêm bác Hòa ấy đã làm liều, đến giờ mừng chui vào nằm chung với một người thanh niên mà nàng đã đem bụng yêu từ lâu.

Tất cả những truyện trên đây đều đã đăng lên các báo rồi, có truyện đã đăng cả bản dịch ra ngoại ngữ nữa (*Bán Vịt trời*), cho nên những độc giả thường theo dõi Nhất-Linh không có cái vui gặp một tác phẩm mới. Trái lại, trong đó dường như có dấu hiệu một điều đáng buồn. Số là trong « Mấy lời nói đầu » về bộ trường giang tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới* khởi đăng ở *Văn hóa ngày nay* số 1, tác giả có giới thiệu quyển *Cậu Ấm*, « truyện tả đời êm ấm của vợ chồng cậu Ấm », thế rồi trong *Thương chồng* vừa ra đời có hai truyện về gia đình cậu Ấm (*Bán Vịt trời*, *Búng ruồi*), người đọc tò mò xem danh sách những tác phẩm của Nhất-Linh mà nhà xuất bản Đời-nay rao trước ở bìa sách thì thấy thiếu đi quyển *Cậu Ấm* ! Người ta nhớ lại « Mấy lời nói đầu » về *Xóm Cầu Mới* cũng đã từng giới thiệu một cuốn truyện dài *Nhà mẹ Lê*, « truyện gia đình bác Lê nghèo khổ, cùng cực nhất trong xã hội », rồi tập truyện ngắn *Mối tình « chán »* ra đời, trong danh sách tác-phẩm Nhất-Linh lại mất đi *Nhà mẹ Lê*.

Nếu quả thực việc xuất bản những thiên truyện ngắn ấy tỏ rằng nhiều dự định của tác giả thất bại, rằng có những tác

(1) Đời nay xuất bản

phẩm dự định rồi cuộc không thực hiện được và chỉ còn lưu lại một đôi mẫu ngắn, thì không phải là đáng buồn đối với những người có cảm tình với sự nỗ lực của tác giả trong mấy năm gần đây sao.

Tất cả sáu truyện trong *Thương Chồng* như trên đã lược thuật đều không có cốt truyện gì đáng chú ý. Ông Nhất-Linh đã bao nhiêu lần nói rằng cốt truyện là điều ít quan hệ, và quả ông đã chứng minh được điều ấy: truyện hay không vì cốt truyện. Sáu truyện của ông là sáu trường hợp tâm lý, và nó hay là vì tâm lý được nghiên cứu sâu sắc, được diễn tả đúng, tinh vi.

Nhất linh đã từng nổi tiếng về những tiểu thuyết luận đề, nhưng thực ra sở trường của ông là tiểu thuyết tâm lý. Sau những *Đoạn tuyệt*, *Nắng thu*, *Anh phải sống*, (2) *Lạnh lùng*, *Hai buổi chiều vàng v.v...*, thời kỳ sáng tác tiền chiến của ông chấm dứt bằng hai cuốn *Đôi bạn* và *Bướm trắng*, thì đó là hai cuốn có khuynh hướng tâm lý rõ rệt nhất. Sau này, kiểm điểm lại, ông cũng tỏ ý bằng lòng hai cuốn ấy hơn cả, xác nhận cái xu hướng sở trường của mình. Trong thời kỳ sáng tác gần đây ông đã quyết dùng tiểu thuyết để vẽ lại cuộc đời muôn mặt, và điều ông lấy làm quan trọng trong việc vẽ cho được cuộc đời muôn mặt vẫn là xây dựng những nhân vật sống, động, thực, bằng cách đi sâu vào tâm hồn họ.

Đi sâu vào tâm-hồn con người: đó là điều ông coi như cái đích của nghệ thuật tiểu thuyết; tuy nhiên thiếu

thời ông còn băng hái thiết tha đối với những vấn đề xã hội, chính trị... nên trong tác phẩm ông các luận đề lấn hiếp phần tâm lý, đến khi về già, thoát ra ngoài thế sự, yên lặng thanh thoi, ông sung sướng chuyên tâm vào những tìm kiếm tâm lý tẩn mẩn chi-ly hơn.

Căn cứ theo quan niệm sáng tác của ông và theo dõi sự phát triển khuynh hướng sở trường của ông, người ta thấy Nhất-Linh mỗi ngày có mỗi tiến bộ trên con đường mình đi. Ngày nay ông xây dựng được những nhân vật linh động, độc đáo hơn hồi thuở *Đoạn tuyệt*, *Anh phải sống*, ông thấu đáo những khía cạnh tâm lý tinh vi tế nhị hơn hồi đó nhiều. Trong những tác phẩm tiền chiến của ông ta không gặp nhân vật nào độc đáo như tên « giáo Đông Công-Ích Tin lành », trường hợp xúc-cảm nào được phân tích tinh tế như trong *Bán Vịt trời*... Việc tìm hiểu những uẩn khúc tâm lý của con người đưa ông đến những thái độ bạo dạn có thể nói bất ngờ, như trong *Bác Hòa hàng cơm*.

Hồi *Văn hóa* ngày nay mới xuất bản đôi ba số, nhớ có người đã trách tác giả về tính cách vô luân trong chuyện *Bán Vịt trời*. Một độc giả có nhiều bận tâm về luân lý chắc còn trách Nhất-Linh hơn nữa về truyện *Bác Hòa hàng cơm*. Nhưng trách thế e không dính dáng gì đến dụng ý của tác giả. Nhất-Linh chỉ muốn trình bày ít nhiều diễn biến tâm lý mà ông cho là thực, chứ ông không có dụng tâm luân lý nào trong những truyện đó.

Trái lại, tôi còn nghĩ rằng có lẽ Nhất-Linh thực tâm không thích để xảy ra những

(2) Viết chung với Khái-Hưng.

điều nhóp nhúa trong sách mình. Ở nơi con người muốn mở xẻ tâm lý một cách khoa học, muốn đi sâu vào đời sống bản năng ấy, còn sót lại cái sở thích những cảnh thi vị, những cái gì thanh cao tao nhã, lãng mạn nhẹ nhàng, còn sót lại một cái «nhô phong» nào đó. Khái-Hưng cũng hướng về cái thi vị đó, nhưng Khái-Hưng dễ dãi, cạn cợt hơn. Nhất-Linh siêng năng, tìm kiếm, quan sát, nghiên cứu như một nhà phân tâm, bỗng tới những giờ phút gay cấn ông ngẩng mặt lên ngâm thơ, mặc kệ những sự thực tâm lý... Bác Hòa vạch mùng vào nằm bên trái, nhưng vào đó rồi thì bác lại đi nói Kiều và hát cho nhau nghe. (Người ta còn nhớ trong *Giòng sông Thanh thủy*, cặp trai gái cũng ham ngâm thơ ngâm phú như vậy). Nhà tâm lý ở ông Nhất-Linh lắm lúc có cái nhìn thiếu kín đáo vào những chỗ léo-lắt của đời sống tình cảm và bản năng của con người, nhưng khi ông sắp lỡ trớn thì đã có người nghệ sĩ lãng mạn tao nhã gọi lại, cho nên ta tin rằng ông ghét những chuyện nhảm nhí quá đáng. Tuy rằng cái ghét đó thường làm hỏng mất cái sự thực tâm lý mà ông tôn trọng và tìm kiếm.

Nhất-Linh tiến trên con đường của ông, thuận theo năng khiếu sở trường của ông. Nhưng còn dư luận trong giới độc giả và trong văn giới gần đây thì lại không tán thưởng ông như trước kia nữa. Người ta trách ông không nói được những điều đang làm bận tâm thế hệ này. Ông thì có vẻ như là không quan tâm mấy đến lời trách-cứ ấy: ông chủ trương viết cho mọi thế hệ, mọi thời đại, ông cố gắng diễn đạt được cái sự thực sâu

xa trong tâm hồn con người chứ không cần nói những điều hợp thời.

Chữ « hợp thời » có nghĩa xấu, nhưng tưởng quần chúng độc giả có lý khi họ muốn thưởng thức những nghệ phẩm có liên quan đến hoàn cảnh mình đang sống. Người đọc sách bao giờ cũng muốn gặp trong sách những điều tự mình đang cảm nghĩ: kẻ đang ngồi trong khám thích đọc những bài về lao tù, về tự do v. v... hơn là thích ngâm bài thơ vịnh ông tiến-sĩ-giấy chẳng hạn, tuy rằng thơ vịnh tiến sĩ giấy cũng có thể hay bất cứ ở thời nào. Những nhân vật trong *Thương chồng* tuy vẫn có chỗ gần với chúng ta về những sự thực tâm lý bất biến của con người, nhưng lại xa cách với chúng ta vì chúng ta không gặp ở họ những xô xao chung giữa những người đồng cảnh đồng thời. Hai bên không có gì xung khắc lẫn nhau, vì thế ta lấy làm tiếc sự thiếu sót.

Vả lại sự thực trong tâm hồn có những điểm bất biến, làm cho tác phẩm diễn tả nó được trường tồn. Nhưng đối với những thực sự bất biến ấy, mỗi thời đại vẫn có một cách nhìn riêng, một lối thể-hiện riêng. Những cái đó làm ra thời đại tính của tác phẩm, và làm cho quần chúng độc giả mỗi thời thường có một niềm nở đối với các tác giả và tác phẩm của thời đại đặc biệt hơn là đối với của những thời khác. Ai không nhận rằng thơ Kiều của cụ Nguyễn-Du là hay ở bất cứ thời nào, thế nhưng trước đây vài mươi năm nam nữ thanh niên vẫn thích chép thơ tình của Xuân-Diệu hay Nguyễn-Bính chẳng hạn hơn là chép Kiều.

Trong thời kỳ *Anh phải sống, Lạnh lùng...* Nhất-Linh chưa đi sâu được vào những sự thực tâm lý của con người bằng ngày nay, nhưng trong cách nhìn, cách thể hiện sự thực ấy, độc giả đương thời thấy ông « hợp » với họ ; ngày nay tác giả *Thương hồng* chắc phải lấy làm hài lòng

về kỹ thuật của mình hơn trước, nhưng ông không còn hưởng được sự hoan nghênh có nhiệt tình của quần chúng độc giả nữa. Thế hệ này đang mong đợi một cách nhìn và thể hiện cuộc sống khác hơn.

TRẦN - THIÊN

ĐI NGHE :

Nói chuyện về cái đẹp...

Sau kịch gia Vi-Huyền-Đắc nói về kịch, đến linh mục Thanh-Lãng, quyền chủ tịch của nhóm Bút Việt, « *Thử nghĩ về thái độ của giới sản xuất cái đẹp và giới tiêu thụ cái đẹp trong nghệ thuật* », tại giảng đường Đại học Văn khoa Sài-Gòn, vào lúc 9 giờ chủ nhật. 1-10-61. Đây là cuộc nói chuyện thứ nhì về văn chương, nghệ thuật mà Trung tâm Văn Bút Việt-Nam định tổ chức hàng tháng, trong niên khóa 1961-62.

Trong lời giới thiệu mở đầu, ông Phạm-Việt-Tuyền, tổng thư ký của nhóm, cho biết : « Câu chuyện hôm nay đề cập đến vấn đề phê bình văn nghệ, một công cuộc mà Trung tâm Văn Bút Việt-Nam đang muốn góp một bàn tay nhỏ với những cánh tay hùng của một số các nhà báo, nhà văn, nhà giáo, để đẩy cho tiến mạnh thêm lên bầu tào thành cả một phong trào ham thích sáng tạo, trình bày và thưởng thức các tác phẩm văn chương nghệ thuật ».

Và sau lời giới thiệu những hoạt động văn chương, văn hóa của diễn giả, ông Phạm-Việt-Tuyền nhường lời cho linh mục Thanh-Lãng.

Tác phẩm nghệ thuật là cái đẹp mà giới sản xuất chế tạo ra và giới tiêu thụ thưởng thức. Bản chất của tác phẩm nghệ thuật, tới giờ, chưa có định nghĩa nào thỏa đáng, nhưng ai cũng ngầm nhận « tác phẩm nghệ thuật như một sự cụ thể hóa một quan niệm về cái đẹp, về nghệ thuật ». Song quan niệm về cái đẹp — tức về nghệ thuật — mỗi nhóm, mỗi thời, mỗi khác. Lịch sử cái đẹp là một diễn biến không ngừng

Diễn giả nhắc sơ qua quan niệm cái đẹp theo phái cổ điển, theo phái lãng mạn và theo lớp « thiên tài mới » từ trong bóng tối bước ra. Theo những người này thì « bản chất đích thực của người nghệ sĩ là đi tìm cái mới « liên lý » (1), là không bao giờ dừng lại ở một

(1) Chữ của diễn giả.

bến có nhiều thuyền đậu : không những họ li khai với nghệ thuật cổ điển mà ruộng rẫy luôn thể quan điểm lãng mạn. Tác phẩm nghệ thuật đối với họ lắm khi chỉ còn là một thái độ trước cuộc đời, một sự tra hỏi về hiện hữu ».

— Vậy, thiên tài là những kẻ không muốn bị câu thúc trong những luật lệ do người khác làm ra. Họ sáng tạo tác phẩm và làm những luật lệ vốn nằm trong tác phẩm của họ.

Vì thế, họ không bao giờ hài lòng cả, luôn luôn băn khoăn nhìn về trước để tìm những chân trời mới. Trái lại, giới thưởng thức cái đẹp — tức những phê bình gia — ngược lại hay trông lại sau, bắt nghệ sĩ phải thế này thế nọ, nhân danh những luật lệ mà họ khám phá ra ở đây. ở đó.

Và diễn giả nhấn mạnh :

« Chính vì quan điểm khác nhau như vậy, mà thường có sự bất bình giữa nghệ sĩ với nhà phê bình : nghệ sĩ bức mình vì bị những bóng ma chấp chờn của nhà phê bình ám ảnh.

« Không phải là nghệ sĩ không thích cho, có người thưởng thức cái đẹp họ làm ra. Nhưng họ muốn sự thưởng thức kia phải là một sự ưng thuận không tiếng nói, một thái độ chiêm ngưỡng âm thầm, một cái nhìn cung kính, câm lặng.

« Nghệ sĩ tự cho tác phẩm của họ là vùng thái dương buổi trưa : ai ngắm, cứ việc ngắm, nhưng phải ngắm xa xa vậy. Sự chói sáng của nó cấm cản không ai được bạo hành nhìn thẳng vào nó. Picasso

bức mình vì có người cứ muốn biểu hội họa của ông. Picasso bảo : « Sao người ta cũng không đi mà tìm hiểu tiếng chim hót ? Tại sao người ta yêu một cảnh đêm, một bông hoa, hay bất cứ vật gì khác mà chẳng bao giờ muốn tìm hiểu chúng ? »

Nhà nghệ sĩ nhìn về ngày mai, luôn luôn tìm tòi, khám phá, còn nhà phê bình là những chú lái dò cứ muốn cấm thuyền nghệ sĩ ở các bến xưa, trên dòng sông cũ, và hề thấy nghệ sĩ nhỏ sào để đi vào những vùng sóng nước lạ, xa thì họ vội la lên !

Với bậc thiên tài, luật lệ chẳng phải là cái gì định sẵn, có trước, mà hàm chứa trong tác phẩm mà sau này người ta mới nhận thấy.

Sáng tạo, ban sự sống, mới là bản chất thật sự của nghệ sĩ.

Rồi diễn giả nhắc đến một đoạn trong thiên « Trường ca » của Xuân-Diệu, để làm sáng lên cái sức sáng tạo của Nghệ thuật.

Rồi diễn giả đưa ra nhận xét : vì thiếu hướng đi, thiếu khả năng sáng tạo mà thế hệ nghệ sĩ chúng ta hiện sống trong phân vân vô tận, do đó gây ra một tình trạng ngưng đọng, im lìm, mệt mỏi. Đó là một thái độ cạm tường.

Luật lệ cũ, họ cảm thấy khe khắt quá hay hẹp hòi quá. họ theo không nổi, hay chẳng muốn theo, mà đường mới, thì họ tìm chưa ra lối, do đó họ « cứ luẩn quẩn mãi trong việc xào nấu lại những món ăn đã quá thiu ngúi khiến cho người thưởng thức cũng mỗi ngày thêm ngấy chán ».

Giới sản xuất cái đẹp là thế, còn giới thưởng thức cái đẹp thì sao? Cũng chẳng hơn gì. Tệ hơn mà, những người của giới này đi vào khu vườn nghệ thuật, không phải để khám phá những hương lạ hoa xa, sắc mới, mà chỉ để nhìn với cặp mắt khe khắt của một quan tòa.

Diễn giả thấy họ « đi vào thế giới nghệ thuật với một cặp dĩa, trong chứa đầy những bộ luật đầy cộm. Họ muốn biến thế giới tự do của nghệ thuật thành ra một pháp đình, trong đó họ ngồi ghế chánh án, để gọi nghệ sĩ ra ngồi tòa, và xét xử công, tội của nghệ sĩ, nhân danh những bộ luật tiên thiên mà họ đã lượm được khắp nơi và xếp sẵn trong cặp dĩa ».

Phê bình, theo diễn giả, là làm nhân chứng, là ghi nhận « cái sự đã rồi » của tác phẩm nghệ thuật.

Rồi ông nói qua về phản ứng của ta trước sáng tác phẩm : không phải là một cảm xúc sinh lí (rún rẩy trên làn da, rạo rực bên lòng), mà là một phán đoán hữu thức.

Điều giả cho tác phẩm nghệ thuật phải hiện hữu « với - những - tác-phẩm - khác, bên - những - tác-phẩm - khác, vì « tách nó ra khỏi đoàn thể của nó, tác phẩm không còn là tác phẩm nữa, : tác phẩm là « một lúc của một lúc to hơn, là một mảnh vỡ của toàn khối ». Ông ví « mỗi tác phẩm là một luồng sáng mà luồng sáng của các tác phẩm khác chiếu vào làm cho rực sáng lên. Mỗi tác phẩm là một âm điệu mà những âm điệu của các tác phẩm khác hòa vào làm nên một bản hòa nhạc hùng tráng ».

Do đó, các tác phẩm nghệ thuật liên đới với nhau, không nhiều thì ít.

Vậy thì nhà phê bình này có thái độ nào? Thái độ tiểu xảo, lạnh lùng như một quan tòa soi mói, như một đồ tể? Không. Thái độ phải có là « thái độ một cuộc sống đối với một cuộc sống, biết lắng nghe, biết đối thoại, biết hợp tác, biết liên đới, biết giao dịch, biết trao đổi, biết cảm thông, biết chiêm đoạt, biết khai triển. »

Và ở phần kết luận, diễn giả đưa ra ý kiến :

« Phê bình cũng là tham dự vào công trình sáng tạo. Và mối tương quan giữa giới sản xuất cái đẹp với giới tiêu thụ cái đẹp cũng là một tương quan sáng tạo ».

* *

Cuộc diễn thuyết chấm dứt lúc 10 giờ. Một số thính giả còn ở lại, họp từ nhóm nhỏ, đổi trao ý kiến.

Người khen giọng nói diễn giả rõ ràng, người nhận xét cử chỉ ông làm người nghe nhớ đến Thanh-Lãng - linh-mục hơn là Thanh-Lãng - nhà-văn. Danh từ « sản xuất », « tiêu thụ », « thưởng thức » được nhiều người bàn đến. Phần đông khi đọc hay nghe « giới sản xuất », nghĩ ngay đến những nhà xuất bản, và « giới tiêu thụ, giới thưởng thức, » gọi liền trong trí những hạng độc giả thường vốn là giới đông đúc nhất và đáng quan tâm nhất.

Vì thế, người ta mong lại có dịp nghe ông Thanh - Lãng (hoặc một hội viên nào của nhóm Bút Việt) sẽ « thử nghĩ » về giới xuất bản sách và giới đọc sách trong một ngày chẳng mấy gì xa.

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

- Văn thơ tháng Tám ; Đêm nay ; Lần cuối ; Dạ vũ ; Cô độc ; Nắng ngoài đồn ; Tôi (Vũ - Kiệm) — Thương yêu ; Buồn em ; Tư-sắc cuộc sống ; Buồn đô thành (Nhật-Tri) — Thơ bệnh viện ; Bài ca thủy thủ ; Vào mộng (Sao Mất) — Đường quê lối cũ (Huyền-Tôn-Tử) — Thu biệt ly ; Sang thu (Tam-Chi) — Luyến tình ; Im vắng (Loan-Diễm) — Trung-Hoa Đổ đi chinh phục bá chủ hoàn cầu (Ngô-Quang-Mẫu) — Kỷ niệm con đường này (Mạc - Phong - Thanh) — Dở dang (Phong - Anh - Trịnh-Quang-Phú) — Tâm hồn tôi (Vĩnh-Đỗ) — Điều tàn ; Tội lỗi ; Giao bến tình em (Lê - Thùy - Lam) — Dừng bước giang hồ (Lê-Tâm) — Lâu đài của Phượng (Cao-Thiên-Lương) — Nỗi buồn ; Mộng cùn tro (Thường-Lang) — Vua Quang - Trung chết vì độc được (Cung-Tướng-Anh) — Trước một vấn đề lịch sử quan trọng : Dân Lạc - Việt (Nguyễn - Đức - Cung) — Phê bình một trang sử (Nguyễn-Phương) — Lựa vợ kén chồng (Lê - Hoàng - Long) — Hai người ; Vì sao giữa thế kỷ 20... (Kim - Tuấn) — Sartre và cuộc phiêu lưu của Tự Do (Phương-Tuấn) — Mưa đêm miền núi (Lê-Tâm) — Đàn Trầm ; Đêm thu (Sao Trên Rừng) — Lang thang ; Chiều phố rộng (Phạm - Huy - Thái) —

PHỐ SANG GẤP

Ở khu yên tĩnh vùng Tân-Định (Hiền-Vương) — 1.500đ. tiền phố. Sang 110.000đ. với tất cả đồ đạc, đầy đủ tiện nghi, tủ lạnh, máy may. Khi nào đi Chủ phố trả lại 60.000đ. Hối 76/3, Hiền-Vương.

Thoáng chiều (Tân Sung) — Thu quê mình ; Tình yêu lên ánh mắt (Thành-Tôn).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

- **Anh Thế-Viên** Đã nhận được thư và thơ của anh. Đã làm theo lời anh dặn trong thư.

- **Bạn Húc-Nhật** Đã chuyển thơ anh cho người phụ trách về thơ.

N. N. Í.



SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Cái bong bóng lợn** của Phan-Vào-Tạo, nhà văn quen thuộc của bạn đọc Bách-Khoa. Tuyển tập 15 truyện ngắn đặc sắc nhất đã từng đăng trên tạp chí Mai và Bách-Khoa — Sách dày gần 200 trang, ấn loát mỹ thuật trên giấy trắng dày, do Nam-Chi từng thư xuất bản.
- **Vàng đại thi tập** của Khang-Lang, Bông-Trang xuất bản, do tác-giả gửi tặng.
- **Giáo lý sơ đẳng** của L. M. Nguyễn-Khắc-Xuyên, Hiện Tại xuất bản, do tác-giả gửi tặng Sách dày 188 trang giá 25đ.
- **Thú đau thương** Tập thơ của Dương-Kiên, tranh vẽ và mộc bản của Đăng - Giao — Sách dày 46 trang, khổ lớn, giá 30đ.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bà o - H i ề m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23730

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

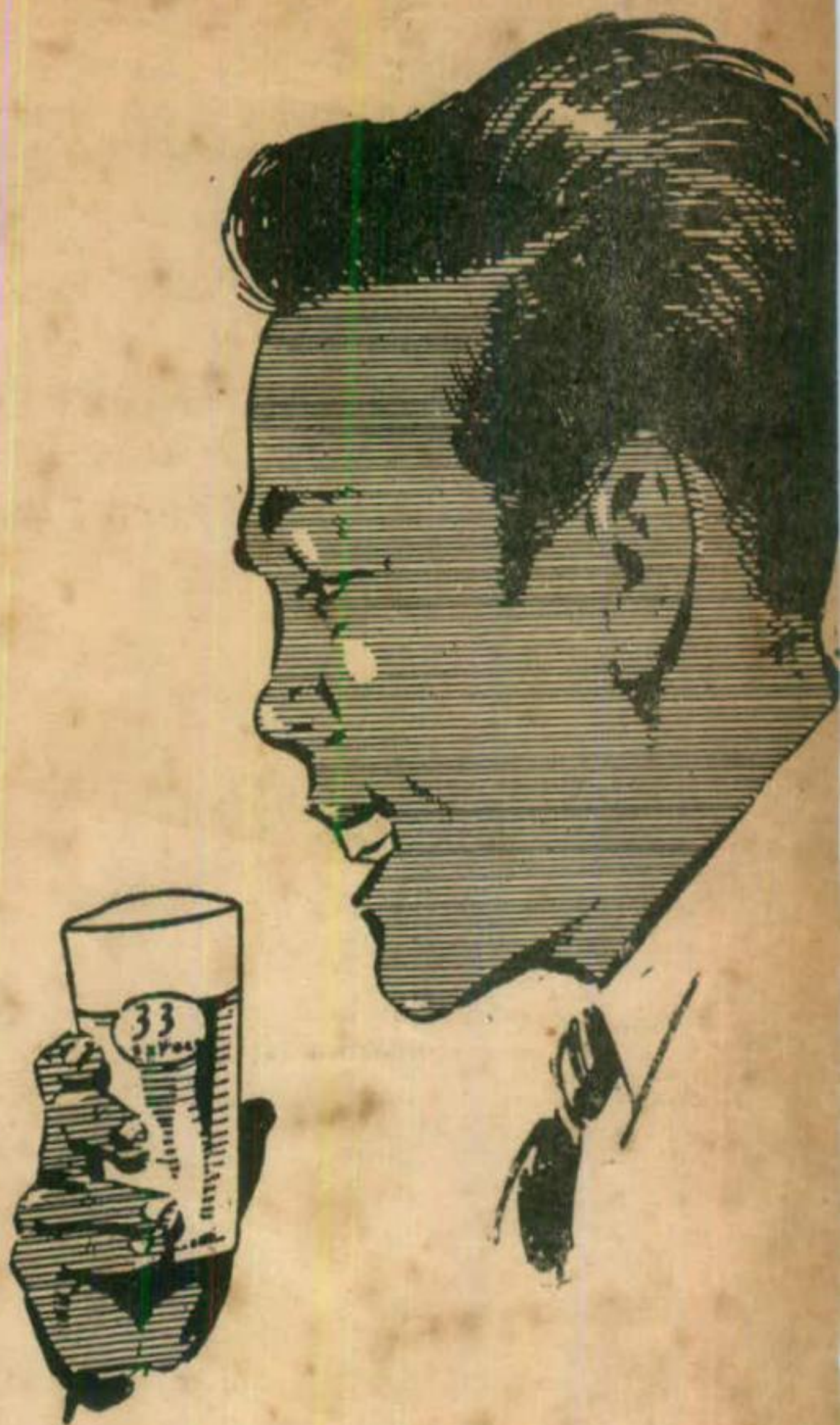
LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siền — Téléphone : 20.821 — SAIGON



LA-VE

“33”

HÀO HẠNG



Cigarettes
VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đinh-Phùng — Saigon
Dây nói : 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần Hưng Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$